



# THÔNG TIN

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

### TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TÂY NINH

Chủ động - Đồng bộ - Đột phá - Kỷ cương - Chất lượng - Hiệu quả



**SỐ 06**  
**2023**

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính hướng đến xây dựng Trường Chính trị chuẩn (trang 3)
- Nội dung cốt lõi và giá trị của tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng (trang 11)
- Phát huy giá trị văn hóa gia đình truyền thống trong hệ giá trị văn hóa của Việt Nam hiện nay (trang 39)



**THÔNG TIN  
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN  
SỐ 06/2023**



**BAN BIÊN TẬP**

**TRƯỞNG BAN  
TS. Phạm Ngọc Hải**

**PHÓ TRƯỞNG BAN  
ThS. Trương Văn Thành  
ThS. Nguyễn Xuân Luyện**

**THƯ KÝ  
CN. Phạm Thị Kim Hồng**



**PHỤ TRÁCH NỘI DUNG**

**ThS. Phạm Thị Cẩm Lài  
ThS. Mai Tuấn Kiệt  
ThS. Nguyễn Hồng Thật**



**KỸ THUẬT ĐỒ HOẠ**

**CN. Nguyễn Hữu Tâm  
ThS. Trần Thị Bé Nhi  
ThS. Huỳnh Thị Nhẹ  
ThS. Dương Minh Ngọc Hoa**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ</b>	
- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính hướng đến xây dựng Trường Chính trị chuẩn.	<b>3</b>
<b>NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN</b>	
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “Cách lãnh đạo” với nhiệm vụ đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở hiện nay	<b>5</b>
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về khát vọng vươn lên, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững	<b>8</b>
- Nội dung cốt lõi và giá trị của tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng.	<b>11</b>
- Trị tận gốc tham nhũng, tiêu cực - Giá trị cốt lõi trong tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng.	<b>14</b>
- Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là phải chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai để “không dám” tham nhũng, tiêu cực.	<b>16</b>
- Nhận thức của Đảng ta vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ khi đổi mới đến nay	<b>18</b>
- Ý nghĩa lịch sử và giá trị thời đại của sự kiện Nguyễn Tất Thành -Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước.	<b>20</b>
- Nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng quan niệm về thanh Đảng của V.I.Lênin	<b>22</b>
<b>BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG</b>	
- Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.	<b>25</b>
- Đấu tranh phản bác các quan điểm xuyên tạc bản chất, giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay.	<b>28</b>
<b>ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG</b>	
- Phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam bộ đến năm 2030.	<b>32</b>
- Nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị	<b>35</b>
- Phát huy giá trị văn hóa gia đình truyền thống trong hệ giá trị văn hóa của Việt Nam hiện nay.	<b>39</b>
- Tây Ninh đẩy mạnh thực hiện phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.	<b>43</b>
<b>KINH NGHIỆM - THỰC TIỄN</b>	
- Những giá trị định hướng của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công tác giảng dạy ở Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh hiện nay.	<b>45</b>
- Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh học tập là làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước.	<b>47</b>
- Một số giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế của học viên các lớp trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh hiện nay.	<b>50</b>
- Ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều của đội ngũ cán bộ, lãnh đạo quản lý ở cơ sở hiện nay.	<b>52</b>
- Phương hướng rèn luyện của đội ngũ viên chức trẻ Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay.	<b>55</b>
- Gia đình Việt Nam hiện nay: Truyền thống hay hiện đại?	<b>57</b>
<b>HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO</b>	
- Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tổ chức các hoạt động tháng công nhân năm 2023.	<b>59</b>

## TĂNG CƯỜNG KỶ CƯƠNG, KỶ LUẬT HÀNH CHÍNH HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

**ThS. Nguyễn Xuân Luyện**

**Phó Hiệu trưởng**

Quy định số 11- QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Trường Chính trị chuẩn quy định: Thực hiện văn hóa Trường Đảng, kỷ luật, kỷ cương. Trong đó xác định yêu cầu xây dựng các tập thể, cá nhân phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Để quản lý và tổ chức thực hiện giảng dạy và học tập cho toàn hệ thống các Trường chính trị, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành hàng loạt các quy định, quy chế từ đào tạo, bồi dưỡng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của cán bộ giảng viên và học viên làm căn cứ áp dụng cho hệ thống các Trường Chính trị. Việc thực hiện các quy định, quy chế đã từng bước chuẩn hóa, tạo thành nền nếp, hình thành và xây dựng nên văn hóa Trường Đảng, tạo dựng thêm hình ảnh và uy tín của Trường Chính trị ngày càng được mạnh mẽ hơn ở địa phương.

Từ khâu quản lý chất lượng giảng dạy đến đánh giá cán bộ giảng viên

Quản lý chất lượng giảng dạy của giảng viên bắt đầu từ khâu soạn giáo án đến thực hành trên lớp. Hàng năm cần rà soát lại các giáo án có bổ sung cập nhật đầy đủ các nội dung kiến thức mới, văn bản mới, những vấn đề thực tiễn mới. Bên cạnh vai trò tự thân của đội ngũ giảng viên cần nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo khoa trong công tác kiểm duyệt giáo án. Cần phải đánh giá một cách khách quan, khoa học và chặt chẽ. Từ thời gian soạn giảng đến trình duyệt để đảm bảo các nội dung giáo án đã được kiểm duyệt một cách kịp thời.

Thực hành giảng dạy trên lớp bắt đầu từ việc đảm bảo giờ giấc, đến việc thực hiện các bước lên lớp đều phải tuân thủ đầy đủ các nội dung đã được quy định trong quy chế. Việc tuân thủ kỷ luật phát ngôn, tác phong sư phạm và chuẩn mực của người giảng viên đứng lớp là vấn đề quan trọng.



**Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng - Ủy viên Bộ chính trị, Giám đốc Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương làm việc cùng Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Trường Chính trị chuẩn**

Công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, nghiên cứu thực tế cũng cần phải đảm bảo thực hiện chặt chẽ, khoa học. Các sản phẩm cần được đánh giá phân loại kịp thời đảm bảo chất lượng đồng thời từng bước nâng tầm của giảng viên trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học. Qua đó tạo động lực cho việc nghiên cứu ngày càng đi vào chiều sâu và có chất lượng.

Quy trình đánh giá kết quả và sản phẩm phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc cơ bản, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đồng thời phải đảm bảo công khai, minh bạch, có sản phẩm chứng minh để việc thực hiện chặt chẽ. Đánh giá bộ phận hàng tháng, quý, hàng năm chặt chẽ có ghi nhận các ý kiến góp ý một cách chân thành thẳng thắn với tinh thần xây dựng.

Từ khâu quản lý, phục vụ đến các công tác tham mưu thực hiện các quyết định, quy định có liên quan.

Chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng ở Trường chính trị cần được đảm bảo

thực hiện một cách xuyên suốt và thống nhất từ khâu tuyển sinh đến tiến hành giảng dạy, đánh giá kết quả và quản lý rèn luyện. Từ năng lực của người giảng viên (kiến thức, kỹ năng, thái độ) cho đến việc chấp hành và thực hiện chủ động nghiên cứu học tập của học viên có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình dạy và học. Vì vậy việc thực hiện các quy định, quy chế liên quan đến hoạt động của Trường Chính trị được triển khai một cách đầy đủ đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên người lao động và học viên của toàn trường góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên qua thực tế thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ở Trường Chính trị Tây Ninh, việc chấp hành nội quy, quy chế của cán bộ, giảng viên và học viên nhà trường còn chưa thực hiện một cách quyết liệt và có hiệu quả. Một ít cán bộ, giảng viên và học viên chưa có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, bản lĩnh và ý chí vươn lên, làm việc theo thói quen, kinh nghiệm, ngại đổi mới,



chậm nghiên cứu các văn bản làm cho việc thực hiện bị trì trệ, chậm tiến độ thời gian hoặc tổ chức thực hiện với thời gian gấp nên hiệu quả công cao.

Để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng đến việc xây dựng Trường Chính trị chuẩn trong giai đoạn tới, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó có nhóm giải pháp rất quan trọng là tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Trường Chính trị hướng đến tính chuyên nghiệp, hiệu quả và hiện đại:

Thứ nhất, rà soát lại các quy định, quy chế của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các quy định, quy chế của tỉnh để cụ thể hóa vào trong hoạt động của Trường chính trị làm tiêu chí đánh giá việc dạy và học của cán bộ, giảng viên và học viên. Nghiên cứu và nắm chắc các quy chế, quy định để việc thực hiện được thông suốt và hiệu quả.

Thứ hai, đối với lãnh đạo, quản lý, việc chỉ đạo phải cụ thể, rõ ràng, có nhiệm vụ cụ thể và xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận các khoa, phòng, trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các lãnh đạo, quản lý các khoa, phòng và từng thành viên của Ban Giám hiệu trong việc thực hiện các nội dung công việc phân công.

Thứ ba, xây dựng cơ chế đánh giá phù hợp, rà soát lại các quy định đánh giá cán bộ, giảng viên, sửa đổi kịp thời các nội dung và phương pháp đánh giá chưa phù hợp. Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo khoa, phòng trong việc đánh giá đảm bảo kết quả đánh giá có sản phẩm và thường

xuyên liên tục để làm căn cứ xét thi đua và thực hiện công tác cán bộ sau này.

Thứ tư, Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giảng viên và học viên tự soi, tự sửa thông qua việc lên lớp và học tập như chấp hành giờ giấc, sinh hoạt, ...

Nâng cao quản lý chuyên môn từ khâu kiểm duyệt giáo án đảm bảo đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, thái độ, đồng thời đảm bảo việc liên hệ thực tế sinh động, trong đó quan tâm đến việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đánh giá giờ lên lớp giảng viên thông qua việc thực hiện đầy đủ các bước lên lớp, xây dựng hệ thống âm thanh giám sát đến các phòng của BGH để trực tiếp dự giờ hoặc gián tiếp nghe các giảng viên trình bày để đánh giá kết quả giảng dạy.

Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong thi cử, nâng cao tinh thần trách nhiệm của ban coi thi, đảm bảo thực hiện theo quy chế. Xây dựng cơ chế giám sát qua công tác thanh tra và các camera giám sát phòng thi.

Công tác chấm thi cũng phải đảm bảo khách quan, trung thực, đảm bảo nghiêm túc trong quá trình thực hiện. Các đáp án nội dung phải rõ ràng, thang điểm cụ thể. Lắp đặt các phòng chấm thi chuyên dụng có camera để các bộ phận chức năng tham gia giám sát và xử lý các vấn đề có liên quan.

Trong vấn đề quản lý học viên cần phối hợp thực hiện tốt mối quan hệ giữa giảng viên lên lớp, giáo viên chủ nhiệm, phòng quản lý đào tạo, thanh tra để kịp thời làm rõ các vấn đề liên quan đến tình trạng nghỉ học, vắng tiết, đi trễ của học

viên. Có biện pháp xử lý kịp thời để chấn chỉnh khi có biểu hiện lệch lạc có liên quan.

Giữ gìn mối quan hệ với học viên trong sáng, trung thực và giữ chừng mực góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tóm lại, việc thực hiện có hiệu quả các quy định, quy chế, thiết lập trật tự, kỷ cương, xây dựng văn hóa Trường Đảng phù hợp gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các lãnh đạo khoa, phòng được phân cấp quản lý là nội dung rất quan trọng, tạo mối quan hệ đoàn kết, thống nhất cao góp phần quyết định vào thành công của việc xây dựng Trường chính trị đạt chuẩn trong thời gian tới. ■



## VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ “CÁCH LÃNH ĐẠO” VỚI NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ HIỆN NAY

**ThS. Lê Thị Thúy Hà**  
**PTK Khoa Xây dựng Đảng**

Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu những chỉ dẫn về hoạt động lãnh đạo của Đảng, đó là những nội dung thiết yếu về phương thức lãnh đạo của Đảng khi đã có chính quyền. Vận dụng sâu sắc quan điểm của Người trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ta là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy cơ sở hiện nay.

**T**rước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng ta, Nhân dân ta một kho tàng di sản văn hóa đồ sộ. Bao trùm lên tất cả là tư tưởng Hồ Chí Minh, kết tinh của trí tuệ và tinh hoa văn hóa nhân loại, văn hóa và tinh thần yêu nước, thương dân, yêu Tổ quốc, đồng bào, yêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì ấm no, hạnh phúc của Nhân dân.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (02/9/1945), trong cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền non trẻ, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên xuất hiện một số biểu hiện quan liêu, tiêu cực, những hạn chế trong cách thức, lề lối, tác phong làm việc, “vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa, v.v.. Những thói xấu đó có đã lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ”<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh đã có một số bài viết: Thư gửi các đồng chí Bắc bộ; Thư gửi các đồng chí Trung bộ... để phê bình, chấn chỉnh, nhắc nhở những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, nhưng qua thực tế Người nhận thấy sự chuyển biến còn chậm. Cần phải có một “tài liệu” hoàn chỉnh hơn nhằm chấn chỉnh công tác xây dựng Đảng để cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng nghiên cứu, học tập. Hồ Chí Minh viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” với mong muốn phải kịp thời “sửa đổi”, kịp thời “đổi mới” cách lãnh đạo của Đảng khi tình hình đã thay đổi, nhiệm vụ và yêu cầu mới đã đặt ra; phải chỉ ra những yêu cầu về chuẩn mực của người cán bộ, đảng



Ảnh minh họa từ internet

viên phải luôn tu dưỡng, rèn luyện để đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ lãnh đạo trong điều kiện mới. Người đã chỉ ra “Cách lãnh đạo đúng” của Đảng một cách toàn diện và thiết thực, “cách lãnh đạo” hay phương thức lãnh đạo của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị lý luận, mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc trong việc ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” hiện nay.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, “Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất

định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”<sup>2</sup>.

Đây là nội dung Hồ Chí Minh đã bàn về phương thức lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo, là cách lãnh đạo, phương pháp lãnh đạo hay là “lối làm việc” của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng, là nhân tố quyết định đến vị trí, vai trò của Đảng đối với hệ thống chính trị, đến lòng tin và

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.303

<sup>2</sup> Sđd, tr. 325



mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Quan điểm Hồ Chí Minh về cách lãnh đạo – phương thức lãnh đạo của Đảng là:

*Một là*, Đảng phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng, Đảng lãnh đạo bằng các quyết sách chính trị, Đảng phải xác định đường lối, chủ trương, phương hướng đúng, cho trúng, tức là Đảng không được phép sai lầm về chủ trương, đường lối, chính sách. Đây là điều tiên quyết, quyết định vị trí, vai trò lãnh đạo – cầm quyền của Đảng

*Hai là*, Đảng phải biết tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách đã đề ra, tức là Đảng lãnh đạo Nhà nước để cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật để quản lý và điều hành xã hội. Đảng lãnh đạo để các tổ chức trong hệ thống chính trị xây dựng Điều lệ, chương trình hành động thực hiện quan điểm, mục tiêu mà Đảng đã đề ra.

*Ba là*, lãnh đạo phải gắn với kiểm tra, giám sát, theo Bác lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo, lãnh đạo trở nên vô ích, vô dụng. Kiểm tra, giám sát để chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, để biết các nghị quyết có được tổ chức thực hiện hay không, trách nhiệm của từng cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

*Bốn là*, phải giữ mối quan hệ mật thiết với quần chúng, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, của quần chúng, không được xa rời quần chúng nhưng cũng không theo đuôi quần chúng, khắc phục bệnh quan liêu, bàn giấy, nói suông và phải luôn giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương.

*Năm là*, đội ngũ cán bộ nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng. Muốn phương thức lãnh đạo đúng, trước hết, cán bộ, đảng viên cần nhận rõ những ưu điểm, khuyết điểm của bản thân mình; muốn sửa chữa khuyết điểm thì phải tích cực tự phê bình và phê bình.

*Sáu là*, phương thức lãnh đạo của Đảng phải linh hoạt. Đảng phải đề ra đường lối, chính sách chung, mục tiêu đúng đắn để tập hợp động viên quần chúng nhân dân thực hiện đường lối, chính sách, mục tiêu đó. Phải tổ chức

tổng kết quá trình thực hiện để rút kinh nghiệm, đề bổ sung, sửa đổi đường lối, chính sách cho phù hợp.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và từ thực tiễn nhiệm vụ lãnh đạo, cầm quyền, Đảng ta đã không ngừng đổi mới, nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, khoa học và năng lực lãnh đạo, chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc dân chủ, sáng tạo, tiếp tục khẳng định vị thế và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định “*tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới*” là nội dung rất quan trọng trong 10 nhiệm vụ xây dựng Đảng. Đánh giá kết quả, ưu điểm, hạn chế của 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 (Hội nghị Trung ương 6, khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, nhận định nguyên nhân của những hạn chế đó là: “... *Năng lực cụ thể hoá và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Chính sách cán bộ chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, năng lực, phẩm chất, uy tín hạn chế, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật Nhà nước ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Một số cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; còn để xảy ra tình trạng cục bộ, mất đoàn kết, bao biện, làm thay, áp đặt, lạm dụng quyền lực, né tránh, sợ trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo.*”

Nghị quyết khẳng định quan điểm: (1) Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phải kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ...; (2) Phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc; vấn đề đã rõ thì

kiên quyết đổi mới, vấn đề cần thiết nhưng chưa rõ, còn ý kiến khác nhau thì phải nghiên cứu, thí điểm, không nóng vội nhưng cũng không bỏ qua hoặc để chậm, ảnh hưởng đến sự phát triển...; (3) Phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới, triển khai thực hiện đồng bộ các phương thức lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết cũng xác định 5 nhiệm vụ đổi mới: (1) Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao chủ trương, đường lối của Đảng; (2) Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động; (3) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ; (4) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và (5) Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên (6) Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở.

Thực tiễn đã chứng minh, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, khi tổ chức đảng, cán bộ, đảng là theo, làm đúng, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về “cách lãnh đạo” thì lúc đó, sức mạnh của Đảng tăng lên, mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng, với cán bộ, đảng viên càng được gắn bó mật thiết, sự đoàn kết trong Đảng càng thống nhất chặt chẽ; kỷ cương, kỷ luật trong Đảng càng nghiêm minh, Đảng càng trong sạch, vững mạnh. Để quán triệt và thực hiện nhiệm vụ “đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong tình hình mới”, cấp uỷ đảng ở cơ sở cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo với nâng cao năng lực xác định nhiệm vụ chính trị và năng lực lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cấp uỷ đảng cơ sở.*

Trên nguyên tắc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của cấp trên, cấp uỷ cơ sở phải nắm chắc đặc điểm, tình hình thực tế tại địa



phương; phải kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, lắng nghe ý kiến Nhân dân; bàn bạc, thảo luận dân chủ trong tập thể cấp ủy để xác định đúng đắn, trọng tâm nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị mình. Khi xác định được nhiệm vụ chính trị đúng đắn, phải phân công cá nhân phụ trách, tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, chương trình công tác của cấp ủy. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết của cấp ủy theo hướng “thà ít mà tốt”, bảo đảm các điều kiện để tổ chức thực hiện hiệu quả nghị quyết. Định kỳ tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã đề ra. Đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng.

*Thứ hai, đổi mới phương thức lãnh đạo phải gắn với đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.*

Thực hiện đầy đủ phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng”, để quần chúng Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Cấp ủy, chính quyền có kế hoạch tiếp dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chủ động nắm chắc tình hình, tâm tư, nguyện

vọng của quần chúng nhân dân, phản ánh và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Từ đó tạo sự đồng thuận trong nhân dân và xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững...

*Thứ ba, đổi mới phương thức lãnh đạo bằng nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có tư duy, làm việc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

Phát huy dân chủ trong nội bộ và trong Nhân dân, luôn gần dân, hiểu dân, vì dân, cầu thị, sát thực tiễn, nói đi đôi với làm. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần phát huy tính tiên phong, trách nhiệm nêu gương, chủ động, tự giác “tự soi, tự sửa”, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; tư duy khoa học, độc lập và sáng tạo trong lãnh đạo, nhất là bản lĩnh chính trị, quyết đoán, “dám quyết định và dám chịu trách nhiệm” trong thực thi công vụ. Khắc phục mọi biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế, tình trạng không dám nói, không dám hành động, nhất là tâm lý “sợ sai”, “sợ trách nhiệm”. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin;

*Thứ tư, nâng cao vai trò, trách*

*nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy với nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Người đứng đầu cấp ủy và cấp ủy các cấp không chỉ lãnh đạo, chỉ đạo mà phải trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.*

Cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận, hướng dẫn của Trung ương và cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát; xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đúng chương trình, kế hoạch đề ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với tổ chức đảng, đảng viên nhất là cấp ủy viên cùng cấp, bí thư, phó bí thư, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; Giám sát đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và việc giữ gìn phẩm chất đạo đức lối sống; việc kê khai tài sản; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giám sát việc thực hiện những điều đảng viên không được làm.■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5
- 2- Bài phát biểu khai mạc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại HNTW6 (khóa XIII)
- 3- Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần X, XIII
- 4- Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 5 (Khóa X)
- 5- Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 (Khóa XIII)



## VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC ĐỂ TỈNH TÂY NINH PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

**Th.S Lê Bá Giang**  
**GV Khoa Xây dựng Đảng**

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện qua các nội dung cơ bản đó là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đó là khát vọng vươn lên trên cơ sở phù hợp với thực tiễn, xu thế thời đại, vì mục tiêu đem lại hạnh phúc, ấm no cho nhân dân. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Tây Ninh đã quán triệt và vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, đạt được những thành tựu quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới. Để tiếp tục khơi dậy khát vọng vươn lên, đưa Tây Ninh phát triển nhanh, bền vững cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về kiên định các vấn đề có tính nguyên tắc, về xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

**T**ư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”. [2, tr.88].

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Người đã và đang là điểm tựa quan trọng để Đảng và Nhà nước ta hoạch định đường lối chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng mới hội nhập và phát triển, tiếp tục dẫn dắt dân tộc tiến bước trên con đường phát triển.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ... thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước” [3, t.1, tr.110].

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về khát vọng vươn lên, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Thứ nhất, kiên định mục tiêu độc lập



Ảnh minh họa từ internet

dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết thực hiện khát vọng của dân tộc Việt Nam

Trong hành trình khát vọng đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, cho Nhân dân, Hồ Chí Minh luôn nhận thức sâu sắc và kiên định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Theo Người, độc lập là điều kiện tiên quyết để đưa đến tự do, hạnh phúc, đi tới xã hội cộng sản. Nếu chỉ có được độc lập, cách mạng mới đi được một chặng đường, nhiệm vụ quan trọng hơn của cách mạng là phải xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thật sự cho mọi người. Đó cũng chính là khát vọng của dân tộc Việt Nam về một xã hội tiên bộ.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người đã xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai

cấp, giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau thể hiện ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong từng thời kỳ cách mạng, Người tiếp tục bổ sung, phát triển những quan điểm, lý luận về con đường cách mạng Việt Nam; xác định mục tiêu, động lực, các điều kiện bảo đảm thắng lợi của từng giai đoạn cách mạng, kết hợp giải quyết các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ, làm rõ mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, với cách thức, biện pháp, bước đi phù hợp,... Điều này được thể hiện rõ thông qua đường lối “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng từng bước chế độ mới.

Thực tiễn cách mạng cho thấy cội nguồn mọi thắng lợi của dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh là do Đảng ta nhận thức đúng và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nhu cầu sống còn, là lựa chọn



duy nhất của cách mạng Việt Nam trong tiến trình hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ hai, khát vọng vươn lên trên cơ sở phù hợp với thực tiễn, xu thế thời đại, vì mục tiêu đem lại hạnh phúc, ấm no cho Nhân dân

Đi lên chủ nghĩa xã hội xu thế chung của thời đại, tuy nhiên, theo Hồ Chí Minh, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm, bước đi và biện pháp thích hợp. “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội” [6, t.10, tr.391]. Đồng thời, “chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo...” [6, t.11, tr.92].

Mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng đến là xây dựng một xã hội thực sự vì con người, nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiên bộ, nhân văn. Ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã mang trong mình khát vọng lớn lao: Độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Người chỉ rõ: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [6, t.14, tr.64].

Khi nước nhà độc lập, khát vọng ấm no, hạnh phúc của Nhân dân trở thành động lực và mục tiêu hành động của toàn Đảng, Chính phủ. Trong tư tưởng của Người, hạnh phúc của người dân đơn giản là quyền sống, từ đó phát triển một dân tộc, một quốc gia hạnh phúc. “Chính phủ ta đã hứa với dân sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc”, [6, t.14, tr.64], “đưa quần chúng đến một cuộc sống xứng đáng, vẻ vang và ngày càng phồn vinh, làm cho mọi người lao động có một Tổ quốc tự do, hạnh phúc và hùng cường, hướng tới những chân trời tươi sáng” [6, t.1, tr.12].

Ý chí, khát vọng độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc cho Nhân dân, hùng cường cho dân tộc và tấm gương mẫu mực suốt đời phụng sự đất nước, phục vụ Nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là động lực, tư tưởng soi đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong công cuộc xây dựng và phát triển

đất nước, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, xây dựng nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc khắp năm châu.

Thứ ba, Hồ Chí Minh là tấm gương về ý chí, nghị lực của khát vọng vươn lên

Sinh thời trong cảnh nước nhà bị nô dịch, lầm than, người thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành đã sớm thức tỉnh, đau đáu nỗi niềm cứu nước, cứu dân. Người chọn hướng đi sang các nước tư bản phương Tây tìm hiểu sự thật đằng sau khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, xem người ta làm thế nào rồi trở về giúp đồng bào mình. Ngày 5/6/1911, tại bến cảng Nhà Rồng, Người bắt đầu chuyến hành trình trên con tàu Amiral Latouche Tresville, mang theo khát vọng cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”. Với khát vọng cháy bỏng đó, dù phải đối mặt muôn vàn khó khăn, kể cả hy sinh tính mạng của mình, Nguyễn Ái Quốc luôn sắt son một ý chí: “Cái tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập” [6, t.1, tr.112].

Cả cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiến dâng trọn vẹn cho cách mạng, Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó” [6, t.4, tr.272]. Người là tấm gương của ý chí, khát vọng vì mục tiêu độc lập cho dân tộc, Tổ quốc, hạnh phúc của Nhân dân để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân học tập và làm theo trong xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

2. Sự vận dụng của Đảng bộ tỉnh Tây Ninh về khơi dậy khát vọng vươn lên để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Tây Ninh đã đoàn kết, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn dân để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh, bền vững.

Trong từng giai đoạn cách mạng, nhất là sau năm 1975, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo Nhân dân không ngừng phát

huy truyền thống cách mạng, tự lực, tự cường, nhanh chóng thiết lập, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa kiến thiết xây dựng quê hương, từng bước ổn định đời sống nhân dân. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã thể hiện khát vọng phát triển, với mục tiêu tổng quát: “Tập trung mọi nguồn lực cho sự phát triển, nhất là kinh tế, đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, liên tục và ổn định, đến năm 2000 cố gắng vượt mức trung bình cả nước; bảo đảm vững chắc an ninh - quốc phòng, giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao hơn, đạt bước tiến mới trong công cuộc xây dựng xã hội công bằng, văn minh” [1, tr.544-545].

Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đến nay, với tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng phát triển nhanh và bền vững luôn được Đảng bộ tỉnh quan tâm, phát huy, đưa vào nghị quyết các kỳ đại hội. Quyết tâm của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, xác định: “Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Tây Ninh tiếp tục tăng cường đoàn kết, thống nhất, quyết tâm cao, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, phát triển vượt bậc trong 5 năm tới, xây dựng Tây Ninh trở thành một tỉnh khá trong vùng Đông Nam Bộ và đến năm 2030 là tỉnh khá trong cả nước” [4, tr.22].

Trên cơ sở mục tiêu đề ra, Đảng bộ tỉnh cũng nêu lên định hướng phát triển trong thời gian tới, đó là: “chủ động gắn kết phát triển với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững; duy trì nhịp độ tăng trưởng, gia tăng quy mô, năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông” [4, tr.59-60]. Đồng thời, đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng; xây dựng hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp có phẩm chất, năng lực, năng động, trách nhiệm, khát khao phát triển. Năm 2022, tốc độ tăng trưởng của tỉnh đạt 9,56%, đứng thứ 16 của cả nước, đứng nhất vùng Đông Nam bộ, đứng



thứ 28 về quy mô nền kinh tế; GRDP bình quân đầu người ước đạt 3.700 USD. Đây là thể hiện kết quả của việc huy động sức dân, khát vọng vươn lên của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Tây Ninh.

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến nhanh, tác động sâu rộng vào mọi mặt của đời sống xã hội, bên cạnh việc phát huy tiềm lực kinh tế thì khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển của toàn dân, toàn quân là điều kiện căn bản, cốt lõi, là nguồn lực nội sinh quý báu để Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững thời gian tới.

3. Một số giải pháp nhằm tiếp tục khơi dậy khát vọng vươn lên để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, phải kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, đó là: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối đổi mới của Đảng; các nguyên tắc xây dựng Đảng, xem đây là những vấn đề cốt lõi, trọng yếu trong thực hiện công cuộc đổi mới. Đồng thời, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, người đứng đầu, mỗi cán bộ, đảng viên về truyền thống cách mạng quê hương Tây Ninh trung dũng kiên cường, đoàn kết cộng đồng các dân tộc, tôn giáo để khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh khối đại đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng quê hương

Tây Ninh ngày càng giàu đẹp.

Hai là, Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo Nghị quyết số 03 - NQ/TW, ngày 05/11/2021 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2021 - 2025. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Ba là, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đưa nội dung khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên vào chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên; khơi thông các nguồn lực, điểm nghẽn, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp để thúc đẩy phát triển nhằm đưa Tây Ninh trở thành tỉnh

khá trong khu vực Đông Nam bộ.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn hệ thống chính trị và trong Nhân dân.

Quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên; tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân tư tưởng, tấm gương, đạo đức của Hồ Chí Minh về khơi dậy khát vọng vươn lên gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm và quyết tâm của cấp ủy, chính quyền trong thực hiện. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo Bác về khát vọng, đổi mới sáng tạo trở thành phong trào thi đua yêu nước sâu rộng gắn với các phong trào thi đua yêu nước của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải nêu cao tinh thần tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, những điều đảng viên không được làm; cán bộ, đảng viên chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Không ngừng học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đòi hỏi ngày càng cao để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; thường xuyên trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, lao động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2010): Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh 1930 – 2005, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020): Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025), Công ty Cổ phần In Hoàng Lê Kha, Tây Ninh.
5. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022): Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị), Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, Tập 1, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Tỉnh ủy Tây Ninh, Ban Tuyên giáo (2023): Chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng vươn lên để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững”, Tây Ninh.



## NỘI DUNG CỐT LÕI VÀ GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM “KIÊN QUYẾT, KIÊN TRÌ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA NGÀY CÀNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH” CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2023) và 10 năm thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (01/02/2013 - 01/02/2023), Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản, ra mắt tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tác phẩm gồm các bài viết, bài phát biểu, chỉ đạo, tổng kết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về vấn đề phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam trong 10 năm qua, đồng thời nêu phương châm phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong giai đoạn tiếp theo. Đây là cuốn cẩm nang về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, có giá trị lý luận và thực tiễn quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và sự nghiệp cách mạng của nước ta hiện nay.

**Th.S Phạm Thị Cẩm Lại**  
**Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng**

### 1. Nội dung cốt lõi của tác phẩm

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” gồm các bài viết, phát biểu, chỉ đạo, tổng kết của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng được trình bày trong hơn 600 trang với 111 bức ảnh, được kết cấu thành 3 phần:

Phần thứ nhất (từ trang 11 đến 206), có tiêu đề “Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam”

Phần này bao gồm 01 bài viết tổng quan của Tổng Bí thư đánh giá lại công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (năm 2013) đến nay; 04 phát biểu kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại các Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (năm 2014, 2018, 2020, 2022) và trích các kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại 36 phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo (từ năm 2013 - 2022).

Nội dung phần thứ nhất của tác phẩm tập trung làm rõ một số vấn đề có tính lý luận về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở

Việt Nam; Tổng kết thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta trong 10 năm qua; Khẳng định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là “một việc làm cần thiết, tất yếu, một xu thế không thể đảo ngược” nhưng cũng là nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị tư tưởng, tổ chức hành chính, kinh tế, hình sự; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, tiêu cực; “không thể chỉ làm một lần là xong; ngược lại, phải làm rất kiên quyết, kiên trì, bền bỉ; làm thường xuyên, liên tục; làm đi làm lại nhiều lần như đánh răng, rửa mặt hằng ngày”; đòi hỏi “phải có quyết tâm rất lớn, thống nhất rất cao, biện pháp thực hiện quyết liệt, khả thi, chỉ đạo chặt chẽ với một phương pháp tư duy đúng đắn, tinh táo, bình tĩnh, không cực đoan, không để các thế lực xấu lợi dụng, xuyên tạc, kích động, phá hoại”. Từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp hướng tới mục tiêu “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng, tiêu cực. Mỗi phát biểu, chỉ đạo của Tổng Bí thư đã trở thành mệnh lệnh của người đứng đầu trong cuộc chiến đấu không khoan nhượng với “giặc nội xâm”.

Phần thứ hai (từ trang 207 đến trang 522), có tiêu đề “Nhất quán phương

châm: Phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực từ sớm từ xa, cả ngọn lẫn gốc”

Phần này gồm tuyển chọn 22 bài viết, bài phát biểu tiêu biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và về việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Tác phẩm đã tập trung làm rõ các nội dung về bản chất của Đảng; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, liêm khiết; chống tham nhũng, tiêu cực; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Về việc “Rèn luyện suốt đời, thường xuyên tự soi, tự sửa” của cán bộ, đảng viên. Tác phẩm đã chỉ ra các biểu hiện, hành vi tiêu cực của cán bộ, đảng viên như: sợ trách nhiệm, móc ngoặc, tham ô, làm xiếc, một sự thật nhức nhối,...; chỉ ra giá trị đích thực của người cán bộ, đảng viên: uy tín, mối quan hệ giữa chức vụ và uy tín, cái làm nên uy tín của đảng viên; khẳng định chân lý: suy cho cùng mọi thành bại đều do con người; sự nghiệp cách mạng thành bại cũng chủ yếu do cán bộ, đảng viên. Từ đó nhắc nhở, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực, trình độ.

Từ đó, rút ra thông điệp chính là: “Vấn đề căn cơ trong đấu tranh





Ảnh minh họa từ internet

phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là phòng ngừa từ xa, từ sớm, mà trọng tâm là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đặc biệt là phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên để trị tận gốc tham nhũng, tiêu cực”.

Phần thứ ba (từ trang 523 đến trang 619), có tiêu đề “Trên dưới đồng lòng, đọc ngang thông suốt”

Phần này tuyển chọn 96 trên tổng số hàng vạn ý kiến của các tầng lớp nhân dân, đại biểu Quốc hội và của chính khách, học giả nước ngoài bày tỏ sự tin tưởng, ủng hộ, đánh giá cao

đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của đồng chí Tổng Bí thư.

Các ý kiến tập trung vào các nội dung: khẳng định vai trò to lớn và uy tín rất cao của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; bày tỏ sự tin tưởng, đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực dưới sự lãnh đạo của Đảng và đồng chí Tổng Bí thư; mong muốn, đòi hỏi cuộc đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không dừng, không nghỉ mà phải kiên quyết, kiên trì chống “giặc nội xâm” đến cùng.

Các ý kiến tiếp tục khẳng định: “Quyết tâm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không chỉ là nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách mà đã trở thành mối quan tâm chung, hành động chung của các tầng lớp Nhân dân, cán bộ, đảng viên và cả bạn bè quốc tế”.

## 2. Giá trị của tác phẩm

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu



cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có giá trị lý luận và thực tiễn quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và sự nghiệp cách mạng của nước ta, đặc biệt cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam hiện nay.

Trước hết, tác phẩm là cẩm nang trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực - vấn đề cốt lõi để xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; thể hiện phương châm kết hợp đồng bộ giữa “xây” và “chống”, giữa đẩy lùi và ngăn chặn từ sớm, từ xa; giữa xử lý nghiêm minh với phòng ngừa, giáo dục; giữa xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ gắn liền với chống suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, giữa quyết tâm chính trị của người đứng đầu Đảng, của toàn Đảng và hệ thống chính trị với sự đồng thuận và ủng hộ của Nhân dân và bạn bè quốc tế.

Hai là, tác phẩm là sự tổng kết thực tiễn phong phú rút ra từ những vấn đề có tính lý luận và các bài học kinh nghiệm quý để củng cố thêm bản lĩnh, sức mạnh và niềm tin, định hướng giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong thời gian tới.

Ba là, tác phẩm khẳng định thành tựu và ý nghĩa to lớn trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực những năm qua với vai trò của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với nhiều cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả. Nhiều tư tưởng, phương châm

chỉ đạo, nguyên tắc hành động... do đồng chí Tổng Bí thư khởi xướng đã đúc kết, rút ra được nhiều bài học quý, có giá trị về lý luận và thực tiễn, trong đó có nhiều nội dung đã được cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Bốn là, tác phẩm cho thấy sự nhất quán giữa nói và làm. Sự kiên trì đấu tranh không ngừng nghỉ, sự thống nhất ý chí và hành động quyết liệt trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của đồng chí Tổng Bí thư để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; cho thấy tầm nhìn, sự nhất quán cùng những suy nghĩ, trăn trở của Tổng Bí thư để có các biện pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả.

Năm là, tác phẩm khẳng định niềm tin, sự đồng tình ủng hộ, cổ vũ của các tầng lớp Nhân dân, đại biểu Quốc hội, chính khách, học giả nước ngoài với quyết tâm của Đảng và những chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam.

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam; thể hiện tư tưởng nhất quán, kiên định và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng, về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nêu vấn đề gợi mở, định hướng và đưa ra nhiều giải pháp có giá trị quan trọng trong công tác phòng, chống

tham nhũng, tiêu cực hiện nay, giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, quán triệt và tổ chức thực hiện sâu rộng, hiệu quả để góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Tác phẩm là tài liệu rất giá trị cả về mặt lý luận và thực tiễn, có thể coi là cuốn cẩm nang về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta. Qua tác phẩm này, người đọc hiểu rõ hơn về chủ trương, đường lối và quyết tâm đấu tranh chống “giặc nội xâm”, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm tham nhũng, tiêu cực của Đảng, Nhà nước ta. Tác phẩm đã cổ vũ, khích lệ toàn bộ hệ thống chính trị và hệ thống xã hội tích cực, tự nguyện, tự giác tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng và tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện ■



## TRỊ TẬN GỐC THAM NHŨNG, TIÊU CỰC - GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG TÁC PHẨM “KIÊN QUYẾT, KIÊN TRÌ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA NGÀY Càng TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH” CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chứa đựng những giá trị quan trọng về lý luận và thực tiễn đối với công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và sự nghiệp cách mạng của nước ta, đặc biệt là cuộc đấu tranh trị tận gốc của tham nhũng.

**ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Nhung**  
**TSGV Khoa Nhà nước và Pháp luật**

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”. Mà nguyên nhân cơ bản, trực tiếp, sâu xa của tham nhũng là do chủ nghĩa cá nhân, do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong đó có một bộ phận cán bộ cấp cao; tiêu cực là môi trường làm nảy sinh tham nhũng; tham nhũng tác động trở lại làm trầm trọng hơn tình trạng tiêu cực. Nếu chỉ phòng, chống tham nhũng về tiền bạc, tài sản thì chưa đủ, mà nguy hại hơn là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đây mới là cái gốc của tham nhũng. Vì vậy, phòng, chống tiêu cực, mà trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tức là trị tận gốc của tham nhũng. Đó là nhiệm vụ rất quan trọng và vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành một cách kiên quyết, kiên trì, liên tục, bền bỉ, không nghỉ, không ngừng ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự; với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm.

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng được ra mắt vào đúng vào dịp kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/2023) và 10 năm thành lập Ban Chỉ

đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (2013-2023). Tác phẩm gồm các bài viết, bài phát biểu, bài nói chuyện của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong những năm gần đây được trình bày trong 600 trang với 111 bức ảnh, trong đó tư tưởng xuyên suốt, nhất quán của người đứng đầu Đảng ta là tinh thần chỉ đạo quyết liệt với quyết tâm rất lớn để kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Trong bài viết mở đầu “Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Một việc làm cần thiết, tất yếu, một xu thế không thể đảo ngược!”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định quyết tâm mạnh mẽ của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, toàn dân trong cuộc chiến không khoan nhượng với tham nhũng, tiêu cực. Để trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực? Tổng Bí thư đã luận giải: “Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhằm làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, để phát triển đất nước”. Đây là một bước tiến quan trọng trong nhận thức của Đảng về vai trò, vị trí của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, từ “một bộ phận cấu thành quan trọng” trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng”, tiến tới trở thành “một nội dung quan trọng” của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và sau hơn 36 năm đổi mới đất nước được nhận thức “là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch,

vững mạnh.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Chưa bao giờ công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lại được thực hiện một cách mạnh mẽ, đồng bộ, quyết liệt, bài bản và hiệu quả như thời gian gần đây; để lại dấu ấn nổi bật, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước”. Bên cạnh những kết quả quan trọng, tích cực đã đạt được, Tổng Bí thư cũng thẳng thắn nhìn nhận: “Tham nhũng trên một số lĩnh vực vẫn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng, tiêu cực vẫn là một trong những “kẻ thù hung ác”, nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta”. Do vậy, trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, phải nhất quán phương châm: không dừng, không nghỉ, phải làm lâu dài, quyết liệt, kiên trì, bền bỉ và đồng bộ; phòng, chống từ sớm, từ xa, cả ngọn lẫn gốc, gắn kết chặt chẽ giữa phòng và chống, giữa phòng, chống tham nhũng với phòng, chống tiêu cực, trong đó phòng là cơ bản, lâu dài; chống là quan trọng, cấp bách.

Tác phẩm cũng đồng thời khẳng định thành tựu và ý nghĩa to lớn của công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong những năm qua với vai trò của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tổng Bí thư - Trưởng Ban Chỉ đạo, đã có nhiều cách làm hay, sáng tạo, khoa học, chắc chắn, hiệu quả. Nhiều tư tưởng, quan





Ảnh minh họa từ internet

điểm, phương châm chỉ đạo, nguyên tắc hành động, giải pháp cơ bản để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do đồng chí Tổng Bí thư khởi xướng, chỉ đạo đã phát huy hiệu quả, được khẳng định qua thực tiễn, đã đúc kết, rút ra những bài học kinh nghiệm quý, có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, trong đó, nhiều nội dung đã được cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Quan điểm nhất quán, xuyên suốt các bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng qua các thời kỳ, trên nhiều cương vị, vị trí công tác khác nhau là đồng chí luôn dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước. Vì vậy, trong nhiều bài viết của cuốn sách, Tổng Bí thư cũng đã gợi mở những giải pháp để trị tận gốc của tình trạng tham nhũng, tiêu cực, đó là: Phòng, chống tham nhũng là cuộc đấu tranh ngay trong

chính bản thân mỗi con người, trong mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Vì vậy, trước hết cán bộ lãnh đạo, quản lý phải gương mẫu, cán bộ giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; phải có thái độ thật kiên quyết, không khoan nhượng và hành động thật quyết liệt, cụ thể, hiệu quả. Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là “then chốt của then chốt”, là “nguyên nhân của mọi nguyên nhân”. Do đó, phải đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác cán bộ; gắn phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là phải đánh giá, lựa chọn, bố trí đúng cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; tăng cường quản lý, giáo dục, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Mọi cán bộ, đảng viên phải luôn tự soi, tự sửa, giữ gìn phẩm chất đạo đức, đừng vướng vào những chuyện tiêu cực,

bất luận hoàn cảnh nào cũng không động lòng tham, không ham vật chất, quyền lực; phải vượt qua được cám dỗ về vật chất.

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là tài liệu có giá trị sâu sắc cả về mặt lý luận và thực tiễn, là “cẩm nang” đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn phong phú và rút ra những vấn đề có tính lý luận về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam, tác phẩm đã khẳng định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là “một việc làm cần thiết, tất yếu, một xu thế không thể đảo ngược” với quyết tâm “không có vùng cấm, vùng trũng, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, bất kể người đó là ai và không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào”. Mục tiêu của đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực “là nhằm làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, để phát triển đất nước”; việc xử lý tham nhũng, tiêu cực là để “trị bệnh cứu người”, “kỷ luật một vài người để cứu muôn người, truy tố một vụ để cảnh tỉnh cả một vùng, một lĩnh vực; từ đó để cảnh báo, răn đe, giáo dục, phòng ngừa là chính”. Từ đó, tác phẩm chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới, trong đó đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực, từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để bảo đảm “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng, tiêu cực ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011.
2. Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, Nxb CTQG Sự thật, H, 2023

## ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG LÀ PHẢI CHỦ ĐỘNG PHÁT HIỆN, XỬ LÝ NGHIÊM MINH, KHÔNG CÓ VÙNG CẤM, KHÔNG CÓ NGOẠI LỆ, BẤT KỂ NGƯỜI ĐÓ LÀ AI ĐỂ “KHÔNG DÁM” THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

Cuốn sách “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là hệ thống hóa sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trên cương vị người đứng đầu Đảng ta và trên cương vị Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thể hiện tư tưởng xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đề cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ, quán triệt sâu rộng và thực hiện có hiệu quả công tác này.

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hương**  
**TSGV Khoa Lý luận cơ sở**

Những kết quả đạt được trong công tác phòng, chống tham nhũng thời gian qua đã có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, cảnh tỉnh, răn đe và ngăn chặn, đẩy lùi tiêu cực, tham nhũng; làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị; tạo những chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác phòng, chống tham nhũng là công việc khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi sự kiên quyết, kiên trì của cả hệ thống chính trị Việt Nam và công tác phòng chống tham nhũng là phải chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai để “không dám” tham nhũng, tiêu cực.

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là trách nhiệm của mọi người; không có vùng cấm trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiêu cực

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là vấn đề hệ trọng, mối quan tâm lớn của toàn Đảng, toàn dân, cuộc tiếp xúc cử tri nào cũng đề cập, nêu nhiều ý kiến đóng góp với Đảng, Nhà nước. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, các cơ quan chức năng đã vào cuộc hết sức tích cực, chủ động đẩy mạnh tiến độ xác minh, điều tra, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, nhất là trong lĩnh vực dầu khí, ngân hàng, quản lý đất đai, công sản...

Nhiều vụ việc, vụ án lớn, kể cả vụ tồn tại từ nhiều năm trước đã được điều tra làm rõ, xử lý công minh, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nhiều các bộ, đảng viên, lãnh đạo, quản lý các cấp mắc sai phạm, đã bị xử lý,

kỷ luật, kể cả cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ngành, tỉnh, thành phố hay tướng lĩnh vực lực lượng vũ trang..., qua đó cho thấy không có vùng cấm, không có ngoại lệ không có đặc quyền trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiêu cực đã được triển khai quyết liệt, đồng bộ, mang lại những kết quả rõ rệt trên thực tế, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình ủng hộ, đánh giá cao. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng không phải là một cao trào, càng không thể chững lại, bởi vì, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là cuộc đấu tranh lâu dài, đầy chông gai, khắc nghiệt, cắt bỏ những ung nhọt trong nội bộ mình, rất đau xót nhưng vẫn phải chủ động tiếp tục làm, kiên quyết, kiên trì, bền bỉ và phải làm rất bài bản, chắc chắn, vì sự trong sạch, vững mạnh và uy tín của Đảng, vì sự phát triển của đất nước, vì ý nguyện và hạnh phúc của Nhân dân.

Trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, không phải chỉ cốt xử lý cho thật nặng mới là tốt, cái chính là răn đe, ngăn chặn để không xảy ra sai phạm, bản cùng bắt đắ dĩ mới phải áp dụng biện pháp không ai mong muốn. “Chống” là quan trọng, cấp bách, phải kiên quyết làm để răn đe, cảnh tỉnh, nhưng “xây” mới là cơ bản, lâu dài. Chống tham nhũng phải gắn chặt với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách chính sách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược..., hoàn thiện thể chế, chính sách, luật pháp để không

còn những “khoảng trống”, “kẽ hở”, để không thể tham nhũng, không dám tham nhũng và không còn muốn tham nhũng.

Đặt biệt, các cơ quan báo chí có vai trò quan trọng việc tăng cường tính công khai, minh bạch, tuyên truyền vận động để mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân đều nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trở thành phong trào, xu thế, không ai cưỡng lại được, như V.I.Lênin khẳng định: “đưa tin công khai là một thanh kiếm tự nó sẽ chữa lành được những vết thương do nó gây ra”<sup>3</sup>. Không mắc vào tham nhũng, tiêu cực và dửng dưng lên án hành vi tham nhũng, tiêu cực. Trong đó, cán bộ, đảng viên phải luôn gương mẫu, đi đầu, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cấp ủy các cấp, cán bộ càng cao càng phải gương mẫu.

**Những kết quả đạt được trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII đã “xử lý kỷ luật 53.107 cán bộ, đảng viên, trong đó có hơn 60 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm 643 vụ/ 1.579 bị cáo về tham nhũng, kinh tế”<sup>4</sup>. Cũng trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Ban Nội chính đã tham mưu với Ban Chỉ đạo đưa: “301 vụ án, 361 vụ việc về tham nhũng, kinh tế vào diện theo dõi, chỉ đạo ở 3 cấp độ. Riêng 87 vụ án, 78 vụ việc thuộc Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã được các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ, khẩn trương, quyết liệt trong điều tra, truy tố, đưa ra xét xử sơ thẩm 47/634 bị cáo, tuyên phạt 10 bị cáo với 11 mức án tử hình; 20 bị cáo với 21 án tù chung thân; 8 bị cáo tù 30 năm; 18

<sup>3</sup> V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.23, tr.64

<sup>4</sup> Nguyễn Phú Trọng: Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H 2019, tr. 177.





Ảnh minh họa từ internet

bị cáo tù từ 20 đến 30 năm; 535 bị cáo tù từ 12 tháng đến dưới 20 năm”<sup>5</sup>. Nhất là đã đưa xét xử 10 vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm như: Vụ án Trịnh Xuân Thanh; vụ án Đinh La Thăng; vụ án Phạm Công Danh (giai đoạn II); vụ án Hà Văn Thắm; vụ án Nguyễn Văn Dương và Phan Sào Nam; vụ án Hứa Thị Phấn;... thể hiện quyết tâm rất cao của Đảng, Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Trong năm 2018, các cơ quan chức năng, nhất là Đảng ủy Công an Trung ương, Quân ủy Trung ương, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban kiểm tra Trung ương, Ban cán sự đảng Thanh tra Chính phủ, các đồng chí thành viên Ban chỉ đạo đã nghiêm túc, khẩn trương chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo, hoàn thành cơ bản đúng tiến độ Kế

hoạch xử lý các vụ việc, vụ án, có lượt yêu cầu cao: Vụ án Trịnh Xuân Thanh và đồng phạm phạm tội “Tham ô tài sản; Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. Vụ án “Đánh bạc; sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; mua bán trái phép hóa đơn; rửa tiền và lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” đã khởi tố “93 bị can, trong đó có một số cán bộ cấp cao trong ngành công an, xảy ra tại Phú Thọ và một số địa phương”<sup>6</sup>. Làm rõ hành vi sai phạm của Phan Văn Anh Vũ và đồng phạm về các tội “cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”, trốn thuế; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; vi phạm các quy định về quản lý đất đai; vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí;...

Công tác điều tra, truy tố, xét xử các

vụ án tham nhũng, kinh tế cũng đã được tiến hành một cách kiên quyết, kiên trì, không khoan nhượng, không nương nhẹ, không làm oan sai, không bỏ lọt tội phạm; rất nghiêm minh, nhưng cũng rất nhân văn, nhân ái, có lý có tình. Trong những năm đầu của Đại hội XIII, đã đạt những kết quả cụ thể sau: “khởi tố, điều tra gần 4.200 vụ/7.572 bị can về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế. Các tội về tham nhũng đã khởi tố điều tra 455 vụ, 1.054 bị can”<sup>7</sup>.

Kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong 10 năm qua thể hiện số liệu cụ thể như sau: “Trong cả nước các cơ quan tiến hành khởi tố, điều tra 19.546 vụ/ 33.868 bị can. Truy tố 16.699 vụ/ 33.037 bị can. Xét xử sơ thẩm 15.857 vụ/ 30.355 bị cáo về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế. Tội phạm về tham nhũng: Khởi tố, điều tra 2.657 vụ/ 5.841 bị can. Truy tố 2.628 vụ / 6.199 bị can. Xét xử sơ thẩm 2.439 vụ/ 5.647 bị cáo”<sup>8</sup>.

Những con số, kết quả trên cho thấy quyết tâm rất cao, nỗ lực rất lớn, nói đi đôi với làm của Đảng, Nhà nước trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực, đưa nhiệm vụ đặc biệt quan trọng này không chỉ là tuyên ngôn chính trị mà đã trở thành hành động thực tế. Có thể thấy, Đảng và Nhà nước và các cơ quan chức năng đã xử lý nghiêm khắc nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao sai phạm thời gian qua. Cho thấy sự nghiêm minh của kỷ luật Đảng, thượng tôn pháp luật của Nhà nước, sự trong sạch, vững mạnh và uy tín của Đảng, Nhà nước và ý nguyện của Nhân dân. Trên dưới cùng đồng lòng, phải làm và kiên quyết làm, làm quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới để không có vùng cấm, không có ngoại lệ và không ai dám tham nhũng, tiêu cực ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.23.
- 2.Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H 2023.
- 3.Nguyễn Phú Trọng: Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H 2019.
- 4.Báo cáo số 06-BC/TW ngày 23/7/2022 của Bộ Chính trị.

<sup>5</sup> Nguyễn Phú Trọng: Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H 2019, tr. 177.

<sup>6</sup> Nguyễn Phú Trọng: Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H 2019, tr.330

<sup>7</sup> Báo cáo số 06-BC/TW ngày 23/7/2022 của Bộ Chính trị

<sup>8</sup> Báo cáo số 06-BC/TW ngày 23/7/2022 của Bộ Chính trị

## NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TỪ KHI ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

**GVC Võ Văn Kẹo**  
**Khoa Lý luận cơ sở**

Chủ nghĩa Mác- Lênin đã chỉ rõ, cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất công nghiệp hiện đại với trình độ xã hội hóa cao. Đối với những nước thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa như Việt Nam, để có nền tảng cơ sở vật chất như vậy, tất yếu phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH). Đó là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế- xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

**T**ừ Đại hội VI, Đảng ta chỉ tập trung vào nội dung: “xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa XNCH trong những chặng đường tiếp theo”. Đó là tập trung nhất vào thực hiện “*Ba chương trình lớn: Lương thực- thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu*”<sup>9</sup>. Đảng ta nhận thức về “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý”, nhất là năng lượng ... và thiết thực hơn là: “Sản phẩm nào mà công nghiệp nặng nhất thiết phải tạo ra trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thì cố gắng làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp”.

- Đại hội VII, Đảng ta vẫn tiếp tục thực hiện những nội dung của CNH XHCN mà Đại hội VI đề ra để phục vụ trực tiếp cho “*Ba chương trình kinh tế lớn*”, chủ yếu vẫn ở “*Mặt trận hàng đầu*” là nông nghiệp và cùng với đó là công nghiệp nhẹ. Nhưng Đảng ta cũng đã có sự phát triển nhận thức cụ thể hơn. Do vậy, nội dung trước tiên mà Đại hội VII nêu là: “*Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu*”<sup>10</sup>. Đồng thời, Đảng ta cũng chú trọng “*Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu đáp ứng nhu cầu đa dạng, chất lượng ngày càng cao phục vụ tốt tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tăng thêm nhiều việc làm. Trong nội dung CNH, HĐH của nhiệm kỳ này, Đảng ta cũng đã có nhận thức về phát triển công nghiệp nặng như sau:*

“*Phát triển một số ngành công nghiệp nặng, trước hết phục vụ cho sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ... Phát triển kết cấu hạ tầng sớm khắc phục tình trạng xuống cấp, mở rộng và hiện đại hóa có trọng điểm hệ thống giao thông vận tải, chú trọng phát triển vận tải đường biển, đường sông, đường sắt và hàng không quốc tế, phát triển giao thông nông thôn và miền núi. Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới điện quốc tế và trong nước; phủ sóng phát thanh truyền hình trong cả nước, phát triển ngành sản xuất thiết bị điện*”<sup>11</sup>.

Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII, Đảng ta có bước phát triển rõ hơn về nội dung CNH, HĐH là: “*Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ... CNH phải đi đôi với HĐH*”<sup>12</sup>, song vẫn chủ yếu là “*CNH, HĐH nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu*”<sup>13</sup>.

- Đại hội VII, sự phát triển mới về nhận thức của Đảng ta thể hiện ở Đại hội này trước hết qua 6 quan điểm về CNH, HĐH. Trong đó, về nội dung của CNH, HĐH được bổ sung đầy đủ, cập nhật thời đại hiện nay hơn, hiện đại hơn. Trong đó có nội dung: “*Tiếp tục nhấn mạnh về CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn là đặc biệt quan trọng ...; phát triển công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, hàng điện tử, thông tin; phát triển nhanh kết cấu*

*hạ tầng, du lịch, dịch vụ*”<sup>14</sup>.

Gắn CNH, HĐH với xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XNCH của nước ta, ngay từ Đại hội VII, Đảng ta đã có sự phát triển nhận thức mới, khi xác định rõ việc “*Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả*”<sup>15</sup>.

- Đại hội IX, nhận thức của Đảng ta tiếp tục phát triển mới và cụ thể hơn về nội dung CNH, HĐH khi nêu rõ: “*Đẩy mạnh CNH, HĐH nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn, tạo ra nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn ... đẩy nhanh điện khí hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội nông thôn, xây dựng vùng sản xuất tập trung lương thực, chăn nuôi có giá trị cao hơn, nhất là giá trị xuất khẩu ...; tăng hàm lượng khoa học và công nghệ cao như công nghệ sinh học, thông tin, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển tiêu thụ ... phát triển nhanh công nghiệp dịch vụ, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu ...; phát triển năng lượng đi trước một bước, đảm bảo an toàn năng lượng quốc gia ...; phát triển các ngành dùng nhiều lao động ...*”<sup>16</sup>.

- Đại hội X, gắn liền với nhận thức mới có ý nghĩa mục tiêu trọng điểm, Đảng ta nêu nhiều nội dung cụ thể tiếp theo về đẩy mạnh CNH, HĐH

<sup>9, 10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, H. 1987, tr.58-59

<sup>11, 12, 13, 14, 15</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, H. 1987, tr.55, tr.58, tr.162, tr.163, tr.165

<sup>16</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2001, tr.68-69



cho “nông nghiệp – nông dân – nông thôn” vào những năm tới: “chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao; cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và sinh học vào sản xuất ... tăng nhanh giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp dịch vụ, giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp ...; khuyến khích dồn điền đổi thửa ... góp vốn cổ phần bằng đất ...; phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng trọt, chăn nuôi công nghệ cao ... gắn với hình thành các ngành nghề, làng nghề, hợp tác xã, trang trại, tạo ra những sản phẩm có thị trường, có giá trị và hiệu quả kinh tế cao...; tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư”<sup>17</sup>.

- Đại hội XI, Đảng ta có những phát triển mới, cụ thể hơn về nhận thức thể hiện qua việc nêu ra các nội dung cụ thể tiếp theo của việc đẩy mạnh CNH, HĐH. Đó là: “Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh ... Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng và giá trị mới. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm ...

Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp, công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược ...”<sup>18</sup>

Đại hội XI Đảng ta xác định: “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường” là phương hướng đầu tiên cần phải ra sức thực hiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Với yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức và toàn

cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tất yếu phải thực hiện công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”<sup>19</sup>

*Tóm lại*, về nội dung, Đảng ta luôn luôn coi trọng đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; đưa nhanh khoa học, công nghệ vào sản xuất; thúc đẩy cơ giới hóa, hiện đại hóa nông thôn tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường. Phương hướng để công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là phải phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tính toán đến yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai; nâng tỉ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến; phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; công nghiệp vật liệu và công nghệ tiết kiệm nguyên vật liệu; công nghiệp được và các chế phẩm sinh học, công nghệ bảo vệ môi trường. Các nội dung về CNH, HĐH cũng được điều chỉnh phù hợp với xu thế quốc tế hóa về kinh tế. Trong quá trình CNH, HĐH, đảng ta cũng đề ra định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế cùng theo yêu cầu khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, phát triển quan hệ liên kết nội vùng và giữa các vùng, tập trung đến các vùng kinh tế trọng điểm và phát huy tác động lan tỏa đến các vùng kinh tế khác, xóa bỏ dần sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các vùng. Trong chỉ đạo thực tế, tuy đã đạt được những thành tựu nhất định trong phát triển các vùng kinh tế,

nhưng cũng đã xuất hiện ngày càng rõ những yếu tố bất hợp ký; xu hướng phát triển theo kiểu “khép kín” trong mỗi địa phương dẫn đến sự phân tán các nguồn lực vốn đang còn rất hạn hẹp; xuất hiện tư tưởng coi nhẹ nông nghiệp, nỗ lực thu hút đầu tư phát triển công nghiệp nhằm gia tăng một cách máy móc tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế địa phương ...

Việc thực hiện kết hợp giữa tuân tự và nhảy vọt hướng tới mục tiêu rút ngắn quá trình CNH, HĐH đất nước, nhanh chóng đưa đất nước từ tình trạng nước nghèo, kém phát triển thành nước công nghiệp hiện đại. Về mặt số lượng, việc rút ngắn quá trình CNH, HĐH đất nước thể hiện ở việc đẩy nhanh tốc độ phát triển ở tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế- xã hội, trong đó có một số ngành, lĩnh vực đi tắt ngay vào trình độ hiện đại của thế giới và phát huy ảnh hưởng “lôi kéo” sự phát triển các ngành, các lĩnh vực khác. Mặt khác, số lượng của sự phát triển ấy chỉ có thể bảo đảm được khi gắn chặt với việc bảo đảm về mặt chất lượng, coi trọng các yêu cầu về năng suất chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Phấn đấu đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao ■

<sup>17</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb..Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2001, tr.115

<sup>18</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb..Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2001, Tr. 78

<sup>19</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb..Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011, Tr. 73

## Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA SỰ KIỆN NGUYỄN TẮT THÀNH- HỒ CHÍ MINH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Sự kiện người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước ngày 05/6/1911 là bước ngoặt báo hiệu những thay đổi lớn đối với đất nước, con người và dân tộc Việt Nam, đây là sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn và giá trị thời đại sâu sắc đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

**ThS. Nguyễn Quốc Khánh**  
**TSGV Khoa Lý luận cơ sở**

**H**ồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc, chấm dứt cuộc khủng hoảng triền miên về đường lối cứu nước từ nửa cuối thế kỷ XIX đến những năm đầu của thế kỷ XX khi Người đã tìm ra con đường cách mạng và sáng lập Đảng cách mạng chân chính để lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện con đường ấy bằng cách “tập hợp quần chúng, tổ chức họ, thức tỉnh họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh”<sup>20</sup>, để “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”<sup>21</sup>. Ý nghĩa lịch sử to lớn của sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước chẳng những là báo hiệu sự mở đầu cho những thay đổi lớn của đất nước và nhân dân sau này mà còn là mở đầu, báo hiệu những mầm mống đầu tiên của một thời đại mới trong lịch sử dân tộc ta thời hiện đại. Thời đại ấy ở Việt Nam như Đảng ta xác định, đó là Thời đại Hồ Chí Minh, thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mở ra một kỷ nguyên mới, đưa Việt Nam vận động theo quỹ đạo của lịch sử thế giới hiện đại với Cách mạng Tháng Mười Nga, năm 1917, mở đầu thời đại mới của thế giới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và từ đây, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Cách mạng Tháng Mười Nga được Nguyễn Ái Quốc đánh giá là hình mẫu của một cuộc cách mạng “đến nơi”, tức là triệt để, là hình mẫu, là tấm gương cho cách mạng Việt Nam noi theo, là nguồn sáng cổ vũ các dân tộc thuộc địa, bị áp bức làm cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân để giành lấy độc lập dân tộc và quá độ tới chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, “Đường Kách mệnh” do Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh khai phá, mở đường là con đường chống chủ nghĩa thực dân cả cũ lẫn mới, con



Ảnh minh họa từ internet

đường dẫn dắt dân tộc tới Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, những mục tiêu cao cả và những giá trị thiêng liêng của giải phóng, của phát triển. Con đường ấy chỉ có thể là con đường cách mạng kiểu mới do Đảng cách mạng kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân lãnh đạo, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ tàn tích phong kiến, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Thời đại ấy mở đầu như một mầm mống từ cuộc hành trình cứu nước của Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, đến bước ngoặt chuẩn bị sinh thành, khi chủ nghĩa Mác – Lênin được Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời do chính Người sáng lập và đặt tên

vào mùa xuân năm 1930; cho đến khi, Nguyễn Ái Quốc về tới đầu nguồn Pác Bó, Cao Bằng sau cuộc hành trình 30 năm. Thời đại Hồ Chí Minh chính thức được bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám, năm 1945, tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước thắng lợi và nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời. Thời đại Hồ Chí Minh của Việt Nam, từ đây hòa vào dòng chủ lưu của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Thời đại Hồ Chí Minh ở Việt Nam là thời đại chiến đấu cho độc lập tự do, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, kéo dài trong vòng ba thập kỷ 1945-1975 (riêng chống Mỹ xâm lược miền Nam, phá hoại, hủy diệt miền Bắc đã mất 21 năm 1954-1975) cho đến ngày toàn thắng, Bắc Nam sum họp một nhà, khẳng định giá trị “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Thời đại Hồ Chí Minh, tiếp đó là cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, cả nước bước vào đổi mới, mở cửa,

<sup>20</sup> Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.209.

<sup>21</sup> Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.596.



hội nhập quốc tế, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, thực hiện khát vọng dân tộc cường thịnh, trường tồn theo tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đảng ta đã nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII vừa qua. Thời đại Hồ Chí Minh như ngọn cờ dẫn đường, như ánh sáng soi đường, truyền ánh lửa niềm tin và hy vọng, thúc đẩy hành động sáng tạo của mọi thế hệ người Việt Nam trong tiến trình lịch sử lâu dài để đi tới thắng lợi, để hệ giá trị thiêng liêng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc trở thành hiện thực trong cuộc sống của dân tộc Việt Nam, trong đời sống hàng ngày của mỗi con người Việt Nam.

Cùng với ý nghĩa lịch sử to lớn đó đối với Việt Nam, sự kiện ra đi tìm đường cứu nước cứu dân của Nguyễn Tất Thành còn có ý nghĩa thức tỉnh, cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng giải phóng dân tộc đối với các nước thuộc địa, các dân tộc bị áp bức trên thế giới, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân để giành quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, những quyền tự nhiên, cơ bản, thiêng liêng của mỗi con người, của mỗi dân tộc, hướng tới một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng cho tất cả mọi người trên quả đất. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam mà Nguyễn Tất Thành- Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh là người khai phá, mở đường, dẫn dắt đã đem lại cho các dân tộc bài học về lòng tự tin, tự mình giải phóng cho mình, về sức mạnh của đoàn kết, đại đoàn kết để thành công, đại thành công như tổng kết của Hồ Chí Minh. Đó còn là bài học về lòng dũng cảm, đức hy sinh và tinh thần lạc quan trong cuộc chiến đấu cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và phồn vinh của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân. Ảnh hưởng và hiệu ứng của con đường Hồ Chí Minh, sự nghiệp Hồ Chí Minh, trí tuệ, đạo đức, nhân cách Hồ Chí Minh đối với nhân dân các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh và các dân tộc khác trên thế giới hết sức rộng lớn và sâu sắc. “Việt Nam Hồ Chí Minh Điện Biên Phủ Võ Nguyên Giáp” trong lòng bạn bè nhân dân thế giới đã như những biểu tượng, những giá trị, khẳng định rằng, chính nghĩa chiến thắng phi nghĩa, chiến tranh phải bị đẩy lùi, bạo tàn và áp bức phải được xóa bỏ, hòa bình và hữu nghị phải được xác lập, tồn tại vững bền, độc lập tự do hạnh

phúc phải là thực chất, phổ biến, là khát vọng muôn đời của các dân tộc, của cả loài người tiến bộ. Sự tôn vinh mà thế giới dành cho Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, ngọn cờ đầu đi tiên phong, dẫn dắt cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, người bạn lớn của các dân tộc, sứ giả của hòa bình và văn hóa hòa bình, biểu tượng của tình thương, đức hy sinh và sự dâng hiến, của lòng vị tha, nhân ái, bao dung, của văn hóa khoan dung, tự nó đã mang tính xác thực đầy tin yêu về “Hồ Chí Minh, Người sống mãi trong lòng dân và trong trái tim nhân loại”.

Giá trị thời đại của sự kiện ngày 05/6/1911 khi Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước, trước hết đó là sự xây đắp nền móng lý luận, học thuyết cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, một hình thái đặc thù của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc trong thế giới hiện đại. Giá trị đặc sắc này là công hiến nổi bật của Hồ Chí Minh trong vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Là nhà cách mạng chuyên nghiệp, nhà hoạt động thực tiễn kiệt xuất, Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh không chỉ xây dựng mà còn trực tiếp thực hành lý luận, đã vạch ra “Đường Kách mệnh”, “cách mạng đến nơi”, “cách mạng triệt để”, đem lại một định nghĩa kinh điển, “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”. Vậy là cách mạng phải sáng tạo, muốn sáng tạo phải đổi mới, hội nhập để phát triển. Cách mệnh không chỉ “giữ chủ nghĩa cho vững” mà còn phải “ít lòng ham muốn về vật chất”. Như thế, cách mạng phải dựa trên cơ sở khoa học và có đảm bảo vững chắc từ đạo đức (động cơ, mục đích trong sáng, đạo đức làm cho việc tiếp thu chân lý, lý luận trở nên dễ dàng hơn, thấu đáo quy luật hơn, hành xử văn hóa thâm thúy, tinh tế hơn, thường xuyên nhận thức và hành động trong các mối quan hệ, thông qua các mối quan hệ). Đó là thực tiễn và thực hành dưới ánh sáng của lý luận. Có lý luận tiên phong, được Đảng cách mạng đi tiên phong lãnh đạo, có đường lối đúng đắn, nhất quán, còn phải có sức mạnh của đạo đức, không vương bận những riêng tư, danh lợi, địa vị, chức quyền để suốt đời tận tụy hy sinh, đấu tranh chống

chủ nghĩa cá nhân bởi đây là giặc nội xâm, nguy hiểm nhất, phải nêu gương và có dũng khí tự vượt lên, muốn cách mạng xã hội trước hết phải cách mạng chính bản thân mình trước đã. Đảng cách mạng, người cách mạng không có đạo đức trong sáng thì không thể đi trọn con đường và sự nghiệp. Xác định ấy của Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh từ rất sớm đã được thực tiễn lịch sử các phong trào cách mạng chứng minh, đủ thấy tầm nhìn xa trông rộng của Người. Mọi sự thất bại, đổ vỡ đau đớn, đều chỉ vì lãnh đạo, cầm quyền tự đánh mất sức mạnh trong lòng dân, đánh mất khả năng tự bảo vệ do xa dân và suy đồi đạo đức gây ra. Cách mạng phải thành ra phong trào, sự nghiệp của toàn dân nên phải tập hợp và đoàn kết dân chúng lại gắn chặt đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế. Đây là một giá trị lớn từ truyền thống đến hiện đại, là yếu tố điều kiện quan trọng nổi bật nhất để khởi sự, khởi nghiệp thành công. Đây là một trong những điểm nhấn nổi bật trong tư tưởng, đường lối, chính sách, đạo đức, phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh. Cách mệnh phải dựa vào dân, dân là gốc của nước. Dân là chủ thể sáng tạo quyết định của lịch sử. Làm cách mạng chỉ vì mưu cầu quyền và lợi ích cho dân. Mọi việc lớn nhỏ, đều phải có sức người, sức dân mới thực hiện được. Phải quan tâm tới lợi, quyền của dân chúng “đầu tiên là công việc với con người”. Phải ăn ở sao cho được lòng dân, vì dân. Một cuộc cách mạng thực sự phải hướng tới dân, phụng sự nhân dân, coi đó là phục tùng chân lý cao nhất, bởi cái gì tốt cho dân, cái đó là chân lý, làm đầy tớ, công bộc cho dân là lựa chọn lối sống cao thượng nhất. Cả cuộc đời Hồ Chí Minh là điển hình mẫu mực nhất tư tưởng nhân dân, trọng dân, trọng pháp.

Từ sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước với khát vọng giải phóng dân tộc, hiện nay, dưới ánh sáng Đại hội XIII, Đảng ta đang khơi dậy khát vọng phát triển đất nước vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, hùng cường cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh ■



## NGHIÊN CỨU, TÌM HIỂU VÀ VẬN DỤNG QUAN NIỆM VỀ THANH ĐẢNG CỦA V.I. LÊNIN

V.I.Lênin, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tư tưởng vĩ đại của Người về mục tiêu, con đường đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân còn sống mãi và tiếp tục soi sáng, cổ vũ chúng ta, dẫn dắt Nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới vững bước trên con đường đi tới xã hội cộng sản chủ nghĩa - một tương lai tươi sáng của xã hội loài người.

**ThS. Nguyễn Thị Bích Tuyền**  
**GV Khoa Xây dựng Đảng**

Vấn đề thanh đảng được V.I.Lênin đề cập trong nhiều tác phẩm, nhưng tập trung nhất ở tác phẩm “Về vấn đề thanh đảng”, viết vào tháng 9 năm 1921. Vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về vấn đề thanh đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đưa những phần tử không còn đủ tiêu chuẩn đảng viên ra khỏi Đảng là một nhiệm vụ thường xuyên của công tác xây dựng đảng.

### Vì sao phải thanh Đảng?

*Thứ nhất*, ngay từ ngày đầu thành lập, tại Đại hội II của Đảng Công nhân Dân chủ xã hội Nga (7-1903), Đảng đã chia thành hai phái Bôn-sê-vích (B) và Men-sê-vích.

*Thứ hai*, giai cấp công nhân Nga trải qua Chiến tranh thế giới I và nội chiến đã có những biến động lớn. Nhiều công nhân ưu tú phải ra mặt trận. Nhiều người xuất thân từ đủ mọi tầng lớp dân cư đã vào làm việc trong các xí nghiệp, hầm mỏ, trong đó có cả những kẻ trốn nghĩa vụ quân sự và những tên vô sản lưu manh...

*Thứ ba*, do sức hấp dẫn của đảng cầm quyền khiến bọn cơ hội tìm mọi cách chui vào Đảng. Những phần tử cơ hội mới cùng với những phần tử cơ hội cũ trở thành một lực lượng đáng kể trong Đảng. Đây chính là nguồn gốc chia rẽ, bè cánh, phe nhóm trong Đảng.

*Thứ tư*, số lượng đảng viên tăng quá nhanh, dẫn đến khó tránh khỏi chất lượng thấp.

Vấn đề thanh đảng được Lênin đề cập rất sớm, nhưng tập trung nhất ở tác phẩm “Về vấn đề thanh Đảng”<sup>22</sup> viết vào tháng 9-1921 vì những lý do: ngay sau khi thành lập, tại Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga (7-1903), đảng đã chia thành hai phái Bôn-sê-vích (B) và Men-sê-vích; giai cấp công nhân Nga trải qua Chiến tranh thế giới I và nội chiến đã có những biến động lớn. Nhiều công nhân ưu tú phải ra mặt trận và cũng



Ảnh minh họa từ internet

nhiều người xuất thân từ đủ mọi tầng lớp dân cư vào trong các xí nghiệp, hầm mỏ, trong đó có cả những kẻ trốn nghĩa vụ quân sự và những tên vô sản lưu manh; do sức hấp dẫn của đảng cầm quyền khiến bọn cơ hội tìm mọi cách chui vào đảng, trở thành nguồn gốc chia rẽ, bè cánh, phe nhóm trong đảng...

Tháng 3-1906, lần đầu tiên, V.I. Lênin khẳng định sự cần thiết phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và trong mọi hoạt động của đảng. Trong Cương lĩnh hoạt động sách lược trình lên Đại hội Thống nhất của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga. V.I. Lênin cho rằng, giai cấp công nhân - đội tiên phong của giai cấp vô sản - lãnh đạo toàn xã hội không chỉ bằng cương lĩnh, tư tưởng và đường lối, mà còn bằng tổ chức, bởi “*Sức mạnh của giai cấp công nhân là ở tổ chức. Không tổ chức quần chúng thì giai cấp vô sản không là cái gì hết. Được tổ chức, giai cấp vô sản sẽ là tất cả*”<sup>23</sup>.

Theo đó, mỗi tổ chức đảng phải được chỉnh đốn vững mạnh và đó chính là điều kiện đảm bảo cho cương lĩnh, tư tưởng và đường lối của toàn đảng được thực hiện trên thực tế. Sức mạnh về chính trị, về tư tưởng của đảng chỉ có thể được thực hiện bằng tổ chức đảng, thông qua tổ chức

đảng, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

V.I. Lênin cho rằng, trong một chính đảng vô sản cầm quyền, “tính tổ chức là sự thống nhất hành động, sự thống nhất trong hoạt động thực tiễn”. Sự thống nhất này chính là “... thống nhất hành động, tự do thảo luận và phê bình” - đó là kỷ luật đảng, “chỉ có kỷ luật như thế mới xứng đáng với đảng dân chủ của một giai cấp tiên tiến”. Thêm nữa, “tính tổ chức mà không có nguyên tắc tư tưởng là một điều vô nghĩa” và do vậy, giai cấp vô sản không chấp nhận sự thống nhất hành động trên cơ sở tự do thảo luận và phê bình một cách vô nguyên tắc. Nhấn mạnh nguyên tắc về sự thống nhất giữa tính tổ chức và tính tư tưởng trong đảng, song Người cũng khẳng định: “Không có kỷ luật nào buộc đảng viên phải mù quáng tán thành mọi dự thảo nghị quyết do Ban Chấp hành Trung ương thảo ra”. Bởi trong một chính đảng vô sản cầm quyền “được xây dựng một cách dân chủ”, mọi đảng viên của đảng đều “có quyền và nghĩa vụ đấu tranh trong phạm vi nghị quyết của đại hội”.

Năm 1919-1920, Đảng Công sản (B) Nga đã đăng ký lại đảng viên với mục đích đưa những phần tử bám lấy Đảng vì danh

<sup>22</sup> V.I.Lênin toàn tập, Tập 44, Nxb Tiến bộ Mátxcova, 1979, tr. 334.

<sup>23</sup> V.I.Lênin. Toàn tập, Tập 14, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979, tr.163.



lợi, địa vị, thoái hoá... ra khỏi Đảng. Năm 1921, Đại hội X của Đảng Cộng sản (B) Nga quyết định chuyển sang chính sách kinh tế mới. Nhận thấy sự tồn tại của các phe nhóm là một nguy cơ cho việc thực hiện đường lối mới nên Đại hội đã đặc biệt chú ý đến sự thống nhất trong Đảng.

V.I. Lênin trực tiếp soạn thảo nghị quyết về vấn đề thanh Đảng. Người đề nghị công khai đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tiêu chuẩn có sự tham gia đông đảo của quần chúng lao động.

Đại hội đã tán thành và thực hiện việc thanh đảng vào năm 1921.

Tháng 9-1921, V.I. Lênin viết bài báo "Về vấn đề thanh đảng". Người chỉ rõ: Thanh đảng đã trở thành vấn đề nghiêm túc, đặc biệt quan trọng. Tiến hành việc đó phải dựa vào kinh nghiệm của công nhân, quần chúng ngoài Đảng, dựa vào các tổ chức Xô-viết. Cuộc thanh đảng rộng lớn đã được tiến hành. Cuộc thanh đảng này đã đưa ra khỏi Đảng 170.000 đảng viên (khoảng 25% tổng số đảng viên).

### Mục đích của thanh Đảng

Ngay từ Đại hội II, V.I. Lênin đã đấu tranh quyết liệt chống lại những người Men-sê-vích để bảo vệ danh hiệu người đảng viên cộng sản.

Tháng 11-1905, trong bài báo "Bàn về cải tổ Đảng" V.I. Lênin đã khẳng định: Nếu Đảng không khác gì quần chúng thì Đảng sẽ hoà tan trong quần chúng và Đảng không còn xứng đáng là đội tiên phong, mà đã tự hạ mình xuống thành cái đuôi của quần chúng.

Một trong những vấn đề V.I. Lênin lưu ý sau Cách mạng Tháng Mười Nga là không thể tránh khỏi những phần tử nguy hại, những bọn phiêu lưu chui vào đảng cầm quyền, "bất cứ cuộc cách mạng nào cũng không tránh khỏi điều đó và sẽ không tránh khỏi được". Vấn đề là ở chỗ, đảng cầm quyền phải biết làm cho hàng ngũ của mình trong sạch bằng cách đuổi bọn thoái hoá biến chất, cơ hội, thù địch ra khỏi đảng, làm cho lực lượng và uy tín của đảng tăng lên.

Mục đích của thanh đảng là nhằm loại trừ những người không đủ tiêu chuẩn, bọn phiêu lưu, bọn khiêu khích ra khỏi đảng; để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng; để có đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng đủ sức thực hiện chính sách mới, tương xứng với nhiệm vụ chính trị mới, chứ không vì mục đích nào khác. V.I. Lênin lưu ý đến đối tượng thanh đảng là những kẻ bè phái chống đảng như bọn Men-sê-vích...; những phần tử tuyên

truyền quan điểm chống đảng; những kẻ gian xảo, đảng viên quan liêu, xu nịnh, luôn lộng, tham ô, ăn cắp, thiếu trung thực, bọn người lập ra hết ban này ban nọ, mà không làm và không biết làm một công tác thực tiễn nào...

V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: điều tuyệt đối không thể tránh được là sau khi cách mạng thắng lợi không thể tránh khỏi những phần tử nguy hại, những bọn phiêu lưu chui vào đảng cầm quyền. Người kết luận: bất cứ cuộc cách mạng nào cũng không tránh khỏi điều đó và sẽ không tránh khỏi được.

V.I. Lênin khẳng định: tất cả vấn đề là ở chỗ - đảng cầm quyền phải biết làm cho hàng ngũ của mình trong sạch bằng cách đuổi bọn thoái hoá biến chất, cơ hội, thù địch ra khỏi Đảng. Việc làm đó sẽ làm cho lực lượng và uy tín của Đảng tăng lên rất mạnh.

Như vậy, mục đích của thanh đảng là nhằm loại trừ những người không đủ tiêu chuẩn, bọn phiêu lưu, bọn khiêu khích ra khỏi Đảng. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Thanh đảng để có một đội ngũ đảng viên đủ sức thực hiện chính sách mới, tương xứng với nhiệm vụ chính trị mới.

### Đối tượng thanh Đảng

Đối tượng thứ nhất: Những kẻ bè phái chống Đảng, như bọn Men-sê-vích, Tơ-rôt-kít. V.I. Lênin cho rằng, chỉ có thể lưu lại trong Đảng những người Men-sê-vích cũ tham gia Đảng từ sau đầu năm 1918 nhiều lắm là 1% và phải thẩm tra từng người một trong số những người được lưu lại, bảo đảm đủ phẩm chất.

Đối tượng thứ hai: Những phần tử tuyên truyền những quan điểm chống Đảng.

Đối tượng thứ ba: Những đảng viên quan liêu, không trung thực, nhu nhược, xu nịnh, luôn lộng, bọn tham ô, ăn cắp, bọn người lập ra hết ban này ban nọ, mà không làm và không biết làm một công tác thực tiễn nào.

### Hình thức và biện pháp thanh đảng

Một là, dựa vào những kinh nghiệm và ý kiến của quần chúng ngoài Đảng. V.I. Lênin cho rằng, dĩ nhiên không thể nghe theo tất cả mọi ý kiến của quần chúng. Song đối với việc nhận xét, đánh giá, bọn quan liêu, bọn làm quan thì trong nhiều trường hợp là rất quý báu.

Hai là, V.I. Lênin cho rằng việc thanh đảng cần được thực hiện dưới nhiều hình thức đồng bộ như: đăng ký lại đảng viên; động viên ra khỏi Đảng... Những kẻ đê tiện lẩn lút trong Đảng hiệp đáp quần

chúng thì cần có những biện pháp quyết liệt, mạnh mẽ, kiên quyết khai trừ ra khỏi Đảng, xử lý dứt điểm theo pháp luật tương xứng với tội lỗi đã gây ra.

Bên cạnh đòi hỏi phải có sự đấu tranh đi đến thống nhất trong đảng, V.I. Lênin cũng thừa nhận, không phải lúc nào mọi đảng viên của đảng đều thuần nhất tuyệt đối về chính trị, tư tưởng, tổ chức, nhất là khi có những kẻ luôn lộng "chui sâu, leo cao" vào hàng ngũ của đảng, lợi dụng danh nghĩa, uy tín của những người cộng sản, khoác lên vai, khắc lên trán hai chữ cộng sản, nhưng kỳ thực không tỏ rõ tính tiên phong và chẳng mang một chút nào bản chất giai cấp công nhân. Bởi vậy, một mặt phải làm tốt công việc phát triển đảng viên, mặt khác phải thường xuyên tăng cường thanh đảng, đảm bảo cho đảng luôn trong sạch, vững mạnh, đủ sức gánh vác công việc của các Xô-viết.

Trong mỗi giai đoạn lịch sử của mình, việc thực hiện thanh đảng nhằm khẳng định vai trò lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng sản, nhằm mục đích kiến thiết, củng cố, chỉnh đốn, xúc lại tinh thần và lực lượng, trau chuốt viên ngọc bản chất giai cấp công nhân càng thêm sáng thêm trong, đủ sức chèo lái con thuyền cách mạng cập bến bờ hạnh phúc đã được khẳng định. Với ý nghĩa ấy, việc tiếp tục học tập, nắm vững và vận dụng sáng tạo nguyên tắc tập trung dân chủ và quan điểm thanh đảng của V.I. Lênin vào thực tiễn công tác xây dựng đảng ở Việt Nam hiện nay mang ý nghĩa vô cùng thiết thực.

Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" chỉ rõ ba vấn đề cần làm ngay: Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu của cấp uỷ, chính quyền các cấp và mối quan hệ với tập thể cấp uỷ, cơ quan, đơn vị để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một trong những khâu quan trọng nhất...

Đề Nghị quyết Trung ương 4 vào cuộc sống, Đảng ta đã ban hành các chỉ thị, hướng dẫn, đảm bảo cho việc tổ chức thực

hiện. Tuy nhiên, vẫn còn không ít những bản khoản thái quá, hoặc tả khuynh hoặc hữu khuynh trong xem xét nội dung, cách thức, bước đi, lộ trình của tự phê bình và phê bình trong Đảng. Hoặc có những người khi phê bình thì tỏ ra rất gay gắt, “sâu sắc” nhưng khi tự phê bình thì giản đơn, xuê xoa; một số không có dũng khí khi nhìn vào những sai phạm, khuyết điểm; thiếu trách nhiệm cả trong phê bình và tự phê bình. Kinh nghiệm cho thấy sẽ là nguy hiểm một khi lợi dụng quan điểm thanh đảng của V.I.Lênin để đưa ra khỏi đảng những người không cùng phe cánh, người mình không ưa thích, hoặc dăm đầu tranh phê bình mình... Vì vậy, trong thực tiễn triển khai Nghị quyết Trung ương 4, đối với mỗi đảng viên và tổ chức cơ sở đảng từ Trung ương tới địa phương, trước hết phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng; mặt khác, phải hiểu và vận dụng đúng quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề “thanh đảng” vào tình hình thực tiễn hiện nay, với mục tiêu kiên toàn tổ chức, củng cố đoàn kết trong Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đề ra Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, trong đó chỉ rõ ba vấn đề cần làm ngay:

*Một là:* Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

*Hai là:* Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

*Ba là:* Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu của cấp uỷ, chính

quyền các cấp và mối quan hệ với tập thể cấp uỷ, cơ quan, đơn vị để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một trong những khâu quan trọng nhất.

Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện và sâu sắc về công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đại hội XIII khẳng định: “*Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ này đã đạt được kết quả toàn diện, trong đó nổi bật là: Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tinh giản biên chế của hệ thống chính trị; đổi mới công tác cán bộ và ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền; tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, xử lý nghiêm những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng các nhiệm kỳ qua và nhiệm kỳ Đại hội XII đã góp phần rất quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay; Đảng ta đoàn kết, thống nhất và trong sạch, vững mạnh hơn; niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố, tăng cường hơn, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới*”<sup>24</sup>

Trên cơ sở kế thừa và đánh giá kết quả việc thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng đề ra 10 nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ về công tác xây dựng Đảng để thực hiện, trong đó có nhiều nội dung được bổ sung, phát triển cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Cụ thể là: tăng cường xây dựng Đảng về chính trị; coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; tập trung xây dựng Đảng về đạo đức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ

thống chính trị; nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Để thực hiện phương hướng và 10 nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng, nhất là 3 nhiệm vụ trọng tâm, Đại hội XIII của Đảng xác định 3 giải pháp đột phá sau: tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ; phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực

*Tóm lại, những tư tưởng vĩ đại của V.I.Lênin vẫn luôn tỏa sáng và có giá trị cho đến ngày nay, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ và vấn đề thanh đảng. Việc nghiên cứu, vận dụng quan điểm của V.I. Lênin “Về vấn đề thanh đảng” trong lúc này là cần thiết. Trong tình hình hiện nay, Đảng có giữ vững, có phát huy được vai trò người lãnh đạo hay không, một yếu tố quyết định là chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng; đội ngũ đó có thực sự là trí tuệ, lương tâm và danh dự của thời đại hay không? Như vậy, đổi mới, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ cốt lõi, cần thiết, cấp bách của toàn Đảng. Cần phải có quyết tâm, biện pháp đồng bộ, mạnh mẽ và triệt để, dựa vào quần chúng Nhân dân thì thực hiện Nghị quyết mới thành công* ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.I.Lênin. Toàn tập, Tập 14, Nxb Tiên bộ, Mátxcova, 1979, tr.163.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 220 - 221



## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

**ThS. Võ Thị Thu Thảo**  
**GVTS Khoa Nhà nước và Pháp luật**

Ngày 22/10/2018 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Nghị quyết xác định rõ: “Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và của từng cán bộ, đảng viên”. Để thực hiện tốt các nội dung nêu trên, trước hết phải phát huy tốt vai trò của cán bộ, đảng viên trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là yếu tố quan trọng và cần thiết để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch mà Đảng đã đề ra.

### 1. Quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra quan điểm chỉ đạo quan trọng liên quan đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch như sau: “Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”<sup>25</sup>. Đây được coi là một trong những vấn đề “mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động”<sup>26</sup>. Có thể nhận thấy, quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII có sự kế thừa và phát triển quan điểm của các kỳ đại hội trước, gần nhất là Đại hội XII của Đảng về nguyên tắc tiên quyết trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nếu như Đại hội XII của Đảng chỉ nhấn mạnh việc “vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin”, thì Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh thêm sự “kiên định”, coi đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ở nước ta hiện nay. Sự kiên định liên quan đến

lập trường tư tưởng, nên để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch không thể không có lập trường tư tưởng vững vàng. Hơn nữa, Đảng ta còn nhấn mạnh thêm: “không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động” để khẳng định đây là nguyên tắc sống còn trong công tác đặc biệt quan trọng này.

Trong quan điểm chỉ đạo về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Đảng ta tiếp tục khẳng định: phải vừa vận dụng, vừa phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với thực tiễn. Nếu vận dụng là việc làm theo những chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thì phát triển là làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung phong phú và sinh động hơn bởi thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đây chính là sự kế thừa, quán triệt những chỉ dẫn có tính phương pháp luận của V.I.Lênin trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với

cuộc sống”<sup>27</sup>.

### 2. Nhiệm vụ trọng tâm về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của Đại hội XIII

Để cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định có hai nhiệm vụ trọng tâm. Trước hết, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Đảng ta chỉ rõ: “Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam”<sup>28</sup>. Để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Đảng ta cũng nêu rõ phải: “thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”<sup>29</sup>. Như vậy, ở Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục kế thừa và phát triển quan điểm của Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII, trong đó có sự thống nhất giữa hai mặt bảo vệ và đấu tranh. Muốn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch và ngược lại, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch để luôn giữ vững, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng.

### 3. Một số giải pháp của Đại hội XIII về công tác bảo vệ nền tảng tư

<sup>25, 26</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.33

<sup>27</sup> V.I.Lênin: Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.232.

<sup>28</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.40-41.

<sup>29</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.41.

**tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

**Thứ nhất,** gắn việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa trong nội bộ”<sup>30</sup>. Đây được coi là giải pháp trước tiên, có ý nghĩa tiên quyết trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, vì nó liên quan trực tiếp đến sự kiên định, lập trường tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên - chủ thể trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW.

**Thứ hai,** chuyên trọng tâm của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mặt trận tư tưởng, lý luận từ hình thức truyền thống là chủ yếu sang đấu tranh trên internet và mạng xã hội.

**Thứ ba,** tăng cường công tác quản lý, có chế tài xử lý nghiêm minh đối với các cơ quan báo chí, các phóng viên xa rời mục tiêu, tôn chỉ, mục đích cũng như đạo đức nghề nghiệp khi đăng tải những thông tin chưa chính xác, có nội dung xấu độc làm ảnh hưởng đến tâm lý, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân cũng như dư luận xã hội.

**Thứ tư,** phát huy vai trò của khoa học - công nghệ hiện đại trong công tác tuyên truyền, bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng. Một trong những điểm mới quan trọng của Đại hội XIII là Đảng ta đã đưa ra giải pháp về phát huy vai trò của khoa học - công nghệ hiện đại trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

**4. Nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

Từ những giải pháp mà Nghị quyết

Đại hội XIII của Đảng ta đề ra đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thì để thực hiện có hiệu quả những giải pháp này cần phải sử dụng một cách tổng hợp các lực lượng và các biện pháp kiên quyết bảo vệ, đấu tranh, củng cố bản chất cách mạng và khoa học, phát huy tối đa và sáng tạo giá trị cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, lệch lạc về nhận thức cũng như bản chất sai lầm, phản khoa học; vạch trần tính chất sai trái, thù địch trong các luận điệu của các thế lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội; sử dụng các biện pháp để ngăn chặn, phản bác quan điểm sai trái, thù địch nhằm củng cố niềm tin, lý tưởng của cán bộ đảng viên và Nhân dân vào nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng thấm sâu, ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của Nhân dân. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên thì vai trò của cán bộ, đảng viên là hết sức quan trọng, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, là thành phần cốt lõi trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Vì vậy, cần phải phát huy tối đa vai trò của cán bộ, đảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Để tiếp tục góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch trong điều kiện hiện nay, mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

**Một là,** mỗi cán bộ, đảng viên cần tiếp tục học tập, nghiên cứu lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nâng cao nhận thức về lý luận chính trị, nhất là trong công tác xây dựng Đảng, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Học tập lý luận chính trị là cả một quá trình

tìm tòi, học hỏi, tiếp thu và vận dụng vào thực tiễn vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với các thế lực thù địch, những âm mưu, thủ đoạn sai trái, phát hiện kịp thời và dùng mọi cách tiêu diệt những thế lực xấu. Tiếp tục phát triển, vận dụng những giá trị ưu việt của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác của mỗi cán bộ, đảng viên nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Làm được việc này cũng chính là sự khẳng định mạnh mẽ, góp phần chứng minh làm sáng tỏ những giá trị to lớn và góp phần thiết thực trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái, chống phá của các thế lực thù địch trong điều kiện hiện nay. Hiện nay, trong một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên còn có tư tưởng chưa vững vàng, lập trường chưa kiên định cho nên phải được đào tạo, bồi dưỡng, tiếp cận một cách sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng, quá trình hình thành tổ chức Đảng ta, những kết quả mà Đảng ta đã đạt được suốt những năm qua để từ đó càng kiên định, giữ vững lập trường vững vàng của mình.

**Hai là,** mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện tốt việc nêu gương trong mọi hoạt động, tăng cường tuyên truyền những giá trị ưu việt của chủ nghĩa xã hội, những thành quả đã đạt được trong thực tiễn đời sống xã hội. Cán bộ, đảng viên là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân nên cần phải tiên phong, đi đầu trong mọi hoạt động, giữ vững hình ảnh đẹp trong lòng dân, khi dân tin tưởng thì những nội dung mà cán bộ, đảng viên tuyên truyền đến người dân sẽ được họ đón nhận một cách đầy đủ. Qua đó giúp nâng cao nhận thức trong mỗi người dân, biết phân biệt phải, trái, đúng, sai, khẳng định lòng tin của Nhân dân với Đảng, với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, để mỗi người dân tự giác góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung, bảo vệ lẽ phải, chống lại những luồng tư tưởng lệch lạc, những thói hư, tật xấu trong đời

<sup>30</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.183.



sống xã hội, thực hiện đúng theo lời dạy của Bác là phải biết dựa vào dân, vì “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

**Ba là,** cán bộ, đảng viên phải luôn sáng suốt, nhạy bén, kịp thời phát hiện, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch ngay từ những biểu hiện nhỏ nhất, trong mọi mặt của đời sống xã hội, với những phương thức linh hoạt, phù hợp thực tiễn. Hiện nay, các thế lực thù địch có nhiều âm mưu, thủ đoạn để chống phá, với những phương thức hoạt động đa dạng, tinh vi. Chúng lợi dụng những sai sót, vướng mắc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành, những biểu hiện tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhiều khi chỉ là vô ý trong nhận thức và những khó khăn khách quan tác động, để dựng lên những câu chuyện xuyên tạc, tạo ra những tin đồn “nửa thực, nửa hư” tung lên mạng xã hội, phát biểu, chia sẻ gây xáo trộn tư tưởng trong Nhân dân, để tạo dư luận xã hội nhằm chống phá, đả kích theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Các cán bộ, đảng viên phải luôn vững vàng, sáng suốt, lựa chọn thông tin tuyên truyền đến Nhân dân, khẳng định chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng để hình thành niềm tin của

Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

**Bốn là,** bám sát tình hình, cập nhật thông tin chính thống, nắm bắt tư tưởng, dư luận trong xã hội để kịp thời chấn chỉnh, định hướng dư luận, xác định đây là nhiệm vụ của mỗi cán bộ, đảng viên trong tình hình hiện nay. Mỗi cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo (nếu có), tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là kỷ luật phát ngôn trong quá trình công tác, trước hết trong cơ quan, đơn vị và rộng ra ngoài xã hội. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; tinh táo, cân nhắc kỹ trước khi phát ngôn, chia sẻ nhận định, đánh giá vấn đề, sự kiện, hiện tượng nào đó. Chú trọng nâng cao ý thức tự giác, kỷ luật khi tiếp xúc thông tin; nắm vững và chấp hành tốt các quy định về quyền thông tin, phạm vi thông tin theo quy định của Hiến pháp, Luật Tiếp cận thông tin và Luật An ninh mạng. Hiện nay, Trường Chính trị Tây Ninh đã thành lập tổ phản bác các thông tin sai trái, luận điệu xuyên tạc trên mạng xã hội, viên chức, đảng viên nhà trường đã tích cực tham gia viết bài tuyên truyền, bài viết phản bác để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan

điểm sai trái của các thế lực thù địch.

*Tóm lại,* công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, của cả hệ thống chính trị và đặc biệt là của mỗi cán bộ, đảng viên. Để thực hiện tốt những nhiệm vụ nêu trên cán bộ, đảng viên phải luôn tích cực, chủ động, phát huy tốt vai trò của mỗi cá nhân trong đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, ngăn chặn hiệu quả, giảm tác hại từ những âm mưu, chiêu trò, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm góp phần ổn định tư tưởng xã hội ■

## ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM XUYỀN TẠC BẢN CHẤT, GIÁ TRỊ KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch đặt trọng tâm là chống phá nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng tìm mọi cách để xuyên tạc, hạ thấp và phủ nhận những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống, tinh thần xã hội Việt Nam. Vì vậy, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là nhiệm vụ cơ bản lâu dài, vừa là nhiệm vụ cấp bách trong công tác tư tưởng, lý luận ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

**ThS. Hoàng Trọng Tâm**  
**GVKN Phòng QLĐT & NCKH**

**H**iện nay, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đang bị các thế lực thù địch xuyên tạc, bôi nhọ, chống phá từ nhiều phía. Điều này đặt ra vấn đề phải đưa ra những luận cứ để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh nhằm bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*1. Phản bác luận điệu cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ phù hợp với bối cảnh lịch sử - xã hội của châu Âu ở thế kỷ XIX; bởi theo họ, trong một chừng mực nhất định, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ phù hợp với trình độ, lực lượng sản xuất và văn hóa nước Nga, không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của thế kỷ XXI. Từ đó họ cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời.*

Chúng ta thừa nhận là thực tiễn hiện nay đã có nhiều đổi thay so với thời đại của C. Mác, Ph. Ăng ghen, V.I. Lênin (người sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin); bên cạnh đó, có một số luận điểm cụ thể của chủ nghĩa Mác - Lênin đã bị thực tiễn lịch sử vượt qua. Song, cho dù với sự phát triển của khoa học - công nghệ và trình độ nhận thức của con người, một số quan điểm lý luận cần phải nhận thức lại, thì linh hồn sống của chủ nghĩa Mác - Lênin với phương pháp biện chứng duy vật và duy vật lịch sử vẫn giữ nguyên bản chất cách mạng, khoa học.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là phát kiến vĩ đại vượt thời đại trong lịch sử

tư tưởng nhân loại. V.I. Lênin đã chỉ rõ, triết học Mác ra đời đã khắc phục được “hai cái quên” lớn nhất của lịch sử tư tưởng nhân loại: quên đi xuất phát là hiện thực khách quan của chủ nghĩa duy tâm và quên vai trò tích cực của chủ thể là con người của chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin tương ứng với ba bộ phận, ba nguồn gốc hình thành: Triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị tư sản Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Ngoài ra, chủ nghĩa Mác - Lênin còn chứa đựng nhiều tri thức khoa học thuộc nhiều ngành khác nhau: Lịch sử học, chính trị học, xã hội học, đạo đức học, văn hóa và khoa học dự báo... về quy luật vận động, phát triển của con người và xã hội loài người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin giúp nhân loại lựa chọn điều cần và phải đi con đường dẫn tới xã hội không có người bóc lột người, một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Trong cuốn sách Tại sao Mác đúng, Giáo sư Terry Eagleton (Trường Đại học Tổng hợp Lancaster Vương quốc Anh) đã khẳng định cách tiếp cận của C. Mác là cách xem xét tốt nhất đối với chủ nghĩa tư bản. Terry Eagleton cho rằng, những phê phán chủ nghĩa Mác - Lênin là “lạc hậu”, “không còn phù hợp” đó là những phê phán bộc lộ sự thiếu hiểu biết, non kém về lý luận, cách nhìn phiến diện, chộp mắt. Terry Eagleton khẳng định, từ khi ra đời và trong quá trình phát triển, chủ nghĩa Mác - Lênin luôn là sự phê phán quyết liệt nhất về mặt lý luận, phong phú nhất về mặt thực tiễn, không khoan nhượng nhất

về mặt chính trị đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa. Cho đến nay về cơ bản: chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn đúng.

*2. Phản bác luận điệu cho rằng “Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác đã lỗi thời”, vì theo họ “chủ nghĩa tư bản hiện đại đã thay đổi bản chất, không còn là chế độ bóc lột nữa”.*

Tất nhiên, những người chống đối chủ nghĩa Mác không đưa ra được cơ sở lý luận thật sự khoa học và thuyết phục. Bởi việc phát hiện ra Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác là dựa trên cơ sở học thuyết giá trị lao động, mà trực tiếp là việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa, là điều kiện không thể thiếu trong bất kỳ hình thái kinh tế - xã hội nào. Lao động trừu tượng là lao động của người sản xuất hàng hóa sẽ tạo ra giá trị của hàng hóa. Chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị của hàng hóa, tạo ra giá trị thặng dư.

Giá trị thặng dư là phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người lao động làm ra bị nhà tư bản chiếm đoạt. Giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Không có giá trị thặng dư thì không có chủ nghĩa tư bản.

C. Mác đã vạch rõ mục đích của nền sản xuất tư bản, vạch trần bản chất bóc lột của chế độ tư bản - thủ phạm cầm tù nhân dân lao động của giai cấp tư sản, kẻ chà đạp lên tự do, độc lập của các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Đây là nguồn gốc của mâu



thuần cơ bản trong xã hội tư bản.

Chừng nào còn chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, còn hàng hóa sức lao động, thì chừng đó Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác vẫn còn nguyên giá trị. Bởi vì, nhìn về mặt bản chất, chủ nghĩa tư bản hiện đại tuy có những điều chỉnh nhất định về hình thức sở hữu, về quản lý và phân phối... để thích nghi với điều kiện mới, nhưng sự thống trị của chủ nghĩa tư bản tư nhân vẫn tồn tại, thì bản chất bóc lột vẫn không thay đổi. Nhà nước tư bản - về cơ bản vẫn là bộ máy thống trị của giai cấp tư sản. Cho dù có một bộ phận công nhân có mức sống khá sung túc, song họ vẫn phải bán sức lao động và vẫn bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư với những hình thức bóc lột tinh vi hơn.

Phải nhìn nhận rõ, trong điều kiện hiện nay sản xuất giá trị thặng dư có những điểm mới, do áp dụng triệt để thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, nên khối lượng giá trị thặng dư tạo ra chủ yếu nhờ tăng năng suất lao động, chi phí lao động sống cho một đơn vị sản phẩm giảm nhanh; cơ cấu lao động xã hội có sự biến đổi lớn, hàm lượng chất xám chiếm khá cao trong giá trị sản phẩm; lao động trí tuệ tăng, ngày càng có vai trò quyết định trong việc sản xuất ra giá trị thặng dư. Chính vì vậy, tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư tăng lên rất nhiều.

Sự bóc lột của các nước tư bản phát triển trên phạm vi quốc tế ngày càng mở rộng dưới nhiều hình thức như: xuất khẩu tư bản và hàng hóa, trao đổi không ngang giá...nhằm bóc lột, bòn rút từ các nước kém phát triển, mang lại lợi nhuận siêu ngạch cho các nước tư bản. Sự cách biệt giàu và nghèo hiện nay càng tăng.

Dù có điều chỉnh đến đâu thì các mâu thuẫn cơ bản trong xã hội vẫn ngày càng trầm trọng, bởi nó thể hiện bản chất của chủ nghĩa tư bản, đó là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất tư hữu ngày càng tăng của chiếm hữu tư liệu sản xuất; mâu thuẫn giữa tư bản và lao động làm thuê, mâu thuẫn giữa các nước chậm phát triển và các nước tư bản

phát triển, mâu thuẫn trong nội bộ các nước tư bản với nhau...

Dù hình thức bóc lột có biến tướng, tinh vi đến mức nào đi chăng nữa thì bản chất bóc lột của tư bản đối với lao động vẫn là bóc lột giá trị thặng dư - tức là bóc lột lao động sống. Do vậy, Học thuyết giá trị thặng dư vẫn còn nguyên giá trị, chủ nghĩa tư bản vẫn giữ nguyên bản chất bóc lột của nó.

3. *Phản bác luận điệu xuyên tạc, phủ nhận lý luận về “hình thái kinh tế - xã hội” của C.Mác.*

Các học giả chống chủ nghĩa Mác cho rằng, lý luận về hình thái kinh tế - xã hội chỉ là một lý thuyết về “chủ nghĩa xã hội không tưởng”, không bao giờ thực hiện được; rằng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là “sai lầm”, đã “lỗi thời” vì thực tiễn đã thay đổi.

Tuy nhiên, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác dựa trên cơ sở các quan hệ kinh tế hiện thực; các mâu thuẫn hiện thực giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; mâu thuẫn giữa các giai cấp đối kháng nhau trong xã hội, trên cơ sở đó đã tìm ra quy luật vận động khách quan của lịch sử xã hội. Sự phát triển của lịch sử xã hội loài người đã minh chứng, sản xuất vật chất là phương thức tồn tại của xã hội loài người, không có sản xuất vật chất thì xã hội loài người không thể tồn tại, vận động và phát triển.

Lý luận hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác có phương pháp tiếp cận toàn diện về xã hội, từ quan hệ của con người đối với tự nhiên, quan hệ của con người đối với con người trong sản xuất vật chất đến các quan hệ xã hội, các quan điểm chính trị, triết học, pháp luật, đạo đức... Sự ra đời của xã hội mới từ trong lòng xã hội cũ là do sự vận động của sản xuất vật chất, của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, trên cơ sở đó kéo theo sự thay đổi các quan hệ xã hội, các thiết chế xã hội, đặc biệt là do sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất.

Rõ ràng, cách tiếp cận của C.Mác là biện chứng, khoa học, không thể phủ nhận một cách vô căn cứ.

4. *Phản bác luận điệu xuyên tạc những luận điểm của C.Mác về đấu tranh giai cấp, về cách mạng xã hội.*

Cùng với việc cố tình xuyên tạc và phủ nhận về lịch sử phát triển của xã hội loài người, các thế lực thù địch đã xuyên tạc những luận điểm của C.Mác về đấu tranh giai cấp, về cách mạng xã hội. Họ cho rằng, C.Mác đã “làm nghèo đi những hình thức tiên hóa của xã hội, khuyến khích thù hận, mâu thuẫn, đấu tranh giai cấp liên miên”. Dựa vào một số cải cách ở các nước tư bản, nhất là dựa vào các mô hình xã hội dân chủ ở Bắc Âu, họ cho rằng từ chủ nghĩa tư bản sẽ tiến sang chủ nghĩa xã hội không nhất thiết phải thông qua cách mạng xã hội mà cứ để cho nó phát triển tự nhiên, thông qua việc mở rộng dân chủ, đấu tranh nghị trường để nhân dân tự lựa chọn chế độ chính trị.

Dựa vào quan điểm về đấu tranh giai cấp, chúng tôi nhỏ chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề con người, các thế lực thù địch lớn tiếng rêu rao: “chủ nghĩa Mác - Lênin đã bỏ rơi con người”; “chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa tam vô” (Vô gia đình, Vô tổ quốc, Vô thần).

Họ đã cố tình bỏ qua hoặc cố tình lờ đi, khi vấn đề con người là một trong những phạm trù trung tâm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác luôn khẳng định “con người vừa là xuất phát điểm, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển”. Một trong những điểm khác nhau căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với các trào lưu tư tưởng khác, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin không có mục đích nào khác ngoài mục đích giải phóng triệt để con người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức. Con người ở đây không phải là một thiểu số có địa vị đặc biệt trong xã hội, mà là quần chúng nhân dân, là cộng đồng xã hội, vừa là mỗi cá nhân trong cộng đồng ấy.

Mục tiêu của chủ nghĩa Mác - Lênin là giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện, con người làm chủ đất nước, xã hội và bản thân. Với chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển kinh tế - xã hội cũng là vì con người, nhằm phục vụ con người.

5. *Phản bác luận điệu phủ nhận*

*mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; mượn danh nghĩa “phê phán”, nhằm xuyên tạc chủ nghĩa xã hội hiện thực, bác bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, công khai ca ngợi con đường tư bản chủ nghĩa.*

Họ xuyên tạc rằng “chủ nghĩa xã hội chỉ là ảo tưởng không bao giờ thực hiện được, bởi nó được dựng lên từ một “hệ thống triết học tư biện” chứ không phải từ “hiện thực khách quan”; rằng sẽ “không có một xã hội hoàn hảo như chủ nghĩa Mác - Lênin đặt ra”; “chủ nghĩa Mác là một giấc mơ về xã hội không tương”... Lợi dụng sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và ở các nước Đông Âu, họ phủ nhận những thành quả cách mạng của nhân dân các nước đó, để rồi “phán quyết” sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là một tất yếu. Từ đó vội vàng kết luận: “Chủ nghĩa xã hội chỉ là một lý thuyết của một học thuyết chưa được chứng thực, nếu có chỉ là sự thất bại và đổ vỡ”.

Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội dựa trên quan điểm của học thuyết Mác - Lênin không phải là “hệ thống lý luận tư biện” và càng không phải “phi hiện thực khách quan”, mà được hình thành từ cơ sở lý luận - thực tiễn trong tiến trình phát triển của lịch sử - xã hội loài người. Bởi vậy, học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội đã chỉ ra cơ sở và bản chất, quy luật vận động của sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ của nó, từ đó tìm ra các thuộc tính chung của sự vật, hiện tượng.

Cụ thể, học thuyết Mác ra đời dựa trên những điều kiện kinh tế - xã hội của Châu Âu, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, C.Mác, Ph.Ăngghen đã tìm ra được quy luật vận động của xã hội loài người. Một trong những cống hiến to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin là đã phát hiện ra sự thật lịch sử: “Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ”<sup>31</sup>. Đây chính là điểm xuất phát có tính nguyên tắc để nhận thức

và giải thích toàn bộ lịch sử nhân loại trên lập trường duy vật biện chứng.

Với điểm xuất phát đó, các nhà kinh điển đã từng bước tìm ra cấu trúc và quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người, rút ra những kết luận có tính tất yếu về sự ra đời, diệt vong, thay thế của những hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Cho đến nay, mặc dù hệ thống xã hội chủ nghĩa mô hình Xô viết đã tan rã, sụp đổ nhưng không ai có thể phủ nhận sự tồn tại khách quan và tính ưu việt của nó. Những thành tựu bước đầu trong công cuộc cải cách, đổi mới ở một số nước như: Trung Quốc, Việt Nam... đang chứng minh cho sức sống và giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác- Lênin.

*6. Phán bác luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ tiểu sử, thân thế sự nghiệp và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Cùng với việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, những người có thái độ thù địch với cách mạng Việt Nam còn đang cố tình bôi nhọ, xuyên tạc tiểu sử, thân thế sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, và “hạ bệ thần tượng Hồ Chí Minh”.

Họ cho rằng, “Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử, chỉ đưa đến tai họa”. Họ lý giải: “chủ nghĩa Mác - Lênin là tư tưởng ngoại lai, xa lạ với truyền thống dân tộc”; rằng lý luận Mác - Lênin chỉ giải quyết “vấn đề đấu tranh giai cấp”; “không thể áp đặt học thuyết Mác - Lênin vào Việt Nam”, nhất là trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang thực hiện “kinh tế thị trường”. Thâm độc hơn, một số người còn tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là một thủ đoạn hết sức tinh vi, vừa phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như chúng ta biết, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin trước hết từ học thuyết của V.I.Lênin “về cách mạng thuộc địa”. Người tiếp thu, bảo

vệ, phát triển học thuyết Mác - Lênin bằng những luận điểm mới.

Sớm nhận thấy khát vọng giải phóng của cả dân tộc và sức mạnh vĩ đại của chủ nghĩa yêu nước trong tất cả các tầng lớp nhân dân, Người kêu gọi cả dân tộc đứng lên “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, mà có thể và cần phải chủ động tiến hành trước cách mạng vô sản để giành thắng lợi. Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn rất to lớn của Hồ Chí Minh, đã được thực tế cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

Từ quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức và giải quyết thành công mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp ở Việt Nam. Người chỉ rõ, quyền lợi của bộ phận (giai cấp) phải phục tùng quyền lợi của tổng thể (dân tộc). Trong sự nghiệp giải phóng ở Việt Nam trước hết phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Vấn đề dân tộc độc lập được giải quyết, thì vấn đề giải phóng giai cấp đồng thời cũng được giải quyết.

Đối với cách mạng Việt Nam, phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, do Đảng Cộng sản lãnh đạo mới thành công, tiến tới làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm triệt để giải phóng con người. Đó là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong tiếp thu, vận dụng và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin vào một nước thuộc địa nửa phong kiến. Không giáo điều, máy móc khi vận dụng lý luận cách mạng.

Để thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, phải “phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại”, tạo nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu, con đường của cách mạng Việt Nam là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, bởi

<sup>31</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, t.13, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.15.



vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc và giải phóng triệt để con người. Độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là đất nước hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không phụ thuộc vào nước nào, cả về chính trị và về kinh tế, dân tộc tự quyết định con đường phát triển.

Đặc biệt, khi vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng Cộng sản, trên những nguyên lý cơ bản, Hồ Chí Minh đã đưa ra hệ thống quan điểm chỉ đạo về xây dựng một chính đảng mácxít ở một nước thuộc địa, giai cấp công nhân có số lượng ít, chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền mà chưa phải công nhân từ nền sản xuất công nghiệp hiện đại như ở phương Tây. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước - đó là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh.

Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh quán triệt, Đảng phải tự nâng mình lên hơn nữa sao cho ngang tầm với trí tuệ của thời đại; “Đảng là đạo đức, là văn minh”; mỗi đảng viên phải ra sức trau dồi đạo đức cách mạng, không ngừng

tăng cường mối liên hệ với nhân dân, đề xứng đáng “vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Từ quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng lực lượng cách mạng bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, xây dựng lực lượng toàn dân, nhằm phát huy vai trò và sức mạnh của toàn dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Người, Đảng ta thực hiện chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nòng cốt là liên minh công - nông - trí.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng, bổ sung và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đã được kiểm chứng trong thực tiễn, tuyệt nhiên không phải là “sự vay mượn, chấp vá”, hay “nhập khẩu cách mạng” như ý kiến của các thế lực thù địch đã xuyên tạc.

*Tóm lại*, trong giai đoạn hiện nay, cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận diễn ra hết sức phức tạp. Để làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, các âm mưu và thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của kẻ thù, tăng cường bảo vệ giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,

mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao trình độ lý luận chính trị, đề trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, xuyên tạc của kẻ địch. Đồng thời phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, tìm tòi nghiên cứu, phát hiện những vấn đề mới, góp phần bổ sung, phát triển lý luận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng hiện nay ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.15.
2. Terry Eagleton (Đình Xuân Hà – Phương Sơn dịch): Tại sao Mác đúng, Nxb. Chính trị - Hành chính, H.2012.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.596.

## PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2030

Vùng Đông Nam bộ là một trong những vùng kinh tế năng động, sáng tạo, đi đầu trong đổi mới, phát triển đất nước. Trong những năm qua, nhận thức đúng vị trí, vai trò, tiềm năng của mình, các địa phương trong vùng đã quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, không ngừng phát huy lợi thế nhiều mặt, tập trung thúc đẩy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế.

**ThS. Nguyễn Ngọc Ân**  
**GV Khoa Nhà nước và Pháp luật**

### 1. Chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông nam Bộ

Ngày 07/10/2022, Bộ Chính trị Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với nhiều điểm mới không chỉ thể hiện sự mạch lạc trong đổi mới tư duy, quan điểm, tầm nhìn mà bao gồm cả nội hàm, mục tiêu chiến lược nhằm giải phóng và tái phân bổ lại nguồn lực quốc gia thông qua các cơ chế, chính sách để vùng Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ phát triển kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước.

Trong năm 2022, lần đầu tiên Bộ Chính trị ban hành 6 nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 6 vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gồm vùng trung du, miền núi Bắc bộ; vùng đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Nam Trung bộ; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long). Riêng Nghị quyết số 24 về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đã tổ chức hội nghị triển khai trong phạm vi cả nước vào ngày 23/10/2022, và trong phát biểu khai mạc, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Vùng Đông Nam bộ có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước.

Ngày 23/11/2022 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 154/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt,



Ảnh minh họa từ internet

hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vùng Đông Nam Bộ về tầm quan trọng của việc triển khai và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị. nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong vùng nói riêng và của vùng Đông Nam Bộ nói chung, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

Đồng thời, Nghị quyết cũng phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong vùng Đông Nam Bộ và đảm bảo tính khả thi. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của các địa phương trong vùng.

### 2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ

#### \* Một số thành tựu đạt được

Vùng Đông Nam Bộ bao gồm TP. Hồ Chí Minh và 5 tỉnh lân cận Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh. Đây là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước. Vùng Đông Nam Bộ đóng vai trò quan trọng trong giao thương với cả nước và quốc tế thông qua mạng lưới giao thông và cảng biển của vùng. Với diện tích chiếm 9% và dân số chiếm 20% nhưng vùng Đông Nam bộ đã đóng góp hơn 30% GDP, khoảng 45% tổng thu ngân sách nhà nước và hơn 32% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Sự liên kết, hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh, thành phố ngày càng được tăng cường và có nhiều điểm sáng đáng ghi nhận.

Cụ thể, những năm qua cùng với sự phát triển của cả nước, kinh tế-xã hội của Vùng cũng đã có sự phát triển mạnh. Năm 2020, quy mô tổng sản phẩm toàn vùng (GRDP) theo giá hiện hành gấp 4,9 lần so với năm 2005 và 2,6 lần so với năm 2010, vượt mục tiêu đề ra; đóng góp 32% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), 44,7% tổng thu ngân sách nhà nước.



GRDP bình quân đầu người năm 2020 cao nhất cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng cao; tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt mức cao nhất cả nước.

Đây cũng là vùng có khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh, năng động với số lượng doanh nghiệp đứng đầu cả nước; là địa bàn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất, chiếm 41,1% tổng vốn FDI. Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của vùng và cả nước. Tỉ lệ đô thị hoá của vùng đạt 67%, diện mạo đô thị ngày càng hiện đại; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 79,5%, đứng thứ hai trong các vùng của cả nước.

Không chỉ phát triển mạnh trong kinh tế, lĩnh vực văn hoá-xã hội của vùng cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều giá trị di sản văn hoá được bảo tồn, phát huy. Công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ với nhiều kết quả tốt; việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, đổi mới giáo dục và đào tạo đạt nhiều kết quả tích cực; tỉ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên. Tỉ lệ lao động qua đào tạo cao nhất cả nước. Lĩnh vực y tế chuyên sâu có những thành tựu ngang tầm khu vực và thế giới. Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm...

### \* Một số vấn đề hạn chế

Mặc dù vậy, sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ vẫn còn những hạn chế và đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Cụ thể: phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; một số chỉ tiêu quan trọng chưa đạt như đề ra. Tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại và thấp hơn cả nước; đóng góp vào tổng thu ngân sách nhà nước giảm, tốc độ tăng năng suất lao động thấp, công tác quy hoạch và triển khai thực hiện các quy hoạch còn chậm. Mạng lưới kết cấu hạ tầng cấp vùng, liên vùng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối nội vùng và liên vùng còn thiếu, yếu, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến sự phát triển và sức lan toả của vùng.

Đông Nam Bộ đóng vai trò quan trọng trong giao thương với cả nước và quốc tế thông qua mạng lưới giao thông và cảng biển. Tuy nhiên, hạ tầng giao thông chưa phát triển đồng bộ, dẫn đến chuỗi cung ứng nội vùng và ngoại vùng bị quá tải,

giảm tính kết nối. Bên cạnh đó, tỷ lệ đô thị hóa cao với phần lớn lao động nhập cư đang đặt ra rất nhiều thách thức về cơ sở hạ tầng trong bối cảnh thiếu hụt nguồn vốn đầu tư công. Quy hoạch đến năm 2030, vùng Đông Nam Bộ có 970 km cao tốc nhưng hiện tại mới đưa vào khai thác thực tế chỉ hơn 10% so với quy hoạch. Nguyên nhân chính là sự thiếu hụt nguồn vốn đầu tư công và khó khăn trong quá trình triển khai giải phóng mặt bằng. Điển hình, TP Hồ Chí Minh có vị trí trung tâm kết nối vùng nhưng giai đoạn 2016 - 2020, Thành phố cần khoảng 373 nghìn tỷ đồng cho 172 công trình giao thông trọng điểm nhưng vốn ngân sách chỉ đáp ứng 27%.

Dù có vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế của đất nước nhưng trình độ công nghệ của các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ còn thấp. Kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của vùng, chưa trở thành động lực thúc đẩy kinh tế vùng Đông Nam Bộ phát triển bền vững trong dài hạn.

Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo mặc dù đã được đẩy mạnh song chưa có đóng góp nhiều vào đổi mới mô hình tăng trưởng; chưa làm chủ được công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn trong những ngành chủ lực. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp; công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm; phân bố khu chế xuất, khu công nghiệp chưa hợp lý.

Các tỉnh chưa có chiến lược, quy hoạch hoặc kế hoạch chung trong hợp tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Mỗi tỉnh làm khoa học công nghệ độc lập với mục tiêu và kế hoạch riêng dẫn tới phân tán nguồn lực vốn đã rất mỏng. Vùng có khoảng 80 trường đại học, 70 trường cao đẳng nhưng các cơ sở này chưa gắn hoạt động khoa học công nghệ để giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội của vùng.

Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Tình trạng quá tải ở các trường học, cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở khám, chữa bệnh công lập chậm được khắc phục; năng lực y tế dự phòng và y tế cơ sở còn yếu, chưa đáp ứng các tình huống dịch bệnh bất thường.

Vùng có tỷ lệ đô thị hóa cao 67%, đặc biệt siêu đô thị như: TP Hồ Chí Minh cùng với các địa phương như: Bình Dương, Đồng Nai đang thu hút hơn 40% lao động nhập cư nên phải đối diện với nhiều thách thức về cơ sở hạ tầng đô thị và cơ sở hạ tầng xã hội. Phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước, không khí, rác thải chậm được cải thiện. Khoảng cách giàu - nghèo chậm được thu hẹp. Liên kết nội vùng và liên vùng chưa hiệu quả. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp...

### 3. Mục tiêu cụ thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ

Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu phấn đấu một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 8 - 8,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 380 triệu đồng, tương đương 14.500 USD; tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm 41,7% trong GRDP, khu vực công nghiệp và xây dựng 45,3% (riêng công nghiệp chế biến chế tạo 33%), khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,3%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp 10,7%; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30 - 35%; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 70 - 75%; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 7%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 56%.

Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 40- 45%; tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%; đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 19,6%; tỷ lệ cư dân đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 100%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của nông thôn là 95%; đạt 100% tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi

trường; đạt 95% tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; đạt 98% tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### **4. Các nhóm giải pháp cụ thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ**

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Nghị quyết đưa ra một số giải pháp và yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị.

*Hai là*, phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng: Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm. Đi đầu trong phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, các ngành dịch vụ cao cấp, chất lượng cao. Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

*Ba là*, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng: Tạo sự thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về yêu cầu cấp bách - phải đẩy mạnh hợp tác, liên kết nội vùng, liên vùng, tạo không gian kinh tế thống

nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng.

*Bốn là*, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị: Phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Chủ động, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, sinh học, tự động hoá, vật liệu mới. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học - công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành.

*Năm là*, phát triển văn hóa xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đầu tư thích đáng cho phát triển văn hóa, thể dục, thể thao, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao mang tầm khu vực và quốc tế; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, tôn giáo.

*Sáu là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại: Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại kết hợp với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới; phát huy tối

đa vị thế, lợi thế về vị trí địa lý chính trị trong công tác đối ngoại để đẩy mạnh và không ngừng nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển kinh tế-xã hội và giao lưu quốc tế với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, các nước ASEAN.

*Bảy là*, tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ thực sự trong sạch, vững mạnh.

Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ ban hành ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chính là là cơ sở đưa Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, bền vững trong tương lai. Tuy nhiên, để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả, cần nghiên cứu, đề xuất và xây dựng chính sách, giải pháp chiến lược phù hợp ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
2. Nghị quyết số 24-NQ/TW Ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
3. Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



## NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW, NGÀY 7/10/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Ngày 7/10/2022, Bộ Chính trị đã ký ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 27-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây là Nghị quyết quan trọng, là căn cứ để các địa phương triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; là điều kiện cần để các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp nhằm đạt được mục tiêu mà Nghị quyết đề ra.

**ThS. Võ Thị Thu Thảo**  
**GV Khoa Nhà nước và Pháp luật**

Nghị quyết đề ra mục tiêu đến năm 2030: Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước; trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực. Đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại. Cơ bản hoàn thành hệ thống giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và khu vực; đầu mối giao thương, hội nhập khu vực và thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế phát triển đứng đầu cả nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ nét và dẫn đầu cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh phải là thành phố văn minh, hiện đại, năng động sáng tạo, là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đến sinh sống và làm việc; trung tâm tài chính quốc tế, phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực Châu Á, đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng; nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới.

Tầm nhìn đến năm 2045: Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển, có tiềm lực kinh tế mạnh, cơ cấu kinh tế hiện đại;

trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế thuộc nhóm đầu của khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh; có chất lượng cuộc sống cao, có trình độ y tế, giáo dục thuộc nhóm dẫn đầu Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng; nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trí thức trẻ đến sinh sống và làm việc; nơi tập trung các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường, củng cố vững chắc.

Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

**Một là, phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng**

Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm. Đi đầu trong phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ cao cấp, chất lượng cao. Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh một số ngành công

nghiệp: Cơ khí chế tạo, hoá dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hoá dầu, chế biến sản phẩm từ dầu, hoá chất. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: Điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô-bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp hoá phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, vắc xin, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp môi trường và các ngành công nghiệp hỗ trợ;

Tăng cường kết nối các khu công nghiệp, khu chế xuất để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp. Tập trung thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu. Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường; chuyển dịch nhanh những lĩnh vực công nghiệp, sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, ít hàm lượng giá trị gia tăng sang sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có hàm lượng giá trị gia tăng cao;

Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu

quốc tế. Phát triển dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; công nghệ thông tin - viễn thông; khoa học - công nghệ; du lịch; logistics... Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics cấp quốc gia, quốc tế gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các trục hành lang kinh tế trọng điểm và tuyến thương mại liên vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai), thị xã Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), tỉnh Tây Ninh. Tập trung xây dựng trung tâm logistics hàng không gắn với cảng hàng không quốc tế Long Thành, đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng và cảng trung chuyển quốc tế tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế tại các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hình thành trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững, áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; sản xuất theo chuỗi từ khâu nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, gắn với phát triển công nghiệp, du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học. Đổi mới phương thức quản trị, tăng cường liên kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có. Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng đặc dụng. Tăng cường bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát;

Phát triển mạnh kinh tế biển, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí và du lịch biển. Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, bao gồm cả cảng biển du lịch và các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao, các dịch vụ vui chơi giải

trí chất lượng cao. Tiểu vùng trung tâm gồm Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương và Tây Nam tỉnh Đồng Nai là trung tâm phát triển của toàn vùng; nổi bật với các thế mạnh về công nghiệp công nghệ cao và chuyên sâu, dịch vụ chất lượng cao, giáo dục - đào tạo, y tế và đầu mối giao thương với quốc tế. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, tập trung chuyên nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế. Tiểu vùng ven biển gồm khu vực Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là khu vực phát triển mạnh các ngành kinh tế biển: Cảng biển, logistics, khai thác dầu khí, hoá dầu, du lịch biển, đảo, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ. Phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế. Tiểu vùng phía Bắc gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và khu vực phía Bắc của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương là khu phát triển kinh tế cửa khẩu, kho vận, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của vùng; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng cây công nghiệp, có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học.

### ***Hai là, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng***

Tạo sự thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về yêu cầu cấp bách phải đẩy mạnh hợp tác, liên kết nội vùng, liên vùng, tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng; Nghiên cứu xây dựng, thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ. Tham gia tích cực các hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác, nhằm thu hút nguồn lực vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển của vùng;

Thực hiện thí điểm phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế

của vùng. Thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế. Dành phần thích đáng ngân sách nhà nước cùng với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm, có sức lan toả, làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất hình thành từ hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển; Phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong vùng đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố, đặc biệt là các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không để phát huy tính chủ động của các địa phương trong huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; Xây dựng quy hoạch vùng và địa phương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững;

Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, cạnh tranh vượt trội, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án; nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, hành chính, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

### ***Ba là, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị***

Phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Chủ động, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, sinh học, tự động hoá, vật liệu mới. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học - công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; Hình thành trung tâm nghiên cứu đạt tiêu chuẩn quốc tế ở một số trường đại học; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học - công nghệ hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng



vào thực tiễn. Có cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, từng bước nắm bắt và làm chủ công nghệ, phát triển các sản phẩm chủ lực. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin; hình thành và đẩy mạnh phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh; xây dựng hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin. Kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh với các trung tâm ứng dụng và chuyên gia tiên bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương trong vùng và cả nước;

Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải theo quy hoạch, trong đó tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, đặc biệt là cảng hàng không đầu mối của khu vực, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chú trọng kết nối các trung tâm đầu mối với hành lang vận tải thủy chính của vùng; nâng cao năng lực của hệ thống cảng biển; quan tâm phát triển giao thông đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển. Tập trung xử lý căn bản ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục, nhất là tắc nghẽn giao thông, ngập úng ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Đến năm 2026 hoàn thành đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Phấn đấu đến năm 2030: Hoàn thành đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình giao thông theo quy hoạch đã được duyệt như Biên Hoà - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

- Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành, Dầu Giây - Liên Khương, Gò Dầu - Xa Mát, Chơn Thành - Đức Hoà, Chơn Thành - Gia Nghĩa; nâng cấp, mở rộng hệ thống cao tốc quốc lộ: Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, tuyến kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Quốc lộ 20B). Đầu tư hoàn thiện hệ thống đường ven biển qua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy nhanh, hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt vận tải hàng hoá Biên Hoà - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải; Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa; hình thành các cụm cảng phục vụ nhu cầu thu gom, giải toả hàng hoá cho các cảng biển lớn trong vùng; tiếp tục phát triển, hiện đại hoá Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn, có tầm cỡ khu vực Châu Á và quốc tế; xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành di dời các cảng trên sông Sài Gòn, phát triển hệ thống cảng cạn theo quy hoạch; đưa vào khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn I; đầu tư mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo; sớm khôi phục, nâng cấp cảng hàng không Biên Hoà - Vũng Tàu thành lưỡng dụng cấp 4E.

Nâng cao chất lượng đô thị, bảo đảm hiện đại, thông minh, kết nối với các đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới; thực hiện đồng bộ các chính sách giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; thực hiện hiệu quả mô hình thành phố trực thuộc thành phố; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực. Nghiên cứu chuyển đổi chức năng các khu công nghiệp, khu chế xuất khi hết thời hạn sử dụng đất, không phù hợp với quy hoạch. Tập trung xây dựng nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp và lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến cao tốc của vùng. Phát triển chuỗi công

nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế Xuyên Á. Hạn chế tăng thêm khu công nghiệp tại các khu vực đô thị trung tâm của vùng. Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại thành phố mới Phú Mỹ, thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành và Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương.

Bốn là, phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá - xã hội tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đầu tư thích đáng cho phát triển văn hoá, thể dục, thể thao, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch và phát triển các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao mang tầm khu vực và quốc tế; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, tôn giáo;

Tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ. Đi đầu trong thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, đặc biệt là thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục đại học; phát triển Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Việt - Đức và một số trường đại học lớn theo hướng trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu Châu Á; Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường. Có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong vùng. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh; các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia;

Tăng cường chăm sóc sức khoẻ nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, mở rộng tỉ

lệ bao phủ bảo hiểm y tế. Quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường đầu tư phát triển các bệnh viện tuyến Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bệnh viện đa khoa cấp vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh trong và ngoài nước. Phát triển bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế;

Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt chuẩn môi trường gắn với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Năm là, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại kết hợp với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; Giữ vững an ninh chính trị, trật tự,

an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình”; phòng ngừa, vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hữu nghị. Xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới; hải đội dân quân thường trực. Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ theo quy hoạch; hoàn thành đường tuần tra biên giới; phối hợp với Cam-pu-chia thực hiện phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền, tiếp giáp với vùng;

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của vùng trong tình hình mới. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, bảo đảm ổn định an ninh chính trị, xây dựng xã hội trật tự kỷ cương, an toàn, lành mạnh, phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại; Phát huy tối đa vị thế, lợi thế về vị trí địa chính trị trong công tác đối ngoại, để đẩy mạnh và không ngừng nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu quốc tế với các nước trên thế giới, nhất là các nước trong tiểu vùng sông Mê Công, các nước ASEAN; chủ động triển khai, mở rộng các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

Sáu là, tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại

hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ thực sự trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên;

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị quyết số 24 – NQ/TW, ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



## PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG TRONG HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

Hệ giá trị văn hóa của Việt Nam được hình thành cùng với lịch sử đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc, được hình thành hàng ngàn năm bao gồm những giá trị cốt lõi, tiêu biểu nhất như dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học. Trong hệ giá trị này, giá trị văn hóa gia đình cũng đã phản ánh những giá trị cốt lõi chung của văn hóa dân tộc, song cũng có những giá trị riêng biệt. Giá trị văn hóa gia đình Việt Nam là những giá trị giàu tính nhân văn, đề cao giá trị đạo đức, xây dựng nếp sống văn hóa trật tự, kỷ cương, hun đúc tâm hồn, bản lĩnh cho con người Việt Nam. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, xây dựng, bảo tồn và phát huy hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị văn hóa gia đình Việt Nam thật cần thiết, có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn tới.

**ThS. Mai Tuấn Kiệt**  
**PTK - Khoa Nhà nước và pháp luật**

### 1- Giá trị văn hóa gia đình truyền thống của Việt Nam

Giá trị văn hóa gia đình truyền thống là hệ thống những giá trị, chuẩn mực đặc thù điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, phản ánh bản chất của các hình thái gia đình đặc trưng cho các cộng đồng, các tộc người, các dân tộc và các khu vực khác nhau được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội. Giá trị văn hóa gia đình được hình thành trong điều kiện lịch sử - kinh tế - xã hội cụ thể, giá trị văn hóa gia đình chịu không ít ảnh hưởng và bị chi phối bởi nhiều yếu tố thuộc cả về khách quan lẫn chủ quan của con người. Xây dựng giá trị văn hóa gia đình là điều kiện để phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

Giá trị văn hóa gia đình truyền thống của Việt Nam hình thành và bảo tồn các giá trị truyền thống của các thành viên, thể hiện ứng xử của các thành viên trong gia đình như: tôn trọng nguồn cội, tín ngưỡng tổ tiên, sống thủy chung, nhân nghĩa, hiếu thảo, ứng xử tình cảm theo trật tự trong gia đình, giáo dục hình thành nhân cách con người. Những giá trị này có thể khái quát như sau:

- **Giá trị về sự hiếu thảo**, tôn kính cha mẹ, tín ngưỡng tổ tiên: Truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” luôn là giá trị thể hiện sự hiếu thảo của con cái đối với bậc sinh thành. Trong văn hóa gia đình người Việt, đạo Hiếu luôn được coi trọng là chuẩn mực đánh giá đạo đức và nhân cách con người. Đối với con cái phải luôn có thái độ kính



Ảnh minh họa từ internet

trọng, vâng lời, rèn luyện đạo đức, tu thân lập nghiệp, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ báo hiếu và đền đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục. Việc phụng dưỡng, chăm sóc ông, bà, cha, mẹ là truyền thống trong gia đình, thể hiện đạo làm con mà được ông cha ta đúc kết qua câu ca dao:

“Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn  
chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”

Đạo hiếu trong gia đình thể hiện cả khi ông bà, cha mẹ còn sống và cả khi “khuất núi”. Người Việt theo chế độ phụ quyền, phụ hệ nên coi trọng việc thờ cúng tổ tiên theo dòng cha. Tổ tiên trong quan niệm của người Việt trước hết là các bậc ông bà, cha mẹ đã khuất. Mục đích của thờ cúng là để biết ơn công lao tổ tiên, tưởng nhớ ông bà, cha mẹ và cầu mong được tổ tiên phù hộ cho con cháu gặp nhiều điều

tốt lành, may mắn trong cuộc sống.

- **Giá trị về sự thủy chung giữa vợ và chồng**: Tình nghĩa vợ chồng là một giá trị đạo đức rất cao đẹp có truyền thống của người Việt. Việc tôn trọng tình nghĩa vợ chồng là cơ sở hình thành những chuẩn mực văn hóa gia đình như sự hòa thuận, sự thủy chung, giúp cho gia đình vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, thể hiện qua ca dao Việt Nam “Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”. Việc tôn trọng tình nghĩa vợ chồng là cơ sở hình thành những chuẩn mực văn hóa gia đình như sự hòa thuận, sự thủy chung, giúp cho các gia đình vượt qua mọi trở ngại, sóng gió trong đời sống hôn nhân gia đình. Giá trị của hôn nhân gia đình được xây dựng trên nền tảng đạo lý thủy chung, tình nghĩa và lối ứng xử giữa vợ chồng giúp cho đời sống gia đình hạnh phúc. fi

- **Giá trị về sự bình đẳng trong gia đình**: Gia đình người Việt ảnh

hưởng theo tư tưởng của Nho giáo, vì vậy gia đình luôn đề cao vai trò của người đàn ông. Quan niệm “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” càng thể hiện vị trí của nam giới trong gia đình người Việt. Ngày nay, sự bình đẳng giữa nam và nữ là một giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam. Gia đình Việt Nam đang tiến tới thực hiện luật Bình đẳng giới, trong đó qui định về quyền và nghĩa vụ của của các thành viên trong gia đình, đặc biệt giữa nam giới và nữ giới. Xu hướng bình đẳng trong ứng xử vợ chồng được nhìn thấy rõ nhất qua việc vai trò của người vợ ngày một được đề cao. Người phụ nữ trong gia đình được pháp luật bảo hộ và có tiếng nói, có quyền quyết định đối với công việc quan trọng của gia đình. Cùng với cha mẹ, các anh chị em trong nhà cũng là chỗ dựa tinh thần lớn lao. Khi còn bé, mỗi người đều được các anh các chị lớn chăm bẵm, nâng niu; khi lớn lên, có các anh chị cùng chia sẻ miếng ngon - miếng nhạt, gánh vác các công việc nặng - nhẹ trong gia đình. Anh chị em quần quýt bên nhau, động viên nhau những khi gặp thuận lợi cũng như khó khăn trong cuộc sống. Văn hóa gia đình đề cao giá trị “kính trên nhường dưới”, hòa thuận thương yêu nhau, bởi:

*“Anh em như thể chân tay*

*Như gốc với rễ như cây với cành*

*Anh thời phải đạo thuận anh*

*Em thời hiếu để mới đành đạo em”*

Cha mẹ có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với con cái, đặc biệt trong xã hội ngày nay, quyền trẻ em được pháp luật coi trọng và thể hiện tình yêu thương vô điều kiện của cha mẹ dành cho con cái. Con cái đều được đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa con trai và con gái, điều này thể hiện quyền bình đẳng giới trong gia đình. Đây cũng là một trong những tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc và sống có trách nhiệm với con cái.

**- Giá trị về việc giáo dục đạo đức hình thành nhân cách con người:** Gia đình là môi trường quan trọng bậc nhất của việc giáo dục hình thành nhân cách con người, là nơi bảo tồn và phát huy tốt nhất hệ giá trị truyền thống dân tộc. Việc giáo dục các giá trị đạo đức đóng vai trò quan trọng đến việc hình thành nhân cách của trẻ em. Đây là giá trị căn bản bao trùm

mối quan hệ các thành viên trong gia đình. Gia đình có hạnh phúc ấm êm hay không phụ thuộc vào tất cả sự nỗ lực của các thành viên, nhưng phần lớn do giáo dục mà nên. Bằng cách này hay cách khác thì đích cuối cùng hướng tới là giáo dục làm người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Giá trị và chuẩn mực văn hóa gia đình là chỗ dựa để đánh giá hành vi đạo đức của mỗi thành viên và trở thành nền tảng cho sự cố kết các thành viên trong gia đình với nhau.

Văn hóa gia đình là một bộ phận hợp thành nền văn hóa Việt Nam, giá trị văn hóa gia đình truyền thống là những giá trị trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Những chuẩn giá trị này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách, chuẩn giá trị con người văn hóa Việt Nam trong xu thế hội nhập.

## **2- Nhận thức của Đảng về xây dựng hệ giá trị văn hóa và giá trị văn hóa gia đình truyền thống**

Ngay từ khi thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xác định mục tiêu lý tưởng xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là giá trị cơ bản, bao trùm để định hướng, dẫn dắt các hoạt động của cách mạng Việt Nam gắn liền hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi thời kỳ cách mạng.

Những định hướng về xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam được chốt lại, đúc kết trong các văn kiện của Đảng từ khóa VI đến khóa XIII; được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 16/7/1998, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (1998) là một nghị quyết có tầm chiến lược về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Nghị quyết đã

xác định phương hướng, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là cơ sở chính trị, pháp lý để toàn bộ hệ thống chính trị tham gia vào xây dựng đời sống văn hóa, hình thành các giá trị văn hóa và chuẩn mực văn hóa mới. Nghị quyết đã nhấn mạnh yêu cầu: bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống toàn xã hội và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiên bộ, văn minh là một quá trình cách mạng đầy khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian. Trong công tác đó, xây đi đôi với chống; lấy xây làm chính. Cùng với việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp nên những giá trị mới, phải tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư, tật xấu, nâng cao tinh chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện diễn biến hòa bình. Về xây dựng giá trị văn hóa gia đình truyền thống, Nghị quyết đã xác định: “phải gìn giữ và phát huy đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. Coi trọng xây dựng gia đình văn hóa. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội...”

Nghị quyết số 33 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Đảng ta đã xác định một trong những mục tiêu quan trọng đầu tiên phải thực hiện là: hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước. Định hướng về xây dựng giá trị văn hóa gia đình, Nghị quyết đã nêu: “*Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi*



trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách”. Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cần được tập trung là “Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau...”.

Trong Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã nêu lên các giá trị cơ bản của Văn hóa Việt Nam là “*nhân văn, dân chủ, tiến bộ*”; giá trị gia đình Việt Nam là “*no ấm, tiến bộ, hạnh phúc*”; chuẩn mực của con người Việt Nam là “*giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, tình nghĩa, có tinh thần quốc tế chân chính*”. Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh: “*Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội*”

Kế thừa và phát triển các quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng qua các kỳ Đại hội và các Hội nghị Trung ương về lĩnh vực văn hóa trước đây, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu: tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Đảng tiếp tục khẳng định: “*Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới*”.

Ngày 24/6/2021, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Chỉ thị 06 nêu rõ: “*Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân*

*tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước*”.

Quá trình nhận thức về xây dựng hệ giá trị văn hóa của Người Việt Nam và giá trị văn hóa truyền thống đã được Đảng ta nêu ra từ Đại hội VI và liên tục được khẳng định, tiếp nối, bổ sung và hoàn thiện từng bước. Đến Đại hội XIII, Đảng ta nâng lên một nấc thang mới là xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Hệ giá trị quốc gia là hệ giá trị tổng quát, bao trùm, chi phối mọi lĩnh vực, mọi hoạt động khác nhau của đời sống xã hội, của quốc gia. Giá trị văn hóa bao quát các giá trị liên quan đến khát vọng chấn hưng văn hóa dân tộc vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc. Chuẩn mực con người Việt Nam là cụ thể hóa các giá trị quốc gia và giá trị văn hóa để làm thước đo, khuôn mẫu cho mỗi người dân Việt Nam phấn đấu và thực hành. Hệ giá trị gia đình là đơn vị cơ bản của hệ giá trị văn hóa, nó bảo đảm cho hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị quốc gia được phát triển vững chắc và là môi trường thuận lợi để con người thực hành các chuẩn mực văn hóa.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện thật tốt là: “*Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị, chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Ám no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ*

*giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc*”.

Tại Hội thảo khoa học “*Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*” được tổ chức ngày 29/11/2022, đã xác định về hệ giá trị con người Việt Nam, cần xây dựng gồm 8 giá trị chủ yếu là: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Hệ giá trị gia đình gồm 4 giá trị cốt lõi: *ám no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh*. Hệ giá trị văn hóa gồm 4 giá trị: *dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học*.

Như vậy, hệ giá trị văn hóa đã được Đảng ta xác định có vai trò vô cùng quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế mà Đảng ta đã đề ra hết sức cần thiết, có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn tới.

### **3- Phát huy các giá trị văn hóa gia đình truyền thống trong giai đoạn hiện nay**

Trong bối cảnh xã hội đương đại với sự gia tăng của toàn cầu hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, hệ giá trị văn hóa và giá trị văn hóa gia đình truyền thống ở Việt Nam ngày càng trở nên phức tạp với sự cùng tồn tại của hệ giá trị truyền thống, hệ giá trị mới. Vì vậy việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa gia đình truyền thống trong giai đoạn hiện nay cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

**Một là, tiếp tục quán triệt, tuyên truyền những định hướng của Đảng ta về xây dựng giá trị văn hóa, giá trị văn hóa gia đình.** Các cấp ủy Đảng, cơ quan Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan nghiên cứu lý luận, các phương tiện truyền thông đại chúng, các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật từ trung

ương đến địa phương cần quán triệt, tuyên truyền sâu sắc và toàn diện hơn nữa những nội dung về xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế theo định hướng của Đảng ta.

**Hai là, tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của gia đình.** Các thành viên trong gia đình, nhất là thế hệ ông bà, cha mẹ phải chú trọng giá trị nhân văn, giáo dục nhân cách đạo đức cho các thành viên trong gia đình. Bởi giá trị nhân văn là những tình cảm, biểu hiện tốt đẹp giữa con người với con người. Trong gia đình, giá trị nhân văn, đạo đức biểu hiện ở lòng hiếu thảo, sự kính trọng ông bà, tổ tiên của con cháu; sự nhường nhịn, đức hy sinh của ông bà, cha mẹ...; ngoài xã hội là lòng yêu quê hương, đất nước, cộng đồng, làng xóm, lòng tự hào dân tộc, là tình đoàn kết, ý thức xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp, văn minh.

**Ba là, phát huy giá trị văn hóa gia đình thông qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gia đình”.** Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa ở địa phương không chỉ về số lượng mà chất lượng của gia đình văn hóa. Đẩy mạnh hoạt động của phong trào, trong đó cần quan

tâm cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, ấp, khu phố văn hóa. Trên cơ sở 03 tiêu chuẩn của danh hiệu gia đình văn hóa: gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú; gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng cần phát huy, bổ sung và hoàn thiện để chất lượng các danh hiệu công nhận ngày càng phù hợp với tình hình thực tế.

**Bốn là, các địa phương thực hiện tốt việc nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay tạo sự lan tỏa các giá trị văn hóa gia đình.** Thông qua các câu lạc bộ như câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững; câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình; câu lạc bộ tư vấn hôn nhân gia đình; câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế nâng cao chất lượng cuộc sống... Vận động các gia đình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện các quy ước, quy chế ở cơ sở nhằm phát huy thuần phong mỹ tục, xây dựng gia đình văn hóa.

**Năm là, trong giai đoạn hiện nay Đảng ta cần định hướng xây dựng chuẩn giá trị về con người văn hóa Việt Nam.** Hiện nay trong các Nghị quyết của Đảng còn mang định hướng chung, chỉ đưa ra những quan điểm, mục tiêu định hướng như phát triển

văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Có thể những chuẩn giá trị của con người văn hóa trong hệ giá trị văn hóa của Việt Nam được định hướng cụ thể trong một Nghị quyết chuyên biệt của Đảng ta.

*Tóm lại, xây dựng, định hướng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam nói chung và giá trị văn hóa gia đình truyền thống trong giai đoạn cách mạng hiện nay là một chiến lược vô cùng quan trọng của Đảng ta. Và trong chiến lược lớn đó, xây dựng văn hóa gia đình là khâu then chốt bởi gia đình là biểu hiện tập trung của một xã hội, và ngược lại, xã hội đáp ứng nhu cầu, lợi ích của con người, góp phần vào sự tồn tại và phát triển hoàn thiện nhân cách con người, qua đó phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời là cơ sở để thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đóng góp tích cực trong việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ■*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Văn kiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
- 2- Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 16/7/1998, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.
- 3- Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- 4- Sách “Nhận diện bản sắc văn hóa và truyền thống gia đình tỉnh Tây Ninh” Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2022



## TÂY NINH ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2023-2030 THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

Trên cơ sở quán triệt quan điểm, nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, ngày 31/3/2023 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2030.

**ThS. Trần Thị Bé Nhi**  
**GVKN Phòng TC, HC, TT, TL**

**T**hực hiện sự lãnh đạo và đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Đặc biệt là khoa học và công nghệ từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được tăng cường, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đóng góp tích cực hơn trong nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm ...<sup>33</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định quan điểm chỉ đạo để thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong đó cần “ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”<sup>34</sup>. Đặc biệt, định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 cũng xác định phải “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo”<sup>35</sup>.

Quán triệt quan điểm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI cũng xác định nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2020 – 2025, trong đó có nhiệm vụ khoa học và công nghệ là: “hoạt động khoa học – công nghệ gắn với đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công



**Tây Ninh tôn vinh 35 trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu năm 2023**

nghiệp lần thứ tư. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, phát huy mạnh mẽ sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong cán bộ, đảng viên, công nhân, đội ngũ trí thức và Nhân dân”<sup>36</sup>.

Trên cơ sở quán triệt quan điểm, nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, ngày 31/3/2023 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2030.

Nội dung Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 31/3/2023 của Ban vụ Tỉnh ủy đã nhìn nhận lại những kết quả đạt

được của tỉnh trong đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Nhìn chung, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có những đóng góp nhất định vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; các dự án nâng cao tiềm lực về khoa học và công nghệ được triển khai; công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ vào công tác quản lý, điều hành, dịch vụ công trực tuyến góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước, tạo tiền đề tiến tới hình thành chính quyền điện tử, chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế như: hoạt động khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển của tỉnh,

<sup>33</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tập 1, trang 63.

<sup>34</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tập 1, trang 110.

<sup>35</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tập 1, trang 115.

<sup>36</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 71.

chưa thật sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ của tỉnh còn thấp so với tổng chi ngân sách của tỉnh<sup>37</sup>. Ngoài ra việc huy động nguồn lực của xã hội, nhất là từ doanh nghiệp vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; đầu tư, đổi mới công nghệ còn thấp. Lĩnh vực đổi mới sáng tạo đóng vai trò rất quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo chiều sâu, nhưng hiện nay hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh còn trong giai đoạn khởi đầu, sơ khai, chủ yếu chỉ tuyên truyền, hội thảo và tổ chức các cuộc thi tại các đoàn thể và hiệp hội... chính những tồn tại, hạn chế trên dẫn đến tình khó tham gia xu thế hội nhập và đổi mới công nghệ.

Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 31/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định mục tiêu tổng quát là đến năm 2030 khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tiềm lực và trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của cả nước. Nghị quyết cũng xác định mục tiêu cụ thể tỉnh phải đạt được đến năm 2025 và năm 2030.

Để đạt được được các mục tiêu trên đòi hỏi cần đẩy mạnh hơn nữa công tác phối hợp giữa các cấp, ban, ngành trong hoạt động khoa học và công nghệ, cần có sự quan tâm, nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xem đây là nhiệm vụ chính

trị, là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, yêu cầu đặt ra là cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp nhất định sau đây:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, cần đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội. Gắn mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng cấp, từng ngành.

*Hai là*, đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các cấp, tập trung vào các nội dung thiết thực, phù hợp với tính chất quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nâng cao chất lượng của các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, ưu tiên mời các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành tham gia. Bên cạnh đó, cần rà soát, cụ thể hóa các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng công khai, minh bạch, khách

quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đổi mới chế độ quản lý tài chính, thanh quyết toán.

*Ba là*, xây dựng, hình thành không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hình thành khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh nhằm huy động nguồn lực cung cấp dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong cộng đồng. Cần thiết xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia, tổ chức truyền thông, tư vấn, huấn luyện, đào tạo cung cấp dịch vụ cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

*Bốn là*, cần chủ động đẩy mạnh hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng tăng cường hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ; tích cực phối hợp, liên kết với các tỉnh, thành phố, các trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

*Năm là*, tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua đa dạng hóa các loại hình truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội; đẩy mạnh truyền thông và hỗ trợ của nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của người dân; xây dựng các hình thức trưng bày khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ rộng rãi các đối tượng trong xã hội ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.
3. Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.
4. Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 31/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2030.

<sup>37</sup> Thấp hơn mức 2%, trung bình giai đoạn 2011 – 2020 đạt 0,68%, trong đó kinh phí chi cho ngành khoa học và công nghệ chiếm 0,27%



## NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỊNH HƯỚNG CỦA TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TÂY NINH HIỆN NAY

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là hệ thống giá trị khoa học, đạo đức, có ý nghĩa soi đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh còn có ý nghĩa định hướng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong hệ thống các trường chính trị nói chung và Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

**ThS. Nguyễn Hồng Thật**  
**PTK Khoa lý luận cơ sở**

**B**ám sát định hướng chỉ đạo trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ Trường, gắn với nhiệm vụ chính trị. Kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy, học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh trở thành động lực, nguồn sức mạnh to lớn định hướng cho hoạt động của Đảng bộ Trường Chính trị Tây Ninh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Từ đó, cụ thể hóa thành các Kế hoạch, Chương trình hành động, giải pháp công tác cụ thể của Nhà trường, Khoa, Phòng, của mỗi cán bộ, giảng viên nhằm định hướng vào từng nội dung bài giảng, từng hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế bảo đảm tính thiết thực, rõ việc, rõ người, dễ hiểu và dễ triển khai đến tất cả cán bộ, đảng viên trong toàn trường.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ vị trí, vai trò của Trường Đảng. Người chỉ rõ: “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>38</sup> và “Trường Đảng là một trường học để đào tạo những chiến sĩ tiên tiến phấn đấu cho sự nghiệp của giai cấp vô sản”<sup>39</sup>; những học viên của Nhà trường phải ghi nhớ: “Học để làm việc, làm người, làm cán

bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”<sup>40</sup>. Tư tưởng của Người thể hiện nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của giáo dục lý luận chính trị và vai trò của Trường Đảng đối với xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ cách mạng. Quán triệt tư tưởng của Người, trong các thời kỳ cách mạng, nhất là thời kỳ đổi mới, Đảng ta đặc biệt quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Tây Ninh vận dụng những giá trị định hướng của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công tác giảng dạy góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được Đảng ủy, Ban giám hiệu giao, hướng đến năm 2025 trường đạt chuẩn mức 1.

*Một là, phải có phẩm chất, đạo đức cách mạng.* Theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>41</sup>. Không những nói đi đôi với làm, mà người cán bộ, đảng viên phải nêu gương về đạo đức; xây đi đôi với chống; phải tu dưỡng đạo đức suốt đời. Đây là ba nguyên tắc cơ bản của xây dựng đạo đức mới trong xã hội. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên Trường Chính trị Tây Ninh phải là những người có phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Người đã cảnh báo: “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm,

Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”<sup>42</sup>.

*Hai là, đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên Trường Chính trị Tây Ninh phải có trình độ và năng lực, hiểu biết sâu về chuyên môn, những kiến thức liên quan đến nghiệp vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành, có khả năng nắm bắt và xử lý được các thông tin, có ý thức trang bị lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, nhằm trau dồi lập trường giai cấp, phẩm chất chính trị, đạo đức, để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị. Nhận thức về con đường, nhiệm vụ phát triển đất nước thời kỳ quá độ; nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; về đại đoàn kết dân tộc; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát triển văn hóa và con người; chủ động hội nhập quốc tế.*

*Ba là, giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng là một trong những nội dung quan trọng của trường chính trị. Hồ Chí Minh quan niệm chính trị, tư tưởng có vai trò quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Người cho rằng: Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn. Thống nhất chính trị, tư tưởng sẽ thống nhất hành động. Không có chính trị, tư tưởng thì dễ tả khuynh, hoặc hữu khuynh. Điều này càng hết sức đúng đắn với học viên trường chính trị có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Chính trị, tư tưởng làm cho người học tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo dựng niềm tin giữa đảng với Nhân dân, sẽ khắc phục tư tưởng lạc*

<sup>38</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.309.

<sup>39</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.95.

<sup>40</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.208.

<sup>41</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.292.

<sup>42</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.104.

hậu, nâng cao tinh thần tự giác, tích cực của người học. Đào tạo con người xã hội chủ nghĩa thì trước hết phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

*Bốn là*, lý luận phải được vận dụng vào thực tế. Theo Hồ Chí Minh, giảng dạy hay học tập lý luận chính trị đều phải tuân thủ nguyên tắc lý luận thống nhất với thực tiễn. Do vậy, giảng viên cần không ngừng học hỏi, cập nhật được những kiến thức mới, nghiêm túc trong học tập nghị quyết của Đảng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tích cực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế để truyền thụ cho học viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ nhà trường đang đặt ra. Bằng tấm gương của mình, mỗi giảng viên phải góp phần nâng cao và hướng dẫn việc tự học của học viên. Bởi tự học là điều căn bản nhất đối với mỗi người học, là yếu tố quyết định tạo nên chất lượng của quá trình giảng dạy và học tập lý luận chính trị.

*Năm là*, bài giảng phải bám sát thực tiễn đời mới, thực tiễn địa phương. Thực tế cho thấy, trình độ của học viên Trường chính trị ngày càng được nâng cao, một số có trình độ chuyên môn, học hàm, học vị cao. Vì thế, giảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn, đề bài giảng không bị lạc hậu, đáp ứng yêu cầu của người học. Bên cạnh đó, đời mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp từng đối tượng học viên góp khắc phục căn bệnh ngại học, lười học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên như Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh, cần “khắc phục căn bệnh ngại học, lười học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên”<sup>43</sup>

*Sáu là*, đội ngũ cán bộ, giảng viên phải có văn hóa ứng xử theo những chuẩn mực, ứng xử giao tiếp nơi công sở, giá trị văn hóa Trường Chính trị Tây Ninh đã được triển khai đến tất cả cán bộ, giảng

viên và người lao động.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên phát huy cao độ ý thức, trách nhiệm, tinh thần cống hiến, lao động sáng tạo, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, tiếp tục phát triển sự nghiệp cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu, ngang tầm nhiệm vụ nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, đời mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng vươn lên để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững ■

<sup>43</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.II, tr.236



## TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TÂY NINH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THI ĐUA YÊU NƯỚC

Là vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh giải phóng dân tộc và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hết sức coi trọng khơi dậy, phát động phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Người coi đây là một trong những biện pháp căn bản để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh luôn đặc biệt coi trọng thi đua và công tác thi đua, khen thưởng. Đồng thời, đã phát động nhiều phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp trong cán bộ, giảng viên, người lao động góp phần tạo động lực to lớn, cô vũ, động viên cán bộ, giảng viên, người lao động vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

**ThS. Nguyễn Thị Hoàn**  
**GV Khoa Xây dựng Đảng**

**T**ư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước là hệ thống quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, được hình thành trên cơ sở tiếp thu, vận dụng sáng tạo những quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về thi đua, về vai trò của quần chúng và truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc, cùng đường lối, thực tiễn đấu tranh cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước được thể hiện trong rất nhiều bài viết, bài nói điển hình như Lời kêu gọi thi đua yêu nước (1.5.1948), Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11.6.1948), Thi đua ái quốc, hiện tại và tương lai vẻ vang của nước ta (5.7.1951), Thư gửi thanh niên về thi đua ái quốc (1.8.1951), Bài nói tại Đại hội các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc (1.5.1952),... Tư tưởng này còn được phản ánh qua cuộc đời hoạt động cách mạng và thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các phong trào thi đua của Hồ Chí Minh.

**Tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc có những nội dung cơ bản sau:**

*Một là*, thi đua là yêu nước: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một quan điểm mới về thi đua: “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất” [1]. Đây là một quan điểm thể hiện sự sáng tạo độc đáo trong tư tưởng về thi đua, thể hiện cách nhìn sâu rộng và là một sự phát triển mới về thi đua. Theo Người, thi đua không chỉ là hoạt động sáng tạo, tích cực trong lao động, trong công việc hằng ngày, mà nó trở thành hoạt động tư tưởng và tinh thần, của lòng



**Trường Chính trị Tây Ninh - Khối trưởng Khối thi đua các cơ quan Đảng tỉnh năm 2023 tổ chức Hội thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc và nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng**

yêu nước, là biểu hiện của tinh thần đấu tranh cách mạng, hy sinh phấn đấu vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân và tinh thần quốc tế cao cả.

*Hai là*, thi đua phải có sự lãnh đạo đúng đắn: Bác nói: “Thi đua phải có sự lãnh đạo đúng” [2], đó là một tất yếu, là đòi hỏi, yêu cầu của phong trào. Để phong trào thi đua phát triển mạnh mẽ, liên tục đồng thời đạt được hiệu quả cao, cần có sự lãnh đạo chỉ đạo tập trung thống nhất và có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và các đoàn thể Nhân dân, bảo đảm các mặt hoạt động thi đua ăn khớp với nhau, nhằm vào mục đích chung, vào mục tiêu đã định theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Ba là*, thi đua phải có mục đích, mục

tiêu và phải có kế hoạch cụ thể: Thi đua phải có mục đích rõ ràng, khoa học, toàn diện và cụ thể. Có mục đích cho cả nước, cho từng vùng miền, từng ngành, từng giới, từng lứa tuổi; đồng thời phải có mục đích thi đua lâu dài và trước mắt. Sau khi đã xác định mục đích thi đua, bất kỳ phong trào thi đua nào cũng phải xác định mục tiêu, kế hoạch phấn đấu một cách cụ thể, khoa học, gắn liền với nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống của Nhân dân.

*Bốn là*, thi đua phải trở thành phong trào rộng lớn của quần chúng Nhân dân: Theo Người, thi đua là công việc của mọi người, mọi ngành, mọi cấp không phân biệt già, trẻ, gái, trai, không phân biệt tầng lớp giàu, nghèo, không phân biệt ngành, nghề. Người



đã động viên tất cả mọi người hãy ra sức thi đua tham gia kháng chiến và kiến quốc.

*Năm là*, phong trào thi đua phải được thực hiện thường xuyên, liên tục: Thi đua không phải chỉ một giai đoạn, một thời kỳ, mà phải thường xuyên, liên tục. Với quan điểm trên, Bác đã kêu gọi động viên, thu hút mọi tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua yêu nước, tạo nên sức mạnh đoàn kết của dân tộc trong lao động sản xuất và trong công tác chiến đấu.

*Sáu là*, phải chú trọng khen thưởng kịp thời: Bác nói: “Thưởng phạt phải nghiêm minh, có công thì thưởng, có lỗi thì phạt; có công mới có huân, phải có công huân mới được thưởng huân chương, thưởng cái nào đích đáng cái ấy,... khen thưởng phải có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương”[3]. Phải khen thưởng đúng người, đúng việc, kịp thời để khuyến khích mọi người hăng hái tham gia phong trào thi đua, phấn đấu làm tròn nhiệm vụ được giao.

Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của thi đua yêu nước theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và vị trí, vai trò, tác dụng to lớn của phong trào thi đua yêu nước, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Tây Ninh đã ban hành kế hoạch số 79-KH/TCT, ngày 10/3/2022 để tổ chức, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua, đồng thời nhà trường đã phát động phong trào thi đua năm 2022, triển khai đến 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn trường.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã lãnh đạo, chỉ đạo, phát động phong trào thi đua yêu nước qua đó động viên, khuyến khích công chức, viên chức, người lao động, học viên của trường năng động, sáng tạo, hăng hái thi đua với phương châm “Trọng tâm - Trách nhiệm - Kỷ cương - Nêu gương - Sáng tạo”. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022. Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh đã xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động “Xây dựng phong cách cán bộ Trường Đảng trung thành, sáng tạo, cống hiến vì sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu lý luận chính trị” giai

đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch phát động của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Trường Chính trị Tây Ninh còn tham gia tốt các hoạt động của Cụm thi đua các Trường Chính trị khu vực Đông Nam bộ tổ chức. Cán bộ, viên chức, người lao động Trường Chính trị Tây Ninh đẩy mạnh thi đua thực hiện văn hóa công sở. Quan tâm củng cố tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn, có phẩm chất, đạo đức và có tác phong, nền nếp làm việc khoa học, tận tụy với công việc, có trách nhiệm với tổ chức đảng, với Nhân dân.

Bên cạnh đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả trong toàn trường các văn bản phát động của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Cụm thi đua các Trường Chính trị khu vực Đông Nam bộ, và của tỉnh như: Phong trào thi đua “Tây Ninh chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025 (theo Kế hoạch số 1773/KH-UBND, ngày 7/6/2021 của UBND tỉnh); phong trào Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới; phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; Cán bộ, công chức, viên chức Tây Ninh thi đua thực hiện văn hóa công sở; phong trào thi đua đảm bảo trật tự, an toàn giao thông năm 2022 ...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Các khoa chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch học tập và giảng dạy, phân công bài giảng, duyệt giáo án của các giảng viên. Đồng thời, trường làm tốt công tác quản lý học viên; công tác kiểm tra, thi hết học phần, thi tốt nghiệp các lớp tổ chức đúng theo lịch học tập... góp phần hoàn thành tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của năm 2022. Tổng số lớp giảng dạy và phục vụ trong năm 2022 là 36 lớp, tổng số 3.035 học viên.

Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu thực tế: Ngay từ đầu năm Trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học. Năm 2022, Trường đã triển khai thực hiện Đề án cử giảng viên đi thực tế có kỳ hạn ở cơ sở giai

đoạn 2022 – 2027; tổ chức, phối hợp tổ chức 10 hội thảo khoa học; trường có 02 lãnh đạo khoa (Khoa Lý luận cơ sở và Khoa Xây dựng tham gia biên soạn chuyên đề năm 2022 của tỉnh, có 03 thành viên tham gia giám khảo Hội thi báo cáo viên giỏi tỉnh Tây Ninh năm 2022. Cán bộ, giảng viên tham dự Hội nghị triển khai chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2022; nội dung cốt lõi “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”; Kết luận số 21-KL/TW, Quy định số 37-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Giảng viên tích cực tham gia Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lần thứ hai, năm 2022 do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức (có 16 bài tham gia cuộc thi). Cán bộ, giảng viên nhà trường đã tích cực tham gia viết bài cho các báo, tạp chí, website của Trung ương và địa phương.

**Để tiếp tục phát huy phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian tới, Trường Chính trị Tây Ninh tập trung thực hiện một số giải pháp sau:**

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, làm cho thi đua trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm, việc làm thường xuyên của của mỗi cá nhân, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Hai là, vận động cán bộ, giảng viên, người lao động tích cực tham gia, gương mẫu đi đầu trong phong trào thi đua yêu nước, làm cho phong trào thi đua diễn ra thiết thực, hiệu quả trở thành động lực thúc đẩy hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Ba là, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức tổ chức phong trào thi đua, với hình thức phong phú, đa dạng, thực chất, sâu rộng và tạo động lực để



đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; gắn các phong trào thi đua với việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18-5-2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và quy định về văn hóa Trường Đảng.

Bốn là, coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng tấm gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, gắn với công tác truyền thông nhằm lan

tỏa, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Năm là, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; đổi mới công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các phong trào thi đua trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường; kịp thời phát hiện, có biện pháp cụ thể để chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

Sáu là, đổi mới và nâng cao chất

lượng công tác khen thưởng, bảo đảm đúng quy trình, thủ tục, công bằng, công khai, chính xác, kịp thời, có tính nêu gương học tập. Kiên quyết chống bệnh hình thức, bệnh thành tích trong thi đua và những tiêu cực trong khen thưởng, giải quyết hài hòa giữa đặc thù cơ quan và việc áp dụng đúng chính sách và các loại hình khen thưởng, coi đây là giải pháp đột phá để từng bước nâng cao số lượng, chất lượng điển hình tiên tiến của Trường Chính trị ■

## Trích dẫn

- [1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011, tr. 407.
- [2] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011, tr. 146.
- [3] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 11, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011, tr. 234.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết phong trào thi đua năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Trường Chính trị Tây Ninh.
2. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU THỰC TẾ CỦA HỌC VIÊN CÁC LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÂY NINH HIỆN NAY

**ThS. Bùi Thị Diệp**  
**GV Khoa Xây dựng Đảng**

Nghiên cứu thực tế đối với học viên là một khâu quan trọng trong chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị, nhằm thực hiện phương châm “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn với thực tiễn” bởi đó là hai quá trình luôn gắn bó mật thiết với nhau, nghiên cứu thực tế giúp học viên củng cố, bổ sung kiến thức lý luận đã được học trên lớp, tích lũy kinh nghiệm thực tế, góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện. Thực hiện tốt nội dung này là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung của nhà Trường.

**H**oạt động nghiên cứu thực tế của học viên không chỉ là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị, mà còn có ý nghĩa trong việc nâng cao kỹ năng làm việc, xử lý tình huống nảy sinh tại cơ sở, gắn lý luận với thực tiễn, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của trường Chính trị nói chung hiện nay. Trong những năm qua, để đảm bảo hoạt động nghiên cứu thực tế của học viên có hiệu quả, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về ban hành bộ Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tại Mục 2 “Nghiên cứu thực tế” của chương V, Học viện yêu cầu: Nhà trường bố trí cho học viên đi nghiên cứu thực tế sau khi đã học xong ít nhất 2 phần học; nội dung nghiên cứu thực tế gắn với kiến thức đã học trong chương trình trung cấp lý luận chính trị; nghe báo cáo thực tế do các địa phương, cơ quan, đơn vị chuẩn bị; nghiên cứu sâu các mô hình, điển hình, tìm hiểu các cách làm hay, làm mới của địa phương, cơ quan, đơn vị; tham dự vào hoạt động chung của địa phương, cơ quan, đơn vị; hoạt động riêng của tổ chức Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội; tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tham gia hoạt động văn hóa – xã hội; trên cơ sở kiến thức thực tế thu hoạch được, đề xuất, kiến nghị với địa phương, cơ quan, đơn vị đến nghiên cứu những vấn đề cần tiếp tục

phát huy hoặc những bất cập cần khắc phục trong thời gian tới.

Nội dung nghiên cứu thực tế gắn với kiến thức được học trong chương trình đào tạo với nhiều chủ đề khác nhau như: Kết quả hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; kinh nghiệm và bài học xây dựng hệ thống chính trị, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tình hình xây dựng nông thôn mới; kết quả và bài học kinh nghiệm của các lĩnh vực công tác: Văn hóa- xã hội, quốc phòng- an ninh; việc thực hiện các phong trào, các cuộc vận động ở địa phương..., qua đó, giúp học viên củng cố kiến thức lý luận đã học và học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn để có thể vận dụng sáng tạo kiến thức lý luận vào thực tế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc được phân công.

**\* Thực trạng hoạt động nghiên cứu thực tế của học viên các lớp trung cấp lý luận chính trị tại trường chính trị Tây Ninh trong thời gian qua.**

Trong thời gian qua, trường Chính trị Tây Ninh tổ chức cho học viên đi nghiên cứu thực tế theo quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và với phương châm “Lý luận gắn với thực tiễn” đã đạt được nhiều kết quả quan trọng như: Đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong chương trình đào tạo cũng như nguyện vọng của học viên. Nghiên cứu thực tế chính là điều kiện tốt để học viên được thâm nhập thực tiễn, được trực tiếp kiểm nghiệm thực tiễn những thành tựu mà địa phương đã đạt được trên các lĩnh vực, tìm hiểu một cách sâu sắc về thực tế

các mô hình, điển hình xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh ở một số địa phương, cơ sở...

Bên cạnh đó, quá trình đi nghiên cứu thực tế sẽ góp phần nâng cao năng lực nhận thức thực tiễn của học viên bởi học viên sẽ có thêm những tư liệu, kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý cần thiết thông qua hoạt động thực tế này, giúp cho học viên có thêm kiến thức thực tế không chỉ khi học ở trường, lớp mà cả trong quá trình công tác sau này.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác nghiên cứu thực tế của học viên vẫn còn có một số hạn chế như: chất lượng hiệu quả đạt được chưa cao, phần lớn học viên chưa coi trọng công tác này, hoặc tham gia cho đủ điều kiện theo quy định chứ chưa tích cực, một số học viên còn viện một số lý do như bệnh hoặc bận công việc để xin nghỉ đi nghiên cứu thực tế, khi viết bài báo cáo còn sao chép của nhau, chưa thực sự đi vào thực chất, còn mang tính chất đối phó... Nội dung và hình thức tổ chức chủ yếu dưới dạng nghe báo cáo tình hình phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương, cơ sở gắn với tham quan thực tế các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh; chưa đầy mạnh nghiên cứu, tìm hiểu thực tế đối với các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm hay các địa phương. Do vậy, khi triển khai viết thu hoạch, học viên thường lúng túng trong quá trình viết nên chất lượng bài thu hoạch chưa cao, mang nặng tính báo cáo, lý luận tách rời thực tiễn, v.v...

Do vậy, vấn đề cần thiết đặt ra hiện nay là phải có giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế của học viên, để từ đó góp phần nâng cao



chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của nhà trường.

**\* Một số giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế của học viên các lớp Trung cấp Lý luận chính trị tại trường Chính trị tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới:**

Thứ nhất, nhà Trường cần quan tâm bổ sung và có quy chế cụ thể đối với hoạt động nghiên cứu thực tế của học viên các lớp TCELLCT.

Ban Giám hiệu chủ động chỉ đạo các phòng, khoa có trách nhiệm lên kế hoạch cụ thể, báo cáo tiến độ tình hình để chủ động giải quyết. Có kế hoạch phân công công việc cụ thể cho các khoa, phòng và các cá nhân cụ thể.

Căn cứ vào quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, nhà Trường cần xây dựng quy chế cho phù hợp với thực tiễn địa phương, hướng dẫn hoạt động đi nghiên cứu thực tế của học viên các lớp Trung cấp Lý luận Chính trị đảm bảo đúng quy định, khoa học, chặt chẽ, thống nhất về quy trình, cách thức triển khai thực hiện nhằm phát huy tốt vai trò của hoạt động này trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của nhà Trường.

Nội dung nghiên cứu thực tế đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả; thời gian nghiên cứu hợp lý; các mô hình nghiên cứu thực tế phải mang tính tiêu biểu, gắn với kiến thức đã được học với nhiều chủ đề khác nhau để học viên có thể đến nghiên cứu và học tập hiệu quả, từ đó, vận dụng vào thực tiễn quá trình công tác.

Thứ hai, cần phân công giảng viên phụ trách hướng dẫn học viên đi

nghiên cứu thực tế là những giảng viên có kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể cho chuyến đi thực tế.

Cần phân công giảng viên có nhiều kinh nghiệm phụ trách hướng dẫn học viên đi nghiên cứu thực tế để hoạt động này đạt hiệu quả cao. Với những kinh nghiệm mà giảng viên đã tích lũy được, giảng viên sẽ xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, chi tiết cho chuyến đi thực tế, từ đó sẽ giúp giảng viên, học viên chủ động trong quá trình tìm hiểu, trao đổi những vấn đề cần nghiên cứu, quan tâm.

Việc xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể giúp giảng viên được phân công hướng dẫn học viên có cơ sở để

định hướng, hướng dẫn, gợi mở cho học viên những vấn đề mà bản thân học viên quan tâm, nhưng tự mình lại không thể diễn đạt. Nếu làm tốt giải pháp này, thì việc đi nghiên cứu thực tế của học viên không chỉ dừng lại ở những chuyến đi về cơ sở đơn thuần mà nó còn có ý nghĩa rất lớn trong việc bổ sung kiến thức thực tế cho học viên và giảng viên. Muốn vậy, công tác tiền trạm cần phải được trường đoàn phối hợp với chủ nhiệm lớp, đồng chủ nhiệm lớp và ban cán sự thực hiện chu đáo, kỹ càng, có những phương án dự phòng nhằm xử lý linh hoạt trong quá trình đi thực tế với kết quả cao nhất.

Thứ ba, nâng cao nhận thức cho học viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu thực tế.

Cần quán triệt cho học viên biết đi nghiên cứu thực tế là nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo TCELLCT để từ đó học viên không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc đi nghiên cứu thực tế. Khi tham gia đi nghiên cứu thực tế, học viên phải nhận thức và xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung của nhiệm vụ này, qua đó, học viên sẽ xây dựng đề cương, kế hoạch và các phương pháp thu thập thông tin, tư liệu phù hợp, hiệu quả nhất trong suốt quá trình nghiên cứu thực tế tại địa phương, cơ sở đến nghiên cứu. Đặc biệt, trước khi đến địa điểm nghiên cứu, học viên cần tìm hiểu trước nơi mình sẽ đến nghiên cứu cũng như những nội dung nghiên cứu để có thể chủ động đưa ra được những nội dung, câu hỏi cần trao đổi với các cấp lãnh đạo, quản lý ở địa phương, từ đó sẽ giúp học viên rút ra những kinh nghiệm quý báu cho bản thân có thể vận dụng vào thực tiễn công tác của mình đang đảm nhiệm.

Thứ tư, cần phổ biến, hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho học viên nội dung cũng như cách viết bài thu hoạch đạt hiệu quả cao.

Chất lượng bài thu hoạch thực tế của học viên chưa đảm bảo còn có nguyên nhân là do bài viết không đúng theo kết cấu, nội dung của hướng dẫn. Vì vậy, giáo viên chủ nhiệm cũng như giảng viên phụ trách hướng dẫn đi nghiên cứu thực tế cần phải làm tốt việc phổ biến, hướng dẫn viết bài thu hoạch cho học viên. Thực tế cho thấy, có một số học viên do không quan

tâm, chú ý đến nội dung hướng dẫn viết thu hoạch nên có những bài viết nội dung khá tốt nhưng cách trình bày khó hiểu, không đúng theo kết cấu, quy định. Do đó, trên cơ sở dự nghe phổ biến, nghiên cứu nội dung, hướng dẫn, đối với những nội dung còn chưa rõ hoặc còn mơ hồ, học viên cần có sự chủ động trong liên hệ, trao đổi để có giải đáp kịp thời, tránh tình trạng chưa nghiên cứu kỹ, chưa nắm, chưa rõ nhưng vẫn viết bài.

Thứ năm, tăng cường kiểm tra, giám sát của Ban Giám hiệu đối với hoạt động nghiên cứu thực tế của học viên.

Sau khi học viên đi thực tế cơ sở, Ban Giám hiệu cần có kế hoạch theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra thông qua việc chú trọng, tăng cường phản hồi thông tin với địa phương, cơ sở nơi nghiên cứu. Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm, chỉ đạo việc đa dạng hoá hoạt động nghiên cứu thực tế. Trong quá trình tổ chức cho học viên đi nghiên cứu thực tế, nếu có vấn đề phát sinh, chưa đạt yêu cầu, mục đích đề ra thì cần xử lý nghiêm những trường hợp không chấp hành nội quy khi đi nghiên cứu thực tế, ví dụ như tới địa điểm nghiên cứu thực tế nhưng không đi nghiên cứu theo lớp mà bỏ đi chơi riêng... thì cần chấn chỉnh kịp thời để hoạt động nghiên cứu thực tế diễn ra một cách nghiêm túc, hiệu quả.

Như vậy, nghiên cứu thực tế của học viên các lớp Trung cấp Lý luận chính trị có vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nói chung của nhà Trường, là cơ hội và điều kiện tốt để học viên được thâm nhập thực tiễn, gắn “lý luận với thực tiễn” tìm hiểu một cách sâu sắc về thực tế các mô hình, điển hình xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh ở địa phương, cơ sở. Thông qua hoạt động này người học có thể học tập những mô hình, cách làm hay của địa phương đến nghiên cứu để vận dụng vào quá trình công tác. Đồng thời, có thêm những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn nhất định từ đó bổ sung những gì còn thiếu, còn yếu khi vận dụng lý luận vào thực tiễn để giải quyết vấn đề cụ thể trong công tác lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, đơn vị mình công tác ■

## NGĂN NGỪA, KHẮC PHỤC BỆNH KINH NGHIỆM VÀ BỆNH GIÁO ĐIỀU Ở ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP CƠ SỞ HIỆN NAY

Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một trong những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải nỗ lực quán triệt nguyên tắc này. Quán triệt tốt nguyên tắc này sẽ góp phần trực tiếp ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm cũng như bệnh giáo điều và bổ sung, hoàn thiện, phát triển lý luận, nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, đây nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa thường xuyên, liên tục, lâu dài của toàn Đảng, của các cấp và của mỗi cán bộ, đảng viên.

**ThS. Nguyễn Thị Huệ**  
**GV Khoa Lý luận cơ sở**

**T**hống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Do vậy, trong hoạt động lãnh đạo, quản lý đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải luôn thực hiện tốt nguyên tắc này, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở. Bởi chính đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở là người chỉ đạo cuối cùng và trực tiếp đối mặt và giải quyết những vấn đề cụ thể nảy sinh trong hoạt động thực tiễn ở cơ sở.

Thực tế hiện nay ở nước ta cho thấy, bên cạnh đa số cán bộ, đảng viên đã thực hiện tốt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, cũng còn không ít cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở nói riêng trong hoạt động đã có những biểu hiện tác rời lý luận với thực tiễn, xem nhẹ mặt này, tuyệt đối hóa mặt kia, dẫn đến căn bệnh kinh nghiệm, giáo điều. Ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm, giáo điều là hết sức cần thiết nhằm xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước.

### **1. Nhận diện bệnh kinh nghiệm, giáo điều ở cán bộ lãnh đạo, quản lý**

#### **\* Bệnh kinh nghiệm**

Kinh nghiệm thực tiễn đóng vai trò to lớn trong nhận thức cũng như trong thực tiễn của con người nói chung, của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng. Nhưng nếu trong hoạt động nhận thức cũng như thực tiễn tuyệt đối hóa kinh nghiệm, coi thường, hạ thấp lý luận, không chịu học tập lý luận thì sẽ mắc bệnh kinh nghiệm. Biểu hiện của căn bệnh này rất đa dạng, như coi thường lý luận, coi thường học tập lý luận; cho kinh nghiệm là yếu tố duy nhất quyết định mọi thành công



Ảnh minh họa từ internet

trong nhận thức và hoạt động thực tiễn; không đánh giá đúng vai trò của đội ngũ trí thức.

Bệnh kinh nghiệm, về bản chất là khuynh hướng tư tưởng và hành động tuyệt đối hóa kinh nghiệm thực tiễn cá biệt, cụ thể; biến chúng thành những kinh nghiệm phổ biến nhằm áp dụng những kinh nghiệm cá biệt này cho mọi trường hợp, mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh, hạ thấp, coi thường lý luận khoa học. Trên thực tế, “thực tiễn” mà họ đề cao là thực tiễn cục bộ, vụn vặt, chưa chỉnh thể, chưa toàn vẹn, chưa mang tính phổ biến, về thực chất, những người mắc bệnh kinh nghiệm không chỉ hạ thấp lý luận mà còn hạ thấp cả thực tiễn.

Nguyên nhân của bệnh kinh nghiệm ở Việt Nam có nhiều, ví dụ như: ảnh hưởng tiêu cực của nền sản xuất nhỏ, lúa nước, theo mùa, theo chu kỳ; ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng gia trưởng, phong kiến; ảnh hưởng tiêu cực của những kinh

nghiệm chiến tranh du kích quá lâu dài... Nguyên nhân cơ bản, trực tiếp nhất là vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, không hiểu quan hệ biện chứng giữa lý luận với thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

#### **\* Bệnh giáo điều**

Bệnh giáo điều, về bản chất là khuynh hướng tư tưởng và hành động tuyệt đối hóa lý luận, coi thường hạ thấp thực tiễn, không đánh giá đúng vai trò của thực tiễn trong hoạt động nhận thức cũng như hoạt động lý luận, hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý áp dụng lý luận và kinh nghiệm không tính tới điều kiện thực tiễn lịch sử - cụ thể của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay có hai loại bệnh giáo điều:

Một là, giáo điều lý luận, thể hiện ở chỗ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý vận dụng lý luận không căn cứ vào những điều kiện thực tiễn - cụ thể của đơn vị



mình, ngành mình; học tập lý luận tách rời thực tiễn, xa rời cuộc sống, rơi vào bệnh sách vở; bệnh “tâm chương, trích cú”...

Hai là, giáo điều kinh nghiệm, thể hiện ở chỗ, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý vận dụng kinh nghiệm của ngành khác, người khác, địa phương khác, nước khác vào hoạt động lãnh đạo, quản lý của mình nhưng không tính tới những điều kiện thực tiễn lịch sử - cụ thể của địa phương mình, ngành mình.

Bệnh giáo điều ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có nhiều nguyên nhân, như: ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp quá lâu; ảnh hưởng của tư tưởng tiểu tư sản, như bệnh thành tích, bệnh hình thức... Đặc biệt là vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn và không hiểu quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn ở một số cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Để ngăn ngừa, khắc phục có hiệu quả bệnh giáo điều cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: từng bước hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khắc phục chủ nghĩa thành tích, chủ nghĩa hình thức, hiểu và vận dụng đúng đắn quan hệ biện chứng giữa lý luận với thực tiễn trong nhận thức và hoạt động cải tạo xã hội cũng như hoạt động lãnh đạo, quản lý của chính đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý này. Tăng cường tổng kết thực tiễn. Các kết luận rút ra từ tổng kết thực tiễn phải mang tính khái quát cao, phải có tính phổ biến, có giá trị chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động lãnh đạo quản lý, hoạt động cải tạo thế giới khách quan tiếp theo.

## **2. Thực trạng bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở hiện nay**

Do hoạt động đặc thù của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là tiếp thu, vận dụng chủ trương, Nghị quyết của cấp trên, cụ thể hóa, triển khai và tổ chức thực hiện tại cơ sở một cách đúng đắn, kịp thời, đạt hiệu quả, nên họ phải là người chủ động, sáng tạo, linh hoạt. Để làm được điều đó, đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải am hiểu một cách tường tận cơ sở mình, phải lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, làm tốt công tác vận động, tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị cơ sở.

Thực trạng hiện nay, một số cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở vẫn còn ảnh hưởng của bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo

điều. Họ tuyệt đối hoá kinh nghiệm cá biệt, cụ thể, biến chúng thành những kinh nghiệm phổ biến nhằm áp dụng những kinh nghiệm này cho mọi trường hợp, mọi điều kiện, hoàn cảnh. Những người mắc bệnh kinh nghiệm, giáo điều thường là những người nhân danh đề cao thực tiễn đề hạ thấp lý luận, coi thường lý luận, ngại học lý luận hoặc có học chỉ mang tính hình thức, hời hợt. Kết quả là lúng túng, chủ quan hoặc vận dụng không đúng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

### **\* Bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều trong hoạt động lãnh đạo, quản lý tại cơ sở**

- Một là, trong hoạt động ban hành quyết định

Việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vẫn còn có mặt yếu, chưa sát và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Khi xây dựng nội dung, chương trình phát triển kinh tế - xã hội thường theo gợi ý, định hướng chung của cấp trên, không tính đến điểm đặc thù của địa phương mình, không chú trọng đến khâu điều tra, nghiên cứu, phân tích thực tế,... Các bước thu thập dữ liệu, xử lý thông tin, vận dụng lý luận, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vẫn còn lúng túng, bị động, thiếu sáng tạo.

- Hai là, trong hoạt động tổ chức thực hiện quyết định

Một số đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở còn hạn chế trong việc tìm ra các hình thức, bước đi trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của địa bàn quản lý. Trong hoạt động lãnh đạo, tổ chức thực hiện các quyết định đề ra, cán bộ chủ chốt ở một số xã chưa khai thác và phát huy được hết sức mạnh nội lực trong cán bộ, đảng viên, chưa khai thác và khơi dậy được hết tiềm năng thế mạnh của quần chúng nhân dân trên địa bàn. Việc xử lý tình huống của cán bộ chủ chốt cấp xã vẫn còn chưa cao. Việc dự báo, lường trước những tình huống xảy ra trong quá trình lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp xã còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn, do đó thường bị lúng túng khi sự việc xảy ra.

- Ba là, trong việc kiểm tra thực hiện các quyết định

Việc kiểm tra, quản lý không thường xuyên, không đồng bộ trong quy hoạch, từ đó có những quyết định lãnh đạo, quản lý được triển khai nhưng việc thực hiện

đến đâu thì chậm được tổng kết hoặc tổng kết một cách miễn cưỡng, sơ sài, không đến nơi đến chốn, có trường hợp đổ lỗi cho nhau, theo kiểu “dưới đổ lỗi cho trên”..

- Bốn là, vấn đề tổng kết và rút kinh nghiệm việc thực hiện quyết định

Báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm ở một số địa phương vẫn mang tính hình thức, ca ngợi thành tích, thống kê số liệu chung chung, chưa thật sự mạnh dạn trong đánh giá những hạn chế, yếu kém. Do đó, những kết luận trong tổng kết rút ra chưa thể hiện tính khái quát cao, chưa đủ làm luận cứ khoa học định hướng cho tổ chức thực hiện các quyết định ở giai đoạn tiếp theo.

### **\* Bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều trong việc học tập lý luận, nâng cao trình độ lý luận chính trị**

Một trong những biểu hiện cụ thể của bệnh kinh nghiệm, giáo điều là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở là họ rất ngại học tập lý luận, nâng cao trình độ lý luận chính trị. Không ít cán bộ, đảng viên cho rằng chỉ cần chú ý đến học tập chuyên môn, nghiệp vụ gắn với công việc mình đảm trách, họ ít quan tâm hoặc không hề quan tâm đến học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị; chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị, thậm chí cá biệt có học viên còn cho rằng đó là việc làm “vô ích” gây lãng phí thời gian công việc chuyên môn. Học tập, nghiên cứu lý luận chính trị chưa thực sự nghiêm túc, còn thực hiện qua loa, đại khái, chiếu lệ, hình thức

### **\* Nguyên nhân của bệnh kinh nghiệm, giáo điều**

Bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở có nhiều nguyên nhân, trong đó có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến bệnh kinh nghiệm, giáo điều ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở sau:

- Thứ nhất, do trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị của một bộ phận cán bộ lãnh đạo quản lý ở cơ sở còn hạn chế.

- Thứ hai, do ảnh hưởng của tâm lý sản xuất manh mún nhỏ lẻ của nền nông nghiệp lạc hậu trước đây và của cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp còn tàn dư lại.

- Thứ ba, do công tác đào tạo cán bộ và chính sách cán bộ đối với cấp cơ sở còn nhiều hạn chế, bất cập.

- Thứ tư, do ý thức tự giác học tập lý luận, học tập văn hóa của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở còn hạn chế, một bộ phận trong số họ còn nặng sự vụ, bị thoái hoá, biến chất.

- Thứ năm, chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân hoặc lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Một số địa phương làm lướt những việc công khai lấy ý kiến nhân dân hoặc không giải thích rõ cho dân hiểu để tham gia ý kiến. Đối với những việc phải tạo điều kiện cho nhân dân kiểm tra, giám sát, nhất là trong thi công các công trình xây dựng cơ bản như: xây dựng cầu đường, trường học, chợ, mỗi địa phương đều có thành lập Ban giám sát công trình do dân đề cử ra để cùng Ban Thanh tra nhân dân giám sát chất lượng công trình. Nhưng do không cung cấp đầy đủ các thông tin (thường chỉ cung cấp một bản vẽ kỹ thuật nên đa số người dân không thể hiểu được) nên hầu hết các Ban giám sát công trình không thực hiện được nhiệm vụ “dân chủ đại diện” cho nhân dân tại địa phương.

3. Giải pháp ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở

Một là, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở hiện nay

- Nâng cao trình độ và kỹ năng của cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở đáp ứng nhu cầu của tình hình mới.

- Đổi mới căn bản chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở cần gắn lý luận với thực tiễn. Nội dung chương trình phải thiết thực, có tính mới.

- Tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập lý luận, chuyên môn nghiệp vụ, đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho quá trình đào tạo cán bộ cấp cơ sở, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng.

- Đẩy mạnh việc áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, tạo điều kiện nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, trình độ văn hóa cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

Hai là, đẩy mạnh dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho việc ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo

điều ở đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở hiện nay

- Phát huy dân chủ trong đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khắc phục bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều, cụ thể: dân chủ trong đánh giá cán bộ; dân chủ công khai quy hoạch cán bộ; dân chủ trong tuyển chọn, sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ; dân chủ trong xây dựng tiêu chuẩn và chuẩn hoá đội ngũ cán bộ.

- Tăng cường và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát. Công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ của toàn Đảng, quá trình thực hiện phải vận dụng tốt mối quan hệ giữa tự giác và bắt buộc, giữa tự phê bình và phê bình, coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Thực hiện tốt các quy chế, quy định theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Ba là, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận

- Tiếp tục thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 08/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Công văn số 584-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh về “Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận”, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả việc sơ kết, tổng kết. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; biểu dương, cổ vũ, nhân rộng những mô hình mới, kinh nghiệm hay, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu phát triển của địa phương

- Trong quá trình xây dựng các chương trình, kế hoạch, tổ chức lực lượng, tiến hành từng bước đảm bảo tính khách quan, khoa học, chặt chẽ từng khâu, tránh rơi vào tùy tiện, qua loa, đại khái, bởi lẽ, kết quả của việc tổng kết thực tiễn phải được dùng làm căn cứ cho việc thực hiện các bước, các công đoạn tiếp theo.

- Vận dụng những kết quả, những thành tựu lý luận được rút ra qua tổng kết thực tiễn để triển khai, tổ chức hoạt động thực tiễn.

Bốn là, trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở hiện nay

- Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ thoái hoá, biến chất.

- Đưa tiêu chí cố gắng phấn đấu học tập, tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ làm tiêu chuẩn cần nhắc, đề bạt, khen thưởng và kỷ luật.

Tóm lại, việc ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều phải được tiến hành một cách thường xuyên và liên tục trong quá trình đổi mới, gắn việc nâng cao tư duy lý luận với việc đấu tranh khắc phục để xoá bỏ tập quán lạc hậu, lối suy nghĩ giản đơn, bảo thủ, trì trệ, thói ỷ lại, bệnh lười học lý luận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời, phải đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống của người dân; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; đẩy mạnh dân chủ ở cơ sở và công tác tổng kết thực tiễn... Tổng hợp những giải pháp trên, sẽ tạo ra môi trường thuận lợi, những điều kiện cần thiết cho việc ngăn ngừa, khắc phục có hiệu quả ảnh hưởng của bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở hiện nay ■



## PHƯƠNG HƯỚNG RÈN LUYỆN CỦA ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC TRẺ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TÂY NINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Đội ngũ viên chức trẻ Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh phấn đấu học tập, rèn luyện không ngừng để trở thành người giảng viên vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong thời kỳ mới góp phần nâng cao uy tín và vị thế Trường Chính trị.

**ThS. Huỳnh Thị Nhựt**  
**Bí thư Chi đoàn Trường Chính trị**

**T**rường Chính trị tỉnh Tây Ninh là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho hệ thống chính trị của tỉnh. Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, trong những năm qua ngoài việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên đủ về số lượng, Nhà trường luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên nói chung, đặc biệt tập trung vào đội ngũ giảng viên trẻ nhằm trang bị cả về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp.

Tính đến ngày 30/5/2023, Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh có 36 người trong biên chế<sup>44</sup>. Hiện nay, đội ngũ viên chức trẻ có 12 đồng chí (độ tuổi từ 27 đến 35) chiếm 33,33% tổng số biên chế của Trường. Về trình độ chuyên môn, 100% các giảng viên trẻ và tập sự giảng viên đều có trình độ đại học và trên đại học, trong đó: 11 đồng chí có bằng thạc sĩ và 01 đồng chí đang học cao học. Về lý luận chính trị: 03/12 đồng chí có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 04/12 đồng chí có trình độ TCLLCT-HC. Có 07/12 đồng chí viên chức trẻ vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng, 02/5 quần chúng ưu tú đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

Nhận thức được vị trí, vai trò trách nhiệm của mình, đội ngũ viên chức trẻ đã không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kiến thức thực tế, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và của Nhà trường.

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công các giảng viên trẻ, tập sự giảng viên đều tích cực sưu tầm tài liệu, văn bản, cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước phục vụ soạn giảng và nghiên cứu. Tháng 6/2023, 03 tập sự giảng viên mới được



Tập sự giảng viên giảng tập trước Hội đồng khoa học tháng 6/2023

tuyển dụng về Trường vào tháng 7/2022 đã hoàn thành soạn giáo án và tiến hành thông qua bài giảng được Hội đồng khoa học Nhà trường đánh giá đạt yêu cầu, có triển vọng trở thành giảng viên.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, đội ngũ viên chức trẻ còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thông qua các hoạt động như: viết bài cho Thông tin lý luận và thực tiễn, cho Trang thông tin điện tử của Trường, của địa phương và Trung ương, 02 đồng chí tham gia thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở. Có thể khẳng định đây là lực lượng kế cận đang dần tự khẳng định mình, có tinh thần trách nhiệm cao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Không những thế, đội ngũ viên chức trẻ còn tích cực tham gia các phong trào đoàn thể do cấp trên và nhà trường phát động.

Tuy nhiên, các giảng viên trẻ, tập sự giảng viên còn có những hạn chế, khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ được giao như: Do kinh nghiệm sống, kinh nghiệm thực tiễn còn chưa phong phú, vì vậy việc gắn lý thuyết với thực tiễn trong giảng dạy thiếu sinh động, chưa hấp dẫn;

phương pháp nghiên cứu khoa học còn hạn chế...

Để trở thành một người giảng viên giảng dạy lý luận chính trị và trở thành một người giảng viên giỏi chuyên môn, vững nghiệp vụ không chỉ học tập, rèn luyện trong thời gian ngắn mà đây là cả một quá trình nỗ lực phấn đấu, học tập và rèn luyện không ngừng nghỉ, có kế hoạch khoa học phù hợp với vị trí công tác và chuyên môn được phân công với một niềm đam mê nhiệt huyết với nghề. Để phấn đấu trở thành một người giảng viên vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ trong công tác giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị Tây Ninh hiện nay, thế hệ giảng viên trẻ nhất là viên chức đang trong thời gian tập sự cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

*Thứ nhất, phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng.*

Như Bác Hồ đã từng dạy: “Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”<sup>45</sup>. Điều tiên quyết và

<sup>44</sup> Báo cáo số 159-BC/TCT của Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh ngày 14/4/2023 báo cáo về công tác quản lý biên chế năm 2023 và đề xuất kế hoạch sử dụng biên chế năm 2024

<sup>45</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 612.





Tập sự giảng viên giảng tập trước Hội đồng khoa học tháng 6/2023

quan trọng nhất người giảng viên Trường Chính trị cần phải có đó chính là sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Là một giảng viên trẻ, tập sự giảng viên thì yêu cầu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức càng phải được đặt lên hàng đầu, cần sự nỗ lực phấn đấu tu dưỡng và rèn luyện không ngừng.

*Thứ hai, không ngừng học tập, trau dồi chuyên môn vững vàng.*

Trong thực hiện giảng dạy yêu cầu người giảng viên giảng dạy mỗi bài, phần học, chuyên đề phải đầu tư nghiên cứu sâu về lý luận và thực tiễn nội dung của các vấn đề, đảm bảo tính khoa học, tính đảng và tính thực tiễn. Nhất là đối với giảng viên trẻ, giảng viên đang trong thời gian tập sự, yêu cầu này phải được thực hiện để đáp ứng được trình độ chuyên môn vững vàng. Bởi vì, nếu thiếu kiến thức chuyên sâu giảng viên khó có thể lập luận, lý giải, thuyết phục được người học về những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học khác. Đồng thời, không đủ sức đấu tranh bảo vệ, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đúng đắn trong điều kiện mới. Nhất là trong thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị, khóa XII “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

*Thứ ba, nỗ lực học tập, rèn luyện phương pháp giảng dạy lý luận chính trị.*

Khi người giảng viên đã có một trình độ chuyên môn vững vàng thì yêu cầu thứ hai xuất hiện là phải có phương pháp giảng dạy, truyền thụ kiến thức sao cho có hiệu quả. Việc rèn luyện phương pháp giảng dạy lý luận chính trị chính là việc người giảng viên trẻ lựa chọn phương pháp truyền tải kiến thức đúng đối tượng, hiệu quả, tạo tâm thế hứng khởi lan tỏa đến từng học viên qua từng tiết giảng. Việc rèn luyện phương pháp giảng dạy này cần một khoảng thời gian hợp lý để thực hiện, xin ý kiến góp ý từ Hội đồng khoa học nhà trường và ý kiến của Thầy, Cô đi trước. Đồng thời, cũng phải quan sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ người học, để đánh giá khách quan hiệu quả của phương pháp giảng dạy đang áp dụng.

Thứ tư, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế.

Giảng viên trẻ phải tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế tổng kết thực tiễn bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cụ thể như: Viết bài, đưa tin phục vụ trang Website nhà trường, trang Website Tỉnh ủy; chuyên mục bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tập thông tin lý luận và thực tiễn; viết bài tham luận tọa đàm cấp khoa, cấp trường, cấp học viện (khi được phân công); sinh hoạt khoa học... Bên cạnh đó, cần trao đổi, chia sẻ thông tin khoa học với lãnh

đạo, đồng chí, đồng nghiệp, khi gặp những vấn đề mới, khó, nhạy cảm... để không ngừng rèn luyện, trau dồi kỹ năng phân tích, tổng hợp. Lựa chọn, tiếp cận nghiên cứu tài liệu do địa phương nơi nghiên cứu thực tế cung cấp, hoặc trên các phương tiện truyền thông được kiểm chứng xác thực tin cậy, tạp chí, ấn phẩm khoa học. Qua đó, từng bước tiếp cận và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế tổng kết thực tiễn của nhà trường.

Thứ năm, chủ động nghiên cứu, học tập, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Với tư cách là một viên chức trẻ, mỗi người cần phải có tính năng động, sáng tạo, tinh thần cầu thị, ham học hỏi, không ngại khó, ngại khổ để khi nhận được nhiệm vụ phân công có thể nhận trách nhiệm và hoàn thành tốt công việc được giao. Bên cạnh đó, đội ngũ viên chức trẻ cần tích cực tham gia các hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban nữ công thông qua các hoạt động phong trào như: hội thi, văn nghệ, thể dục thể thao để giúp các viên chức trẻ rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm... góp phần rèn luyện tư cách, tác phong của người giảng viên trường chính trị.

Như vậy, phấn đấu học tập, rèn luyện không ngừng để trở thành người giảng viên vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, xứng đáng là người giảng viên Trường Chính trị Tây Ninh, thế hệ giảng viên trẻ, giảng viên tập sự của nhà trường cần phải thực hiện tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng; không ngừng học tập, trau dồi chuyên môn vững vàng; nỗ lực học tập, rèn luyện phương pháp giảng dạy lý luận chính trị; tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế; chủ động nghiên cứu, học tập, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công để đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong thời kỳ mới góp phần nâng cao uy tín và vị thế Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh trong tình hình mới ■



## GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY TRUYỀN THỐNG HAY HIỆN ĐẠI

Gia đình là một tế bào của xã hội, là một nhóm xã hội cơ sở kiến tạo nên xã hội rộng lớn. Do đó, sự trường tồn của quốc gia, dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào sự tồn tại và phát triển của mỗi gia đình. Gia đình phải là điểm xuất phát và trở về của mọi chính sách xã hội. Gia đình là một môi trường quen thuộc với hầu hết mọi người. Đó là lĩnh vực mà ai cũng có thể tham gia với tư cách là người trong cuộc. Mặt khác, đó cũng là lĩnh vực tinh tế, phong phú, phức tạp, đầy mâu thuẫn và biến động.

**ThS. Nguyễn Thị Bích Tuyên**  
**GV Khoa Xây dựng Đảng**

Có thể nói gia đình là vấn đề của mọi dân tộc và thời đại. Đặc biệt trong vài năm trở lại đây, vấn đề gia đình nổi lên như một tiêu điểm trọng yếu được cả giới hàn lâm và giới chính trị quan tâm. Ở Châu Á và Đông Nam Á nói riêng, người ta nói nhiều đến gia đình, văn hóa gia đình như một giải pháp để ngăn trở sự xâm lăng của văn hóa phương Tây. Và không chỉ có thế, các quốc gia Châu Á trong đó có Việt Nam đang trải nghiệm trong một cuộc chuyển mình vĩ đại: thực hiện công nghiệp hóa – đô thị hóa với quy mô và tốc độ ngày càng gia tăng. Đồng thời với quá trình này ở Việt Nam là sự chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường. Cố nhiên, những biến chuyển kinh tế – xã hội mạnh mẽ đó không thể không tác động sâu sắc đến thiết chế gia đình, một thiết chế lâu đời và bền vững song cũng hết sức nhạy cảm với mọi biến đổi xã hội.

Gia đình là một xã hội thu nhỏ, trong đó hiện diện đầy đủ các quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ văn hóa, quan hệ tổ chức... Những biến chuyển xã hội đã và đang dội vào gia đình trên mọi phương diện và đưa đến những hệ quả đa chiều. Thiết chế có tính bền vững này cũng đang vận động, đổi mới và thích ứng với nhu cầu của thời đại.

Trước khi tìm hiểu về gia đình Việt Nam truyền thống hay gia đình Việt Nam hiện đại, chúng ta hãy thống nhất với nhau về khái niệm gia đình. Nói như thế là bởi vì có rất nhiều quan niệm khác nhau về gia đình ở các hệ thống chính trị – xã hội và văn hóa khác nhau và có rất nhiều định nghĩa về gia đình đã được đưa ra. Đó là chưa kể một thực tế là trên thế giới hiện nay xuất hiện nhiều dạng gia đình biến thái khiến cho mọi định nghĩa về gia đình đều trở nên bất cập.

Học giả phương Tây – James W. Vander Zanden – cho biết: “Một cuộc thăm dò mới đây đã cho thấy 45% người Mỹ ngày nay cho rằng một đôi không cần kết hôn mà cùng chung sống với nhau thì được coi là một gia đình đích thực, 33% coi các đôi cùng giới tính có nuôi nấng con cái là gia đình, còn 20% thì coi các cặp đồng giới tính chung sống với nhau là một gia đình”<sup>46</sup>

Đây có thể là sự mở rộng thái quá trong quan niệm về gia đình mà người Việt Nam ta khó lòng chấp nhận. Đối với người Á Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng, gia đình là một giá trị xã hội quan trọng vào bậc nhất. Nếu ở Châu Âu gia đình nhiều khi đơn giản chỉ được coi là một nhóm xã hội thì ở ta, gia đình được coi là một tế bào xã hội có tính sản sinh với đầy đủ các yếu tố cấu thành của nó như vợ – chồng – con cái. Bởi thế, để có thể tìm hiểu về gia đình Việt Nam, chúng tôi tạm đưa ra một định nghĩa mang tính cổ điển như sau: gia đình là một tập hợp những người cùng chung sống với nhau dựa trên quan hệ hôn nhân được chính thức thừa nhận bởi pháp luật hay luật tục và huyết thống. Họ có trách nhiệm đạo đức đối với nhau, có chung tài sản và cùng có trách nhiệm xã hội hóa thế hệ mai sau. Đó là các quan hệ vợ – chồng, cha mẹ – con cái, anh chị em ruột.

Gia đình Việt Nam truyền thống được các nhà nghiên cứu cho là loại gia đình chứa nhiều yếu tố dường như bất biến, ít đổi thay, ra đời từ nền văn hóa bản địa, được bảo lưu và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Như vậy, gia đình Việt Nam truyền thống là sản phẩm của nền văn minh lúa nước và tồn tại ở địa bàn nông thôn. Cố nhiên, điều này không có nghĩa là ở các đô thị không tồn tại kiểu gia đình truyền thống.

Về vấn đề này tác giả Đỗ Thái Đồng

có viết: “Gia đình truyền thống chắc hẳn là gia đình ở nông thôn, là gia đình ở những xã hội nông nghiệp á Đông đã tồn tại lâu đời và gần như bất biến trên nhiều khía cạnh. Như vậy, đó cũng là kiểu gia đình nông nghiệp, là một định chế gắn liền với nền nông nghiệp cổ truyền”<sup>47</sup> Nhân đây, cũng cần phải nói thêm rằng gia đình truyền thống đôi khi được hiểu là “gia đình nho giáo”. Về căn bản, điều này không sai. Song có lẽ mỗi khái niệm đều có một sắc thái riêng nào đó và cho dù phần lớn nội hàm 2 khái niệm này trùng nhau nhưng chúng không hoàn toàn là 2 khái niệm đồng nhất. Từ đó có thể thấy tính chất nông nghiệp, nông thôn và nho giáo là những đặc trưng cơ bản của gia đình truyền thống Việt Nam. Và gia đình nho giáo, theo chúng tôi, là một khái niệm rất thích hợp để chỉ kiểu gia đình truyền thống ở các đô thị Việt Nam.

Trong dân gian, gia đình truyền thống được coi là đại gia đình mà các thành viên liên kết với nhau bằng chuỗi quan hệ huyết thống. Trong gia đình này có thể cùng chung sống từ 3 thế hệ trở lên: ông bà – cha mẹ – con cái mà người ta quen gọi là “tam, tứ, ngũ đại đồng đường”. Kiểu gia đình này khá phổ biến và tập trung nhiều nhất ở nông thôn Bắc Bộ. Nền kinh tế tiểu nông là cơ sở phát sinh và tồn tại của nó. Về mặt tâm lý, người Việt Nam luôn có xu hướng quần tụ con cái xung quanh mình. Bởi thế, các đại gia đình cùng sống dưới một mái nhà hoặc vài nhà kế nhau cũng là hình thức tổ chức gia đình phổ biến ở đô thị. Gia đình truyền thống có các ưu điểm như có sự gắn bó cao về tình cảm theo huyết thống, bảo lưu được các truyền thống văn hóa, tập tục, nghi lễ, phát huy tốt các gia phong, gia lễ, gia đạo. Các thành viên trong gia đình có điều kiện giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần, chăm sóc

<sup>46</sup> James W. Vander Zanden: *Sociology the Core*, Mc. Graw Publishing Company, 1990, p. 225

<sup>47</sup> Đỗ Thái Đồng: *Tạp chí Xã hội học*, số 3-1990, tr. 9



người già và giáo dục thế hệ trẻ. Đó là những giá trị rất căn bản của văn hóa gia đình mà chúng ta cần kế thừa và phát huy. Tuy nhiên, nhược điểm của loại gia đình này là ở chỗ trong khi giữ gìn các truyền thống tốt đẹp thì cũng bảo trì luôn cả những tập tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời. Bên cạnh đó, sự khác biệt về tuổi tác, lối sống, thói quen cũng đưa đến một hệ quả khó tránh khỏi là mâu thuẫn giữa các thế hệ: giữa ông bà – các cháu, giữa mẹ chồng – nàng dâu... Bên cạnh việc duy trì được tinh thần cộng đồng, gia đình truyền thống phần nào cũng hạn chế sự phát triển tự do của mỗi cá nhân.

Trong điều kiện của xã hội hiện đại “1 ngày bằng 20 năm” loại gia đình này có vẻ thiếu cơ động và chậm thích ứng. Điều này giải thích tại sao số lượng gia đình truyền thống kiểu đại gia đình giảm đáng kể và không còn là khuôn mẫu của gia đình ngày nay.

Ở đây, một câu hỏi được đặt ra: vậy gia đình Việt Nam ngày nay có phải là một gia đình hiện đại? Chúng tôi cho rằng điều này không hẳn đúng. Bởi vì gia đình hiện đại phải là sản phẩm của một nền công nghiệp phát triển, dân cư có lối sống đô thị và đạt đến một trình độ văn minh đô thị khá cao. Trong khi đó, Việt Nam vẫn đang là một nước nông nghiệp. Cư dân nông thôn chiếm tỷ trọng áp đảo với tất cả các đặc trưng về lối sống, tâm lý, sinh hoạt của người tiểu nông.

Mặc khác, quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang ở giai đoạn khởi đầu. Văn minh nông nghiệp vẫn còn in đậm trong đời sống văn hóa của mỗi người dân – kể cả cư dân đô thị bởi đa phần họ vừa thoát thai từ nông thôn. Vậy nên gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn – thay cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Gia đình Việt Nam ngày nay phần lớn là gia đình hạt nhân trong đó chỉ có một cặp vợ chồng (bố mẹ) và con cái mà họ sinh ra. Hầu hết các gia đình trí



Ảnh minh họa từ internet

thức, viên chức nhà nước, công nhân công nghiệp, gia đình quân đội, công an đều là gia đình hạt nhân. Xu hướng hạt nhân hóa gia đình ở Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng vì nhiều ưu điểm và lợi thế của nó. Trước hết gia đình hạt nhân tồn tại như một đơn vị độc lập, gọn nhẹ, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với các biến đổi xã hội. Gia đình hạt nhân có sự độc lập về quan hệ kinh tế. Kiểu gia đình này tạo cho mỗi thành viên trong gia đình khoảng không gian tự do tương đối lớn để phát triển tự do cá nhân. Cá nhân tính được đề cao. Trong xã hội hiện đại, mức độ độc lập cá nhân được coi là một yếu tố biểu hiện chất lượng cuộc sống gia đình. Tính độc lập cá nhân được gia đình tạo điều kiện nuôi dưỡng, phát triển sẽ tạo ra phong cách sống, tính cách, năng lực sáng tạo riêng khiến cho mỗi người đều có bản sắc. Đó cũng chính là con người mà sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng ta đang cần đến.

Có nhiên, gia đình hạt nhân cũng có những điểm yếu nhất định. Chẳng hạn, do mức độ liên kết thuyết minh giảm sút và sự ngăn cách không gian, giữa các gia đình nên khả năng hỗ trợ lẫn nhau về vật chất và tinh thần bị hạn chế, ảnh hưởng của thế hệ tới nhau ít đi cũng làm giảm khả năng bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống trong gia đình. Dù vậy, gia đình hạt nhân vẫn là loại hình khá phổ

biến ở nước ta hiện nay và đó cũng là loại gia đình thịnh hành trong các xã hội công nghiệp – đô thị phát triển. Có nghĩa – đó cũng là kiểu gia đình của tương lai.

*Gia đình là một tế bào của xã hội, là một nhóm xã hội cơ sở kiến tạo nên xã hội rộng lớn. Do đó, sự trường tồn của quốc gia, dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào sự tồn tại và phát triển của mỗi gia đình. Gia đình phải là điểm xuất phát và trở về của mọi chính sách xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đã luôn đặt gia đình vào tiêu điểm quan trọng, phấn đấu xây dựng gia đình Việt Nam âm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người ■*



## CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ SÔI NỔI TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THÁNG CÔNG NHÂN NĂM 2023

Thực hiện Kế hoạch số 221/KH-CĐVC ngày 20/2/2023 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh về tổ chức các hoạt động Tháng Công nhân năm 2023, Ban Chấp hành CĐCS Trường Chính trị đã tổ chức nhiều hoạt động phong trào sôi nổi như tuyên truyền, đối thoại với cấp ủy, thể dục thể thao, chăm lo sức khỏe, đời sống cho đoàn viên công đoàn, bồi dưỡng, hướng dẫn, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng ..v.v.... Các hoạt động phong trào được toàn thể đoàn viên công đoàn ủng hộ và tham gia nhiệt tình. Qua đó, tạo được sự gắn gũi, gắn kết hơn trong đội ngũ VCNLD, góp phần giúp đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

**ThS. Trần Ngọc Hương**  
**PTK.Khoa NNPL - Chủ tịch CĐCS**

Năm 2012, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Kết luận đồng ý chủ trương lấy tháng 5 hàng năm là Tháng Công nhân theo đề nghị của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Mục tiêu của Tháng Công nhân là chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp quan tâm xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn 10 năm qua, Tháng Công nhân được tổ chức công đoàn các cấp triển khai đạt được nhiều kết quả theo mục tiêu đề ra, trong đó có Công đoàn cơ sở Trường Chính trị (CĐCS).

Thực hiện Kế hoạch số 221/KH-CĐVC ngày 20/2/2023 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh về tổ chức các hoạt động Tháng Công nhân năm 2023, Ban Chấp hành công đoàn Trường đã xây dựng Kế hoạch Tháng Công nhân với các hoạt động phong trào như: Tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 48 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975- 30/4/2023), Quốc tế lao động 1/5, 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023) và “Tháng Công nhân” năm 2023; Tổ chức chương trình “Đối thoại tháng 5” giữa viên chức, người lao động (VCNLD) với BCH CĐCS, Ban Giám hiệu Trường; Tổ chức cho đoàn viên khám sức khỏe định kỳ; Giới thiệu ít nhất 01 đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng ủy xem xét kết nạp Đảng; Tham gia Hội thi giảng viên giỏi vòng trường năm 2023, tham gia hỗ trợ tổ chức Hội thi học viên giỏi của Trường Chính trị năm 2023; Tổ chức dọn dẹp vệ sinh khuôn viên nhà trường; Tổ chức Hội thao thi đấu các môn chuyên chanh, nhảy dây tập thể và cầu lông; Vận động



**Đoàn viên công đoàn tham gia Hội thao do Công đoàn Trường Chính trị tổ chức**

công đoàn viên tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động phong trào do công đoàn cấp trên phát động.

Hoạt động phong trào Tháng Công nhân năm 2023 nhận được sự ủng hộ và tham gia rất nhiệt tình của tất cả đoàn viên công đoàn và viên chức, người lao động trong đơn vị. Công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua cuộc họp tổ công đoàn, nhóm Zalo công đoàn, ngoài ra còn thông qua sinh hoạt khoa học của trường, Hội thảo khoa học cấp khoa, đảm bảo 100% VCNLD đều biết đến các nội dung tuyên truyền như chào mừng 48 chào mừng 48 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975- 30/4/2023), Quốc tế lao động 1/5, 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023), ý nghĩa, nội dung của Tháng Công nhân năm 2023..v.v...

Phát động phong trào và tổ chức cho 100% các tổ công đoàn dọn dẹp vệ sinh trong khuôn viên cơ quan. Qua đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm của đoàn viên

công đoàn trong xây dựng môi trường đơn vị xanh – sạch – đẹp. Hội thao CĐCS Trường Chính trị năm 2023 đã thu hút 40/43 công đoàn viên tham gia thi đấu sôi nổi, đặc biệt có sự tham gia hào hứng của các đồng chí trong Đảng ủy và BGH nhà trường. Hội thao tạo bầu không khí vui vẻ, thoải mái góp phần nâng cao sức khỏe và tinh thần đoàn kết trong đơn vị. Có 05 đoàn viên tham gia Hội thi giảng viên giỏi vòng trường năm 2023 đều được công nhận là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị giỏi, trong đó có 02 đồng chí được công nhận là giảng viên xuất sắc.

Trong đợt hoạt động phong trào này, CĐCS đã giới thiệu cho Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học 01 đoàn viên ưu tú đề nghị Đảng ủy xem xét kết nạp đảng. Tổ chức hoạt động đối thoại với Đảng ủy, kiến nghị một số nội dung liên quan đến công tác phát triển đảng đối với đoàn viên công đoàn đã hết tuổi đoàn thanh niên, một số chế độ hỗ



# HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO



**Công đoàn Trường Chính trị tổ chức sinh nhật quý II năm 2023 cho đoàn viên**

trợ tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ cho đoàn viên công đoàn ..v.v.. Đảng ủy chỉ đạo CĐCS quan tâm phát triển đảng là đoàn viên công đoàn; quan tâm thực hiện công tác kiểm tra giám sát trong công tác thực hiện chế độ chính sách đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.; Tăng cường viết bài đưa tin về hoạt động của công đoàn trường trên Trang thông tin điện tử, Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn, tham gia viết bài bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên các trang mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác.

Nhìn chung, công tác triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch Tháng công nhân năm 2023 của CĐCS Trường Chính trị đạt hiệu quả cao, đảm bảo cơ bản mục tiêu kế hoạch đề ra. Đây là kết quả đáng khích lệ trong lần đầu tiên tổ chức hoạt

động phong trào của BCH CĐCS nhiệm kỳ mới.

Bên cạnh kết quả đạt được, một số hoạt động phong trào trong đợt này vẫn còn hạn chế nhất định. Cụ thể là công tác tuyên truyền cần phải nâng cao chất lượng hơn, đa dạng hóa phương pháp, cách thức để lan tỏa nhiều hơn nội dung, ý nghĩa của các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước. Hoạt động chào mừng ngày sinh nhật Bác chưa có điểm nhấn rõ nét tương xứng với chức năng của cơ quan đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Tỉnh ủy. Một số ít công đoàn viên còn thờ ơ, chưa thật sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình các phong trào do BCH phát động.

Thời gian tới, BCH chú trọng công tác xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết

hơn, bố trí thời gian hợp lý cho các hoạt động phong trào. Đặc biệt, phát huy dân chủ, thực hiện đầy đủ vai trò của tổ chức công đoàn chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của VCNLĐ tại đơn vị. Nâng cao niềm tin, sự ủng hộ, sự đồng lòng tham gia của VCNLĐ trong mọi hoạt động phong trào của CĐCS Trường chính trị ■